

# Lăng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông chương Sớ Sao

Quyển Thượng



Đời Thanh, Triết Giang, Từ Vân Hương Nghiêm hành giả  
Quán Đảnh sa môn Tục Pháp soạn  
(Dịch theo bản của Hoa Tạng Tịnh Tông Phật học hội, Dân quốc năm  
80, tháng 6)

## Lời người dịch

**Lăng Nghiêm là một bộ kinh tâm yếu nhất** của nhà Phật, mà có lẽ cũng là một bộ kinh kỳ đặc nhất vì được cả ba tông: Thiền, Tịnh, Mật cùng coi trọng. Từ trước đến nay, kinh đã được bao vị tôn đức phiên dịch, chú giải, giảng thuật. Nhưng chương Thế Chí trong phẩm kinh này không được chú trọng nhiều có lẽ vì đa số các nhà giảng kinh chỉ chú tâm vào phần chỉ bày cái tâm cùng chương ngũ ấm ma. Chính Ấn Quang đại sư đã xếp chương này vào ngang hàng với các kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ kinh và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm và gọi là tịnh độ ngũ kinh.

Nhờ chút phước thừa, mặt nhân được đọc cuốn Lăng Nghiêm Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Số Sao của hội Hoa Tạng Tịnh Tông học hội Đài Loan ấn hành. Đọc xong càng thêm hâm mộ Tịnh Tông nên kính cẩn chuyển ngữ sang tiếng Việt, với tâm nguyện khiến những liên hữu cùng tu Tịnh Độ được hiểu thêm về sự lý viên dung của pháp môn Niệm Phật để tín, hạnh, nguyện càng thêm vững mạnh, người chưa tu cũng nhân đó được phát khởi tín tâm, chuyên cần niệm Phật. Cuốn số sao này được pháp sư Từ Vân Quán Đảnh sa môn Tục Pháp soạn dưới đời vua Khang Hy nhà Thanh. Theo lời tự thuật của hòa thượng tác giả, vào năm Mậu Ngọ, nhân được một cư sĩ thỉnh mở pháp hội Hoa Nghiêm để chúc thọ cho phụ mẫu, ngài làm sám chủ, khi tụng đến phẩm Nhập Pháp Giới, đoạn Thiện Tài đồng tử được ngài Đức Vân khai thị pháp môn niệm Phật, ngài chợt rúng động cả tâm can. Đêm ấy, ngài lại mộng thấy hòa thượng bốn sư của mình giảng về chương Thế Chí. Sáng ra, ngài vội duyệt lại bộ Thanh Lương số sao để nghiên ngẫm thêm huyền nghĩa rồi đến ngày mồng tám thạp chạp năm ấy mới bắt đầu chấp bút khởi tác bộ số sao này cho mãi đến đêm trước ngày rằm tháng giêng năm sau mới hoàn thành. Đến tháng bảy năm ấy, bản chú giải này được khắc in lần đầu. Đủ biết là bản chú giải này thâm hợp với mật ý của chư Phật, Bồ Tát nên mới được in nhanh chóng đến thế. Như tên của tác phẩm đã nêu, phần chú giải gồm có hai phần: số là lời chú thích kinh, sao là phần giải thích lời số cho được rõ nghĩa hơn. Điểm đặc sắc của bản chú giải này là các khía cạnh về sự lẫn lộn của pháp môn Niệm Phật được mổ xẻ cặn kẽ khiến cho người đọc thấy rõ pháp môn này chẳng phải chỉ là ngoài tâm cầu Phật như một số người chưa

suy xét kỹ càng đã vội lên tiếng chỉ trích. Trong tác phẩm trên cũng có hai bài pháp luận vô cùng hữu ích cho người niệm Phật: một của pháp sư Đàm Loan, một cao tăng trong Tịnh Độ và một của Trí Giả Đại Sư, một trong những vị sáng lập tông Thiên Thai. Ngay cả tổ Thiên Thai Trí Giả cũng còn nhiệt liệt tán dương pháp môn niệm Phật thời biết pháp môn này chẳng phải chỉ dành cho kẻ hạ căn kém cỏi như lắm người nông cạn xét đoán.

Khi dịch tác phẩm này, mặt nhân xiết bao sợ hãi vì học vấn quá non kém, sự hiểu biết Phật học quá nông cạn đến nỗi nhỡ dịch sai, phản lại cả ý kinh thì tội ấy để đâu cho hết. Nhưng vẫn miễn cưỡng dịch ra với hy vọng đem lại phần nào lợi lạc cho những người không có cơ duyên đọc được chữ Hán. Còn nhớ hai mươi năm trước, lần đầu được đọc cuốn kinh Tam Bảo của hòa thượng Trí Tịnh, con đã sung sướng biết bao khi được biết về cõi Tịnh Độ. Rồi lần lượt đọc những tác phẩm xiển dương Tịnh Độ của ngài, niềm tin vào pháp môn Tịnh Độ càng thêm mạnh mẽ. Nhờ ơn khai thị của thầy, con mới có thiện duyên tin tưởng vào Phật pháp nhiệm mầu, mới gia tâm tìm đọc thêm kinh điển. Nay với dịch phẩm thô lậu này, nếu như con tạo được chút phần công đức nào, thì nguyện xin hồi hướng lên hòa thượng, kỳ vọng ân sư thân tâm thường an lạc, trụ thế lâu dài để tiếp độ hàng hậu học chúng con. Cũng xin hồi hướng phước báo này lên hòa thượng Tịnh Không cùng những đạo hữu trong Tịnh Độ Tông Đài Loan đã phát tâm pháp thí vô biên ấn tống và cho không tác phẩm quý báu về Tịnh học như cuốn Lăng Nghiêm Thế Chí Viên Thông Niệm Phật số sao này. Nguyện tất cả chúng sanh thấy, nghe, dấu có phỉ báng dịch phẩm này cũng được ân triêm pháp lợi.

### **Thích:**

Một chương này phân ra làm ba ý lớn:

Một: thông tự đại ý.

Hai: khai chương, giải thích kinh văn

Ba: quy mạng, hồi hướng.

### **A. Thông tự đại ý:**

Gồm hai phần:

1. Giải thích rõ tông chỉ, nghĩa thú
2. Lược giải tựa kinh

## 1. Giải thích rõ tông chỉ

Gồm 3 phần:

- a. Thông tự: tông chỉ niệm Phật
- b. Nêu riêng nội dung của chương kinh này
- c. Dẫn khởi sự lợi ích thù thắng, khuyên tu

### 1.a. Thông tự: tông chỉ niệm Phật

Sớ: Lớn vậy thay, niệm Phật chính là một pháp môn gồm thâu cả tiểu lẫn đại, nhiếp hết lợi căn, độn căn, sự lý viên dung, tánh tướng vô ngại. Tức Phật là tâm, chẳng có tâm nào chẳng phải là tâm Phật. Tức tâm là Phật, không một Phật nào chẳng phải là Phật tâm. Tâm một phen nghĩ tới, Phật, Phật trọn bày. Vừa xưng danh Phật một tiếng, tâm tâm mau hiển. Chẳng có Phật ngoài tâm để tâm nhớ tới! Cũng chẳng có tâm ngoài Phật để Phật tuyên nói. Chúng sanh niệm Phật: Phật ở trong tâm chúng sanh. Phật niệm chúng sanh: chúng sanh ở trong tâm Phật. Tâm này là Phật, tâm chẳng niệm mà Phật chẳng tạo tác. Chính là Phật hiển tâm, Phật chẳng xưng thì tâm chẳng hiển. Nên biết một môn niệm Phật, thật là diệu pháp để kiến tánh thành Phật vậy.

Sao: Từ chữ 'lớn vậy thay' trở đi, chia làm hai phần. Trước là phần giải thích, lại gồm có ba ý:

Trước hết là nêu chung sự thâu nhiếp của [pháp môn niệm Phật]. 'Lớn vậy thay': chính là câu khen ngợi, cũng là chữ để phát khởi vậy. Từ chữ 'niệm Phật' trở đi, chính là nói về pháp được khen ngợi. Câu đầu nêu thể: Niệm Phật chính là nói riêng, pháp môn là nói chung. Bốn câu kế là giải thích về tướng. Hai câu đầu: nói về người [được nhiếp]. Nói 'đại, tiểu' là ước về thừa. Nói lợi, độn là ước về căn. 'Gồm thâu, nhiếp hết' là hóa đạo tiểu thừa, dẫn tiểu thừa hướng đến đại thừa, khuyến tấn đại thừa, bỏ quyền (phương tiện) hướng thật, khiến ba tâm của bậc thượng căn (chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm) phát khởi trọn vẹn, tiến thẳng đến vô sanh, làm cho kẻ hạ căn mười niệm thành công, cũng sanh cõi kia (nước Cực Lạc). Hai câu kế đó, nói về pháp. Sự, lý là ước về hạnh. Tánh tướng là ước về đế. 'Viên dung, vô ngại' là kẻ hạ căn ngu độn chấp sự, mê lý, người trí nhỏ chấp lý bỏ sự. Nay khiến cho thông hiểu sự, lý. Nương vào lý mà tu liền chứng chơn đế, thấy được tự tánh Di Đà. Nương vào sự mà tu liền chứng tục

đế, sanh cõi tướng Cực Lạc. Kế tiếp, nêu riêng lý bất nhị (không hai). Trước hết tâm và phật không hai. Bốn câu đầu là ước về tánh mà phát khởi. Nói về tâm Phật, tạo thành năm cặp: Một là tâm ngoài Phật, Phật ngoài tâm. Hai: Phật trong tâm, Phật duy tâm. Ba: tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Bốn: tâm chẳng phải là Phật, Phật chẳng phải là tâm. Năm, tâm và Phật viên dung, vô chướng, vô ngại. Ngũ giáo lần lượt ghép lại như thế mà biết. Nay nêu rõ ý nghĩa của cặp thứ ba: Cái tâm Phật đây, toàn thể thấu khắp hết cả, như vàng và khí cụ. Dùng vàng thâu khí cụ, khí cụ không sót, dùng khí cụ nhiếp vàng, vàng chẳng thể hết. Tám câu từ chữ ‘tâm’ trở đi là ước về tu mà nói. Tâm nghĩ tới Phật, Phật xứng với tâm, đều là nêu về cái tu. Tâm nghĩ Phật hiện, tâm tức là Phật vậy. Phật xứng tâm mà hiển, thì Phật chính là tâm. Vô vi tâm nghĩ, ngoài tâm không Phật, Phật tương xứng vô vi, ngoài Phật không tâm. Phẩm Hồi Hương trong kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Chẳng có Như ngoài trí để trí nhập được, cũng không trí ngoài như để có thể chứng như’ chính là nghĩa này.

Từ chữ ‘chúng sanh’ trở đi, ba thứ vô sai biệt, tức là tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ vô sai biệt. Bốn câu trước nêu thẳng sự sai biệt. Chúng sanh niệm Phật là chúng sanh trong tâm chư Phật, niệm chư Phật trong tâm chúng sanh. Phật ở trong tâm chúng sanh, ngoài tâm của chúng sanh không có Phật khác. Phật chơn tâm tức là chơn tâm của chúng sanh. Đây chính là nêu rõ dùng nguyên nhân để nhiếp pháp không bỏ sót vậy. Nên nói chúng sanh niệm Phật, hiện tiền, tương lai tất sẽ thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: ‘Nên biết tự tâm trong niệm niệm thường có Phật thành chánh giác. Vì có sao? Chư Phật Như Lai chẳng lìa tâm này thành chánh giác vậy’. ‘Phật niệm chúng sanh’ là chư Phật trong tâm chúng sanh niệm chúng sanh trong tâm của chư Phật. ‘Chúng sanh ở trong tâm Phật’ là ngoài Phật chơn tâm chẳng có chúng sanh. Mà chơn tâm của chúng sanh tức là chơn tâm của Phật. Điều này nói về quả: nhiếp pháp không sót vậy. Nên nói: ‘Mười phương Như Lai mãi niệm chúng sanh như mẹ nhớ con’. Luận Phật Tánh chép: ‘Hết thấy chúng sanh đều ở trong trí của Như Lai, hết thấy chúng sanh quyết định chẳng ngoài cảnh như như, đều được như lai nhiếp trì’. Xét theo Thanh Lương số, chia thành bốn nghĩa: Một là ngoài tâm chư Phật, không có chúng sanh khác. Hai là ngoài tâm chúng sanh, lại không có Phật khác. Ba là Phật tâm, chúng sanh tâm, hai thứ cùng hiện. Bốn là chúng sanh tâm, Phật tâm đoạt nhau cùng mất. Nay bèn ước theo hai ý trước để giải thích: Từ chữ ‘tâm này là Phật’ trở đi, bốn câu đó nhiếp các câu trước để hiển thị: Tâm chính là Phật, do

chẳng giác nên Phật ẩn. Nếu muốn làm Phật thì phải niệm tâm. Thế nên Luận Khởi Tín nói: ‘Chúng sanh bốn giác cùng Phật bốn giác chẳng có hai thể. Nếu chẳng niệm tâm, khó thành Phật nổi’. Phật vốn là tâm, như vô minh nên tâm tầm tối. Nếu muốn hiển tâm, phải nên niệm Phật. Nên kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Phật trí rộng lớn, khắp tâm chúng sanh. Ngữ ngôn của chúng sanh đều chẳng lìa pháp luân của Như Lai’. Nếu chẳng xưng niệm Phật, khó thể minh tâm. Từ chữ ‘Nên biết’ trở đi là lời kết. Di Đà tức là tự tánh, tịnh độ toàn chỉ là nhất tâm. Lìa ngoài tâm tánh chẳng được mảy lông. Nếu có thể ức niệm, liền hiển bốn tánh Phật. Luận Khởi Tín nói: ‘Pháp giới một tướng, tức là pháp thân bình đẳng của như lai’. Tánh, Phật một phen vừa hiển, quả Phật tự chứng. Nên ngài Khuê Sơn nói: ‘Làm cho biết tâm là Phật tâm, nhất định sẽ thành Phật’, há chẳng phải vậy sao! Ví rời ngoài môn niệm Phật, mà muốn mau thấy tánh thành Phật thì là bỏ cái gần, cái dễ để cầu những cái xa, cái khó vậy.

1.b.Nêu riêng nội dung của chương này

**Sớ: Bối vậy, mười hai đức như lai gọi [pháp niệm Phật] là tam muội.** Thế Chí Bồ Tát nêu là viên thông. Tam muội thì tổng nhiếp các thiền. Viên thông thời đầy đủ vạn hạnh. Nhất tâm đốn thực, chẳng đáng hay sao.

**Sao: Từ chữ ‘Bối vậy’ trở đi, chia thành ba đoạn:** Trước hết là phần chánh hiển. Chữ ‘bối vậy’ là từ tiếp nối đoạn trước để khởi đầu đoạn sau. ‘Mười hai đức Như Lai gọi là tam muội’: Phạm phu tâm như, ngẫu đực như Hoàng hà, ngoại đạo vọng tưởng phóng túng như ngựa lồng, nên nói tam muội, nhằm làm cho bỏ như thành tịnh, bỏ tán loạn vào tịch tĩnh vậy. ‘Thế Chí Bồ Tát nêu pháp Niệm Phật là viên thông’: tiểu thừa bảy đời đoạn hoặc, chứng chơn. Quyền giáo ba a tăng kỳ mới đủ như mãn quả. Thế nên, nói viên thông là muốn cho mau chứng, chóng thành, viên siêu trực nhập vậy. Từ chữ ‘tam muội’ trở đi, nêu hai tính chất riêng. Tức là tam muội này tổng nhiếp hết thủy thiền định thế gian, xuất thế gian, khác hẳn các tam muội khác. Như một khối quặng lớn, đúc thành ngàn món đồ. Viên thông là trọn vẹn tám vạn bốn ngàn hết thủy quán hạnh, khác hẳn với các thứ viên thông khác, ví như thuốc A Già Đà trị hết vạn bệnh. Hai câu sau cùng là ba thứ khuyên răn: Tam muội là nói về thật giáo. Viên thông là nói về đốn giáo. Học đốn thật giáo là điều nên làm.

Lại nữa, trên nêu rõ nghĩa viên mãn: pháp môn này kiêm hiển đốn, thực. Chúng sanh niệm Phật nhất định thành Phật. Luận Khởi Tín chép: ‘Chuyên niệm Di Đà, tu thiện hồi hướng, nguyện sanh cõi ấy, cuối cùng

được thấy Phật'. Kinh Hoa Nghiêm nói: 'Lúc sắp lâm chung, các căn tán hoại, chỉ có nguyện vương này, dẫn đường đặng trước, liền được vãng sanh, thấy Phật Di Đà, được Phật thọ ký, chẳng lâu sẽ ngồi bồ đề đạo tràng, thành Đẳng Chánh Giác'. Chúng sanh nhớ Phật, hiện tiền liền thấy, tức là đốn (nhánh chóng) vậy. Kinh Phật Tạng dạy: 'Vô giác, vô quán gọi là niệm Phật. Vô tưởng, vô ngữ gọi là niệm Phật'. Kinh Ma Ha Bát Nhã dạy: 'Bồ tát ma ha tát niệm Phật, chẳng dùng sắc niệm, chẳng dùng thọ, tưởng, hành, thức niệm. Do tự tánh các pháp không tịch vậy'. Nay kiêm hiển rõ nghĩa này nên là đốn, thực, vì thế đáng học.

### **1.c Nêu sự lợi ích thù thắng, khuyên tu:**

Sớ: Nghe nói danh hiệu Phật, Oai Quang chứng nhập vô tận, ức niệm Phật cảnh, Đức Vân nhiều giải thoát môn. Có ích lợi thù thắng thế ấy, sao lại tự buông, tự bỏ, chẳng nguyện, chẳng tu ư?

Sao: Từ chữ 'nghe nói' bốn câu trở đi là sự dẫn nhập ban đầu. 'Nói danh hiệu Phật' là như kinh Hoa Nghiêm nói: Lúc Phật Thắng Vân hiện trong rừng Bảo Hoa, vang ra âm thanh nói danh hiệu của tam thế hết thảy chư Phật. Lúc ấy, đức Như Lai đó ở trong chúng hội, nói kinh Phổ Tập Nhất Thiết Tam Thế Phật Tự Tại Pháp.

'Nhập vô tận' là như kinh Hoa Nghiêm nói: 'Nơi Thắng Vân Phật chứng được nhất thiết chư Phật công đức luân tam muội, chứng được nhất thiết Phật pháp phổ môn đà ra ni, biết rõ biển hết thảy Phật quyết định giải trang nghiêm thành tựu, rõ biết biển thần thông vô biên Phật hiện trước hết thảy chúng sanh, rõ biết nhất thiết Phật lực vô úy pháp. Nơi Phật Thiện Nhãn, liền được niệm Phật tam muội, gọi là vô biên hải tạng môn. Mười ngàn pháp môn như thế đều được thông đạt. 'Ức niệm Phật cảnh' là như trong kinh Hoa Nghiêm, ngài Đức Vân bảo Thiện Tài rằng: 'Này thiện nam tử! Ta chỉ được môn ức niệm cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến của hết thảy chư Phật này. 'Nhiều giải thoát' là như Kinh Hoa Nghiêm nói: trí quang phổ chiếu niệm Phật môn, hẳn đến trụ hư không niệm Phật môn v.v.. hai mươi hai thứ. Từ chữ 'có ích lợi' trở đi, gồm hai ý khuyên kết lại. Trước hết là chánh khuyến. Các pháp môn khác: cạn thì chẳng xứng thượng căn, sâu thì hạ căn tuyệt chẳng có phần. Duy chỉ một pháp này, gồm thâm lợi, độn, như thủy tinh châu, đến đâu cũng có ích, nên phải nên tín thọ hành trì. Niệm Phật như trồng lúa, tâm mình như ruộng nhà, tin phải như thể tin chắc gieo cấy giống ấy nhất định được thóc. Nguyện phải như khi biết giống lúa tốt, nhất tâm cầu thóc, hạnh phải như vui cầu được thóc, ra sức cày bừa. Hai câu từ chữ 'sao lại' trở đi, là ý thứ hai kết lại để

trách. Nhơn quả mười cõi đều duy tâm hiện. Trong một niệm tâm: sân, giận, tà dâm liền là cõi địa ngục. Keo tham chẳng thí là cõi nạ quỷ. Ngu si tầm tối là cõi súc sanh. Ngã mạn kiêu căng là cõi tu la. Giữ chắc năm giới là nhơn pháp giới. Chuyên tu mười thiện là thiên pháp giới. Chứng ngộ nhập không là thanh văn giới. Biết duyên tánh ly, là duyên giác giới. Lục độ cùng tu là bồ tát giới. Chơn từ bình đẳng là Phật pháp giới. Nay pháp dạy niệm Phật này, muốn người niệm cái tự tâm mình, thành Phật của chính mình. Cớ sao bỏ tự tâm Phật, phụ lời dạy của Phật ư? Kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới chép: ‘Bồ tát rõ biết chư Phật cùng hết thảy pháp, đều duy tâm lượng, được tùy thuận hẳn, xả thân mau sanh Cực Lạc tịnh độ’.

Chiếu luật sư hỏi: ‘Kinh chép: tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tâm đã là Phật, sao cần phải niệm Phật khác?’ Đáp: Bởi tâm vốn là Phật, nên khiến chuyên niệm Phật ấy. Kinh Phạm Võng Giới nói: ‘Tin biết hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, ta là Phật chưa thành, chư Phật là Phật đã thành’. Phật trong tâm ông là Phật chưa thành. Phật Di Đà là Phật đã thành. Phật chưa thành đắm trong biển dục đã lâu, đủ các phiền não, khó biết ngày ra. Phật đã thành từ lâu đã chứng bồ đề, đủ đầy oai thần, hay cứu giúp chúng sanh. Thế nên chư Phật khuyên phải niệm Phật. Tức là dùng Phật chưa thành của ta cầu Phật đã thành của người, hầu cứu giúp cho vậy. Chúng sanh nếu chẳng niệm Phật, thánh phàm mãi mãi cách biệt. Cha con chống trái nhau, ở mãi trong luân hồi, cách Phật thật xa. Bởi thế, các đại bồ tát: Văn Thù, Phổ Hiền v.v.. đều nguyện niệm Phật vãng sanh, huống hồ bọn phàm phu ta! Lại loài sâu bọ kia, nghe lời dạy còn được thành, còn loài người chẳng bằng loài trùng đó sao! Chẳng nguyện còn tự buông bỏ thì thật mê lầm vậy thay!

## **2 Lược giải tựa đề của kinh**

Sớ: Lăng Nghiêm (Surangama) là hết thảy sự rốt ráo, kiên cố, là tên chung của toàn bộ kinh. Viên Thông là thánh tánh pháp môn, không chi chẳng thông, là đề mục riêng của một chương. Thế Chí là người khai giáo. Niệm Phật là pháp tu hành. Phần kinh văn này tuy chỉ gồm mười hai hàng, mà nghĩa bao trùm các kinh tịnh độ: có giáo, có cơ, có pháp, có dụ. Riêng gồm sự cảm ứng giữa chúng sanh và Phật, nhưng nhơn, quả, ta, người thấu triệt. Làm đèn, trăng cho tâm cảnh, là thuyền bè cho thánh phàm. Nên gọi là Lăng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương.

Sao: Từ chữ ‘Lăng Nghiêm’ trở đi, trước hết giải thích tên. ‘Hết thảy sự’: ba khoa, bảy đại. ‘Rốt ráo’ là không, ‘kiên cố’ là bất không. Hợp cả



hai nghĩa này là không bắt không. Uẩn, xứ, giới, đại vốn là như lai tạng, nên mọi sự rốt ráo kiên cố, gọi là Lăng Nghiêm định. Đã trụ pháp vị, thể tướng thường trụ, nên định này cũng gọi là Kiện Tướng (tướng mạnh mẽ) tam muội. ‘Thánh tánh’ là nêu lý, ‘pháp môn’ là ước về giáo. Nêu lược về hạnh quả khá biết, nêu thẳng bốn pháp hỗ tương: viên (tròn đủ), thiên (riêng lệch), cai (gồm cả), thông. Nương vào chỉ (dứt) thành định, gọi là Lăng Nghiêm. Nương vào quán thành huệ, gọi là Viên Thông. ‘Đề mục riêng’ chính là pháp Niệm Phật Viên Thông của ngài Thế Chí, là một trong hăm lăm pháp viên thông tu đạo. Từ chữ ‘Thế Chí là người’ trở đi, cũng là cách lược nêu, nghĩa đầy đủ phải nói là: người có thể khai (khai mở ra), có thể tu là ngài Thế Chí. Cái được khai mở, được tu là pháp niệm Phật. Đoạn văn kể đó là hậu kết để khen, gồm hai ý: Trước là khen riêng, đức Phật dạy ta niệm Phật là tùy cơ giáo. Dùng hình ảnh mẹ con, nhiễm mùi hương là pháp dụ. Như lai thương nghĩ chúng sanh, chúng sanh nhất tâm nhớ Phật là chúng sanh và Phật cảm ứng. Ta do niệm Phật nhập nhần để nhiếp người niệm quy tịnh là hơn quả của ta và người. ‘Đèn, trăng cho tâm cảnh’ là nương vào tự tâm mình, niệm Phật cảnh ấy, thời Phật cảnh hiện được. Dựa vào cảnh Phật đó, niệm tự tâm mình, thời tự tâm dễ hiện. Hiện bày lẽ này đều nhờ vào nguyệt đặng giáo pháp để chiếu kiến. Ngoài tâm có cảnh là giáo pháp tiểu thừa. Cảnh chỉ là tâm là thi giáo. Tức tâm tức cảnh là chung giáo. Phi cảnh phi tâm là đốn giáo. Tâm cảnh vô tận là viên giáo. Tức là với những pháp được giải thích, thì đèn và trăng dụ cho giáo pháp để giải thích pháp ấy. Thanh, danh, cú nghĩa môn như ánh đom đóm, là tiểu. Nhiếp cảnh duy tâm môn, như lửa đèn, là thi giáo. Lý sự vô ngại môn như ánh sao là chung giáo. Cùng hội lại để quy về tánh, như vàng trắng là đốn giáo. Môn khắp hàm chứa vô tận như mặt trời là viên giáo. Ở đây, ước lấy hai trong các nghĩa ấy để nói. ‘Thuyền bè cho thánh phàm’: niệm danh hiệu Phật, thọ trì quy, giới, vượt khỏi tam đồ. Hạ hạ phẩm sanh gọi là hơn thừa, ví như xuống nhẹ chỉ vượt nổi khe lạch. Niệm sắc tượng Phật, tu hành thiền, thiện, vượt khỏi bốn châu, sanh hoa sen hạ phẩm, gọi là thiên thừa, ví như thuyền nhỏ, vượt cửa sông nhỏ. Niệm ứng hóa Phật, quán bốn chơn đế, vượt khỏi ba cõi, sanh sen trung phẩm, gọi là thanh văn thừa, ví như chiến thuyền, vượt qua hồ lớn. Niệm thọ dụng Phật, liễu ngộ hơn duyên, chứng nhị Niết Bàn, sanh sen thượng phẩm, gọi là Duyên Giác thừa, ví như thuyền lớn, vượt qua sông to. Niệm Phật pháp tánh, trí bi cùng vận, vạn hạnh hưng khởi chặt chẽ, thành vô thượng đạo, siêu cõi phàm tiểu, sanh thượng thượng phẩm, gọi là bồ tát thừa, ví như hạm

thuyền, vượt thẳng đại hải. Lại nữa, trì danh niệm Phật như như đặc thuyền, là thanh văn thừa. Quán tưởng niệm Phật như phương thuyền là bích chi Phật. Quán tưởng niệm Phật như duy thuyền, là bồ tát thừa. Thật tướng niệm Phật như tạo thuyền là Phật thừa vậy.

(Chú thích của người dịch: Đây là các loại thuyền xưa phân định theo quan tước, phẩm trật. Thuyền của vua ngự gọi là tạo thuyền. Dùng bốn chiếc kết lại thì gọi là duy thuyền, dành cho tước hầu trở lên. Hai chiếc kết lại gọi là phương thuyền, dành cho hàng đại hu. Thuyền chỉ một chiếc thì gọi là đặc thuyền dành cho bậc nhơn sĩ).

‘Thánh phàm’ tức là người được hóa độ. ‘Thuyền bè’ dụ cho pháp để giáo hóa. Chữ ‘nên gọi’ dùng để tổng kết.

## B. Khai chương giải thích kinh văn

Gồm hai phần:

Một, lược nêu.

Hai, giải thích tường tận

### ! Lược nêu

**Sớ:** Giải thích kinh này, phân biệt làm năm môn. Một là nhơn duyên phát khởi của giáo pháp này. Hai là phân định giáo pháp này nhiếp về tạng nào, thừa nào. Ba là tông thú, chỉ quy. Bốn là lược giải đề danh. Năm là giải tường tận nghĩa kinh văn.

**Sao:** Hai câu đầu là nêu chung. Từ chữ ‘Một là’ trở đi, phân biệt từng môn. Ở đây căn cứ theo ý của Bát Nhã sớ, lược khai năm chương, ba chương đầu là nghĩa môn, hai chương sau là phần chánh giải thích.

### ! Giải thích tường tận

Gồm năm phần:

- Giáo hưng (nguyên nhơn phát khởi giáo pháp)
- Tạng nhiếp (phân định kinh văn thuộc về tạng nào)
- Tông thú (chỗ quy hướng của kinh)
- Giải thích đề mục kinh
- Giải thích kinh văn

#### 1. Giáo hưng

Sớ: Thứ nhất, nhơn duyên khởi giáo, Trí Độ Luận chép: ‘Như núi Tu Di, chẳng phải không nhơn duyên, chẳng phải chút nhơn duyên làm nó lay động được’. Giáo pháp niệm Phật hưng khởi lên cũng giống như thế, đủ nhiều nhơn duyên. Một là chỉ ra con đường tu hành nhanh tắt. Hai, vì chỉ bày cho đương nhơn Phật trong tự tâm. Ba, muốn cho ngộ nhập tâm tánh của Phật. Bốn là hiển thị tâm của chúng sanh và tâm của Phật không sai biệt. Năm là độ thoát phàm ngoại, vượt ngang ba cõi. Sáu là

tiếp dẫn quyền, tiểu viên thành Phật quả. Bảy là sung túc ba bậc chẳng có nghi hối. Tám là lợi ích cho đời này, đời sau khắp bao hàm vô tận. Chín là nhiếp sáu căn chứng cảnh viên thông. Mười là mau hết phiền não, quyết định sanh nước Phật vậy.

Sao: Câu đầu là câu nêu để dẫn khởi. Từ chữ ‘Trí Độ Luận’ trở đi là giải thích nghĩa, gồm hai ý: một, trước là dẫn chứng. Câu ‘như núi Tu Di..’, là thí dụ. Từ chữ ‘niệm Phật’ trở xuống, là hợp (tức là dựa vào ví dụ để đề cập ý mình). Từ chữ ‘Một là’ trở đi là phần chánh giải thích. Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Sơ tâm nhập tam muội, lâu mau chẳng ngang nhau’. Nên biết học đạo nơi các pháp môn khác quanh co, trắc trở, ví như tổ mối. Một môn niệm Phật, xưa gọi là đường tắt, tựa như gió nước. Tổ Thiện Đạo nói: ‘Chỉ có đường tắt tu hành, chỉ niệm A Di Đà Phật, huống là nay trì danh, lại là đường tắt trong các đường tắt. Nếu muốn một đời hoàn thành, nên với pháp này lưu tâm’.

Từ chữ ‘Hai là’ trở đi, như Quán Kinh dạy: ‘Tâm này làm Phật, tâm này là Phật’. Biến chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh, thế nên dạy người niệm Phật, tức là niệm tự tâm Phật vậy.

Câu ‘Ba là..’: Phật tâm tánh, kinh Lăng Nghiêm chép: ‘Ta do bất diệt bất sanh, hợp Như Lai tạng, mà Như Lai tạng chỉ là diệu giác minh, viên chiếu pháp giới’. Luận Vô Sai Biệt chép: ‘Tâm tánh này trong sạch, với pháp giới đồng thể. Như Lai y vào tâm này, thuyết pháp chẳng nghĩ bàn’, thời biết Phật dùng như lai tạng tịnh pháp tánh làm tâm vậy. ‘Cho ngộ nhập’: Luận Khởi Tín chép: ‘Tướng tự thể của chơn như, [nơi] phàm phu, chư Phật chẳng có tăng, giảm’. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài Phú Lô Na nói: ‘Cái tâm trong sạch, chơn thực, màu nhiệm, quý báu, giác ngộ, tròn đủ, trong sáng của con cùng Như Lai đều viên mãn không hai’. Quán Kinh dạy: ‘Các ông lúc tâm tưởng Phật, liền là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình’. Vì thế, chúng sanh lúc niệm tâm Phật, liền có thể ngộ nhập Phật tâm tánh.

Trong câu ‘Bốn là’, luận Vô Sai Biệt chép: ‘Chúng sanh giới chẳng khác pháp thân, pháp thân tức là chúng sanh giới’. Quán Kinh dạy: ‘Chư Phật Như lai là pháp giới thân, vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh’. Trong đoạn sau có nói: Nếu chúng sanh tâm nhớ Phật, hiện tiền quyết định thấy Phật, tức là pháp môn này có thể hiển thị: tâm, Phật, chúng sanh ba thứ vô sai biệt vậy.

Trong câu ‘Năm là’, phàm phu ngoại đạo do kiến tư hoặc, khởi nghiệp, cảm báo, luân chuyển chẳng ngơi, nương vào các pháp khác tu, cho đến khi hết hoặc, thì mới được xuất ly, nên gọi là vượt ra tam giới theo đường thẳng. Chỉ có pháp môn niệm Phật, mang theo [kiến tư] hoặc

vãng sanh, nên gọi là vượt ngang ra khỏi tam giới. Như sâu trong cây tre, đục thẳng thời phải qua nhiều đốt khó thông, đục ngang thời một chốc mau ra khỏi. Đồng Giang pháp sư nói: ‘Ra thẳng là nương vào tứ đế, nhưn duyên, các độ, trải qua các địa vị, như muốn đỗ đạt phải có tài học. Như lần lượt được thăng quan, phải có công lao. Vượt ngang ra là niệm Phật pháp môn, như người được tập ấm, công do tổ phụ, sức người khác, chẳng luận học vấn có hay không. Lại như ân vua phong cho tổ phụ nay được thừa hưởng, công do quốc vương, chẳng luận làm quan lâu mau.

Trong câu ‘Sáu là’, sáu tâm bồ tát đọa lạc thanh văn, trần kiếp (kiếp nhiều như bụi) chẳng hồi, ví như hoa Yêm La, như cá con, tuy có thật nhiều, kết trái thật ít. Nếu có thể niệm Phật, phát ba tâm viên mãn, tự nhiên chuyển quyền thành thật, hồi tiểu hướng đại, như kẻ áo trắng chợt trở thành quý hiển, đất bằng lên tiên vậy. Thế nên, kinh Đại Bản nói: ‘Bồ tát muốn cho chúng sanh mau chóng an trụ vô thượng bồ đề thì phải nên khởi sức tinh tấn, nghe pháp môn này’. Lại thập địa trong kinh Hoa Nghiêm, trước sau chẳng ngoài pháp niệm Phật. Bạc viên giáo đấng địa còn như thế, huống là hạng người quyền, tiểu, sơ tâm!

Trong câu ‘Bảy là’, thượng phẩm lợi căn, nghe giáo pháp nhỏ liền hồi. Hạ phẩm độn căn nghe đại giáo liền nghi. Thế nên trong hội Hoa Nghiêm, thanh văn tuyệt chẳng có phần. Trong thời A Hàm, bồ tát chẳng dự. Nay một pháp niệm Phật đây, như vạn ứng cao, độc bệnh đều khỏi, như mưa đúng thời, cỏ cây đều tươi tốt. Thế nên, pháp này nhiếp sạch lợi căn lẫn độn căn, gồm thân thượng phẩm, hạ phẩm.

Trong câu ‘Tám là’, Phật tùy cơ nghi, lợi cho cả mai sau, tức là lợi ích cho kẻ thấy nghe cả sau khi Phật diệt độ. Như trong kinh chép: ‘nhiếp người niệm Phật, quy về tịnh độ’: Quán kinh chép: ‘Như Lai ngày nay vì hết thảy chúng sanh trong đời mai sau bị giặc phiền não làm hại, nói nghiệp thanh tịnh’ nên như châu như ý, lợi khắp vô tận vậy.

Trong câu ‘Chín là’, hết thảy chúng sanh mê tâm thường trụ, dùng các vọng tưởng, mắc vào sắc, thanh, trái nghịch cảnh viên thông. Nay niệm Phật thì lục căn đều nhiếp, giữ nơi chơn thường, thường quang hiện tiền, cảnh viên thông phát. Tuy chẳng muốn chứng cũng chẳng thể được. Thế nên, trong kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Giải Thoát bảo: ‘Biết hết thảy Phật, ví như ảnh tượng, tự tâm như nước, nước trong mà lặng, trăng hiện toàn thể’. Lại có kệ rằng: ‘Bồ tát: trăng thanh lương, thường dạo tất cánh không. Tâm chúng sanh như sạch, bồ tát ảnh hiện trong’, nên biết chúng sanh tịnh niệm, Di Đà quyết định

phóng quang minh. Tâm thủy chẳng tịnh, cảnh trăng viên thông của bồ tát cũng chẳng hiện.

Trong câu ‘Mười là’, mật pháp tu hành nhiều các chương nạn, tà ma nhiễu loạn, Phật đạo khó thành. Nay tu niệm Phật tam muội, nương vào nguyện lực oai thần của Phật, mau trừ phiền não, chóng phá vô minh, ma ngũ uẩn tiêu, tam thân Phật hiện, sẽ sanh cõi Phật Cực Lạc, thành hai quả: chơn, ứng vậy. Như đèn sáng lớn thắp ở trong phòng, chẳng chỉ xóa tan cái tối ngàn năm mà còn soi tỏ các vật.

Mà mười nguyên nhân này, sanh khởi có thứ tự. Trước hết, nhập đạo nhiều cửa, khó, dễ đều khác. Đề ra pháp niệm Phật, là đường tắt nhất. Thứ hai, đường tắt là vì niệm Phật tự tâm vậy. Ba là do niệm tâm Phật mới có thể thành Phật tâm. Bốn là Phật tâm nếu trong sạch, thì chúng sanh và Phật đồng thể, chẳng có hai. Năm là đã chẳng phải hai, há có phàm phu chẳng được độ thoát ư? Sáu là chẳng riêng phàm phu, cũng tiếp độ người thuộc hạng quyền, tiểu. Bảy là chẳng chỉ ngũ thừa, mà còn sung túc hết thảy chúng sanh thiện ác. Tám là chẳng chỉ hiện tại, mà còn khắp lợi vị lai, không có cùng tận. Chín là tế độ rộng lớn như thế là viên thông vậy. Mười là có tu, cuối cùng sẽ thành, nay đã viên thông, ắt sẽ thấy Phật về nơi tịnh độ. Lại do quyết định sanh cõi Phật, cho nên đề xuất pháp môn đường nẻo nhanh tắt, muốn cho tu hành mau thành Phật vậy. Trước sau liên hoàn như thế, tựa như móc xích, giáo pháp này được hưng khởi chẳng phải là không có nguyên nhân vậy.

## 2. Tạng nhiếp

**Sớ:** Hai là xét giáo pháp thuộc về thừa nào, tạng nào, thời trong tam tạng, [pháp này] nhiếp về Khế Kinh Tạng. Trong hai tạng, kinh này thuộc về bồ tát tạng. Trong tam thừa, kinh này thuộc về đại thừa. Trong ngũ giáo, kinh này thuộc ba giáo sau.

**Sao:** Chữ ‘hai là’ là để nêu vấn đề, từ chữ ‘thời trong’ trở đi, giải thích về tướng. Tam tạng là: một là tu đa la (Sutra), dịch là Khế Kinh, tức là Kinh Tạng, giảng về định học. Hai là Tì Nại Da (Vinaya), dịch là Điều Phục, tức là Luật Tạng, giảng về giới học. Ba là A Tì Đạt Ma (Abhidharma), dịch là đối pháp, giảng về Huệ học. Nay kinh này thuộc về kinh tạng, từ đầu đến cuối, chuyên nói niệm Phật tam muội vậy. Hai tạng là: một là bồ tát tạng, nói bày lý, hạnh, quả của bồ tát. Hai là thanh văn tạng, giảng bày về lý, hạnh, quả của thanh văn. Nay kinh này thuộc về bồ tát tạng, kinh đây diễn nói pháp niệm Phật viên thông của bồ tát.

Tam thừa là: 1. Tiểu thừa thanh văn, tức là tứ đế pháp môn chuyên chở chúng sanh ra khỏi tam giới, đến thành Niết Bàn thành A La Hán,

ví như xe dê. 2. Trung thừa Duyên Giác, tức là pháp môn nhơn duyên, chuyên chở chúng sanh vượt khỏi bốn không, ở nhà tịch tĩnh, thành Bích Chi Phật, ví như xe nai. Ba là đại thừa bồ tát, tức là pháp môn lục độ, chuyên chở chúng sanh siêu phàm tiểu cảnh, thẳng đến vô thượng bồ đề, bờ kia đại bát niết bàn, thành tựu Phật quả, ví như xe trâu. Nay kinh này thuộc về đại thừa, do như lai nghĩ thương chúng sanh, Thế Chí nhiếp người niệm Phật, an lạc các thừa, độ thoát chín cõi. Ngũ giáo là: 1. Tiểu giáo: Chỉ nói là người không tịch. 2. Thỉ giáo, chỉ nêu pháp không tịch, cũng gọi là Phần giáo, vì chỉ nói pháp tướng. 3. Chung giáo, lại nói trung đạo, cũng gọi là Thật giáo, hay bàn nhiều về pháp tánh. 4. Đốn giáo: chỉ luận chơn tánh. 5. Viên giáo: chỉ nói pháp giới vậy. Nay kinh này thuộc về ba thừa sau. Trong kinh chép: ‘Hai cái ức niệm sâu, mẹ con trải qua nhiều đời chẳng cách xa nhau’ chính là Chung vì lúc dần dần niệm, cuối cùng sẽ thành Phật. Trong kinh chép: ‘Dùng tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn, chẳng nhọc phương tiện’ là đốn vậy: biết Phật là tâm, mau thành Phật đạo. Trong kinh chép: ‘Đều nhiếp sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, được tam ma địa’ là viên vậy. Biết rõ ba thứ này không sai biệt là viên thông pháp giới vậy. Căn cứ theo đó, biết giáo nghĩa kinh này sâu rộng u viễn, chẳng thiếu cận vậy.

### **3. Tông thú**

Sớ: Ba là, tông thú chỉ quy, có tổng, có biệt. Tổng là dùng nhớ Phật, niệm Phật làm tông, thấy Phật nhập nhẫn, tâm cảnh viên thông là thú. Biệt thời có năm cặp: 1. Giáo nghĩa, dùng giáo thuyết làm tông, khiến đạt nghĩa làm thú. 2. Sự lý, nêu sự tướng làm tông, giảng rõ lý làm thú. 3. Cảnh trí, ba Phật cảnh làm tông, hai quán trí làm thú. 4. Hạnh vị: tín, hạnh, nguyện làm tông, nhập bất thối làm thú. 5. Nhơn, quả: dùng nhơn, hạnh làm tông, khắc quả đức làm thú.

Sao: Chữ ‘Ba là’ dùng để làm câu dẫn khởi, để nói tông chỉ, chỗ quy thú vậy. Điều kinh này đề xướng thì gọi là tông, chỗ hướng về của tông thì gọi là thú. Nếu chẳng rõ tông, thì biết quy hướng về đâu. Từ chữ ‘Có tổng’ trở đi là giải thích nghĩa. ‘Giáo thuyết’ là pháp môn niệm Phật. ‘Đạt nghĩa’ là liễu đạt tâm cảnh duyên niệm được giảng trong giáo pháp: chúng sanh và Phật cảm ứng, nhiễm hương, nhập nhẫn, nghĩa tự, tha, sanh, độ vậy. ‘Sự lý’ đủ cả trong nghĩa, tức là sùng thượng các sự: niệm Phật v.v.. làm tông, ý đó ra sao? Chính là vì muốn hiển rõ cái lý: tự tánh Di Đà, tịnh độ duy tâm. ‘Cảnh, trí’ là nói trong lý. Cảnh tức là cái lý được quán. Trí tức là cái tâm dùng để quán sát. Ba thân viên dung của Phật là chơn cảnh. Sự nhất tâm, lý nhất tâm là chơn quán. ‘Hạnh vị’ theo trí mà khởi. Tín hạnh nguyện là ba món tư lương. ‘Bất

thối' là tin tịnh độ là tam giới, vị chẳng lui sụt vậy. Nguyên thấy Phật, niệm Phật tâm, là niệm chẳng thối. Hành tịnh nghiệp, nhiếp người niệm Phật là hạnh chẳng thối. Lại tin vào sự giáo hóa của Phật, vượt khỏi phàm phu, ngoại đạo, là tin chẳng thối. Nguyên báo Phật quả, vượt khỏi cảnh nhị thừa, là niệm chẳng thối. Hành pháp Phật lý, siêu quyền tu chứng, là hạnh bất thối. Khởi Tín Sớ chép: 'Ước có ba vị, một là tín hạnh chưa trọn, nên gọi bất thối. Chỉ vì chẳng lui sụt duyên nên gọi bất thối. Hai là tín hạnh đã xong, nhập địa vị Thập Trụ, được thấy pháp thân, trụ trong chánh định, nên gọi bất thối. Ba là đã mãn địa vị tam hiền, đã nhập sơ địa, chứng pháp thân đầy khắp, sanh vô biên cõi Phật, nên gọi bất thối'. Do tin thành tín chẳng thối, do nguyện thành trụ chẳng thối. Do hạnh thành địa vị chẳng thối. Luận Du Già Sư Địa chép: 'Trụ là chứng bất thối. Hạnh là địa vị bất thối. Hướng là hạnh bất thối. Địa là niệm bất thối'. Do tín thành chứng, vị, do hạnh thành hạnh. Nguyện thành niệm. Nhân quả, do bất thối được thành. Nhân nếu chẳng thối, thì gọi là chơn nhân. Quả nếu chẳng thối thì gọi là chơn quả. Tín nguyện cõi Phật, nhiếp căn, tịnh niệm, là nhưn hạnh bồ đề bất thối. Được tam ma địa, đệ nhất viên thông, là bất thối bồ đề quả đức vậy. Kinh văn có ba tầng: Ưc niệm đức Phật là nhân. Hiện sẽ thấy Phật là quả. Niệm thấy gần Phật là nhân. Tâm khai hương nghiêm là quả. Niệm tâm nhập nhĩn là nhân. Nhiếp người quy tịnh độ là quả. Năm cặp ý như thế, lần lượt làm nhân, để mà sanh khởi.

#### **4. Thích đề mục**

Sớ: Bốn là giải thích tựa đề, có bốn cặp nghĩa:

Một là nghĩa tổng, biệt, tức là nói ba chữ Lăng Nghiêm kinh là tổng xưng vì gồm nói chung cả bộ kinh vậy. Bảy chữ Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông chương là hiệu riêng, hạn cuộc trong một chương này thôi.

Hai là giáo nghĩa: tức là trong phần biệt xưng nói ở trên, một chữ chương là giáo pháp dạy ra. Sáu chữ Thế Chí Niệm Phật Viên Thông là nghĩa được giảng.

Ba là quả nhân: Trong nghĩa nói trên, lại mở ra một cặp nghĩa như sau: viên thông là quả, là cảnh được chứng. Thế Chí Niệm Phật là nhân, vì hay tu quán.

Bốn là nhân, pháp: Trong phần nhân nói trên, phân thành cặp ý như sau: Niệm Phật là pháp, tức là pháp được nắm thọ. Thế Chí là người, là người có thể hoằng truyền. Căn cứ vào bốn cặp nghĩa này lập nên tên kinh vậy.

**Sao: Chữ ‘Bốn là’ là chữ dẫn ý. Từ chữ ‘có bốn cặp’** trở đi là phần giải nghĩa. Câu này để liệt kê. Câu ‘một là’ nhằm để giải thích. Trong phần tổng cũng có một cặp. Lăng Nghiêm là nghĩa, hạn cuộc. Tựa kinh là giáo pháp, là chung vậy. Nay chẳng nêu vì sợ phiền tạp vậy. Chương là thuộc về cái nói ra, tức là văn tự viên thông, chương dạy về niệם Phật, thuộc về cặp quả nhân, cũng có thể nói là thuộc cặp cảnh trí. Viên thông là cảnh, niệם Phật là trí. Cũng có thể gọi là chơn - tục, lý - sự, tánh - tu, thuộc về cặp tịch hạnh. Viên thông là chơn lý tánh lặng lẽ. Thế Chí Niệם Phật là tục sự tu hành. Từ chữ ‘Bốn là’ trở đi, pháp niệם Phật là niệם thân biến hóa [của Phật], chẳng phải là thọ dụng Phật, là tiểu giáo. Niệם thân thọ dụng chẳng phải biến hóa Phật là chung giáo. Cũng niệם cả biến hóa lẫn thọ dụng là thi giáo. Niệם chẳng phải thọ dụng, chẳng phải biến hóa Phật thì là đốn giáo. Niệם viên thông vô chướng ngại Phật là viên giáo. Thế Chí là người: đắc ứng hóa Phật lực thì là Thế Chí trong tiểu giáo, đắc công đức Phật lực là Thế Chí trong thi giáo, đắc trí huệ Phật lực là Thế Chí trong chung giáo, đắc như như Phật lực là Thế Chí trong đốn giáo, đắc vô tận Phật lực là Thế Chí trong viên giáo. Ở đây chỉ ước giáo lược giải, đoạn sau sẽ giải thích tường tận. Liền biết trong tên của kinh này, nhân pháp cùng bày, như quả cùng nêu, lý tận nghĩa trọn, nên nêu làm đầu chương.

## **5 Giải thích kinh văn**

Gồm có ba phần:

- Bày thể để minh bạch nghĩa.
- Chánh nêu sở chứng
- Kết đáp viên thông.

### **5.1. Bày thể để minh bạch nghĩa**

**Chánh kinh: Đại Thế Chí pháp vương tử, cùng với** những người cùng hàng với ngài: năm mươi hai vị bồ tát liền từ tòa ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Sớ: Tiếng Phạn là Ma Ha Na Bát, đây dịch là Đại Thế Chí. Kinh Tư Ích nói: ‘Chỗ tôi đặt chân xuống, chấn động tam thiên đại thiên thế giới, cùng ma cung điện, nên tên là Đại Thế Chí’. Quán kinh chép: ‘Lúc bồ tát này đi, mười phương thế giới hết thảy chấn động. Lúc bồ tát này ngồi, cõi nước bảy báu nhất thời lay động, cũng gọi là Đắc Đại Thế Chí’. Kinh Bi Hoa chép: ‘Nguyện thế giới của tôi, như của Quán Thế Âm chẳng có sai khác. Bảo Tạng Phật nói: ‘Do nguyện của ông gồm cả cõi đại thiên, nay sẽ đặt tên ông là Đắc Đại Thế, cũng gọi là Vô Biên Quang’. Quán kinh nói: ‘Dùng trí huệ quang, chiếu khắp hết thảy, khiến lìa tam đồ, được sức vô thượng’. Nếu y vào bản kinh Lăng Nghiêm này, thì



ngài có thể niệm đại thế Phật, có thể nhiếp sáu căn vọng, có thể tiếp độ người niệm Phật, nên gọi là Thế Chí vậy. Nhờ vị bồ tát này phát khởi, nêu ra pháp môn niệm Phật, hay phát trí quang, được thế lực lớn, lìa khổ ba cõi, đạt được cái vui tịnh độ. Tự tại với pháp, nên gọi là pháp vương. Từ pháp hóa sanh thì gọi là tử (con). Kinh Bi Hoa chép: ‘Trong cái nhân quá khứ, lúc Phật Di Đà làm luân vương, Quán Âm làm con trưởng, Thế Chí làm con thứ, nay tại Cực Lạc, ở hai bên của Phật, trợ hóa hết thảy. Rồi sẽ kế vị làm Phật, nên gọi là pháp vương tử’. ‘Cùng’ là chung với. ‘Cùng hàng’ là giống nhau vậy. Thanh khí tương ứng nên gọi là đồng loại. ‘Năm mươi hai’ là nêu con số, biểu thị một môn niệm Phật của ngài Thế Chí, có thể nhiếp được năm hai địa vị: thập tín v.v.. các pháp hạnh vậy. Bồ Tát nói đủ là bồ đề tát đỏa. Triệu nói: ‘Bồ đề là tên của Phật đạo, Tát đỏa Hán dịch là đại tâm chúng sanh. Có tấm lòng lớn, nhập Phật đạo nên gọi là bồ đề tát đỏa’. Ngài Hiền Đạo nói: ‘bồ đề đây gọi là giác. Tát đỏa cõi này gọi là chúng sanh. Dùng trí trên cầu bồ đề, dưới dùng bi để cứu chúng sanh, nên gọi bồ đề tát đỏa. ‘Từ tòa ngồi đứng dậy’: tôn ti thầy trò phân biệt thứ tự. Có việc thưa tỏ, chẳng nên ngồi nói. ‘Đảnh lễ dưới chân Phật’: dùng đảnh đầu lễ sát dưới chân Phật: thành kính tới hết mức. Trên đây đều là thân nghiệp. ‘Bạch Phật’: người trên nói ra thì gọi là bảo, người dưới thưa thì gọi là bạch, đấy là khẩu nghiệp. Thân khẩu cung kính, ý nghiệp khá biết.

Sao: Từ chữ ‘Tiếng Phạn’ trở đi, là giải thích về tên người. Trước hết, trong phần nói về Thế Chí, thì đầu tiên trong phần ước về hạnh, thì là tu tự hạnh. Do có trí đoạn oai thế, nên có thể chấn động hết thảy. Từ chữ ‘cũng gọi’ trở đi là ý kế: ước về nguyện, trên cầu Phật đạo vậy. Do có thế lực tưởng niệm, nên có thể thủ chứng tịnh độ. Từ chữ ‘cũng gọi là Vô Biên Quang’ trở đi, là ý thứ ba: ước về bi, dưới độ chúng sanh vậy. Do có thế lực hóa độ dẫn dắt, nên có thể cứu bạt tam đồ. Hai ý nói trước là tự lợi, ý này là lợi người. ‘Nếu y vào bốn kinh này’: ở trên dựa vào các kinh để giải thích danh hiệu của bồ tát Thế Chí, nay chỉ hạn cuộc vào kinh Lăng Nghiêm để giải thích. Ba câu từ chữ ‘có thể niệm’ trở đi, cũng là ước về trên cầu, giữa tu, dưới độ, ba nghĩa để giải thích. ‘Đại thế Phật’ chỉ Phật Di Đà. Trong thập phương tam thế Phật, Di Đà là bậc nhất. ‘Có thể niệm’: chẳng phải như chúng sanh chẳng cầu đại thế Phật, cùng đoạn khổ pháp. ‘Có thể nhiếp’: chẳng phải như chúng sanh sáu căn vin níu sáu trần. ‘Có thể tiếp độ’ là chẳng phải như chúng sanh tự lợi, chẳng thể vì người chịu nhọc. Có ba đức lớn thế ấy, oai thế đạt đến cùng cực. Tên của bồ tát xứng với thật tướng, chúng

sanh không cách nào biết nổi. Từ chữ ‘Tự tại với pháp’ trở đi, là ý kế tiếp: pháp vương tử. Tự tại là vua vậy, vì vua dùng tự tại làm nghĩa. Kế đó là kế ngôi Phật. Cõi ấy, sau Phật Di Đà, Quán Âm sẽ nối vị. Sau Quán Âm, bèn là Thế Chí nối tiếp. Ví như thái tử, tạm ở Đông cung, sau này ắt sẽ xoay mặt về hướng nam, nối ngôi vua vậy.

Từ chữ ‘Cùng’ trở đi, là ý thứ ba: cùng với những vị cùng hạnh. Kinh Dịch chép: ‘Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu’, nên nói thanh khí tương ứng. Nếu căn cứ vào kinh Hoa Nghiêm, có tám mươi bốn thứ giống nhau, nên gọi là đồng loại như nói trong quyển bảy mươi ba, chẳng phiên chép nhiều. Đạo chẳng đồng thì chẳng thể cùng bàn tính với nhau. Người đồng tâm nói, thơm tho như lan, nên là cùng với những người cùng bậc.

Từ chữ ‘Năm mươi hai’ trở đi là ý thứ tư. Năm mươi hai vị: tin Phật là tâm, tin tâm làm Phật, liền nhiếp pháp hạnh thập tín. Trụ trong tam muội quán Phật thật tướng, liền nhiếp thập trụ pháp hạnh. Hạnh niệm Phật, độ người niệm Phật là nhiếp thập hạnh pháp hạnh. Xoay lại niệm Phật tâm, hướng về Phật tâm trụ, liền nhiếp thập hồi hướng pháp hạnh. Tâm địa quán Phật, địa như Phật địa, liền nhiếp thập địa pháp hạnh. Nhớ Phật, niệm Phật, cách Phật chẳng xa, là nhiếp đẳng giác pháp hạnh. Lúc tâm tưởng Phật, tâm này chính là Phật thì nhiếp diệu giác pháp hạnh. Nên biết là siêu phàm nhập thánh, chỉ có niệm Phật là màu nhiệm thôi. Từ chữ ‘bồ tát’ trở đi, là ý thứ năm: bồ tát. Nghĩa thứ nhất là ước về tâm, tức là có thể nhớ Phật như thế liền thành đại đạo tâm chúng sanh, gọi là bồ tát. Nghĩa kế tiếp là ước về cảnh, tức là dùng tâm niệm Phật, trên cầu sự giác ngộ của Phật, dưới hóa độ hữu tình, nên gọi là bồ tát. Từ câu ‘Từ tòa ngồi đứng dậy’ trở đi là giải thích về lễ kính, ý dễ biết: Tức là nếu chẳng cung kính, thời thân chẳng rời chỗ, miệng chẳng nói năng. Dùng thân khẩu lễ, bạch, do ý làm chủ, thế nên tam nghiệp đều phải cung kính, biểu thị rõ ràng niệm Phật là pháp hy hữu, hết thấy thế gian khó tin vậy.

## **5.2.Chánh bày sở chứng**

Gồm hai phần:

1.Dẫn rõ sự giáo hóa của cổ Phật

2.Lược thuật sự tu hành của mình

5.2.1. Dẫn rõ sự giáo hóa của cổ Phật

Gồm hai phần:

a.Nêu chung tên Phật

b.Riêng bày lời dạy dỗ

5.2.1.a. Nêu chung tên Phật

**Chánh kinh: Con nhớ khi xưa, hằng hà sa kiếp, có Phật xuất thế,** tên Vô Lượng Quang, mười hai đức Như Lai, nối tiếp trong một kiếp, vị Phật sau cùng, tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang.

**Sớ: ‘Con’ tức là chỉ pháp thân, chẳng giống với** tiếng ‘con’ xưng hô thường tình. Nhớ rõ ràng chẳng quên gọi là ‘nhớ’ (ức). Quá khứ thì gọi là ‘khi xưa’. Hằng hà sa kiếp là ước theo số cát trong sông Hằng để tính số kiếp, hiển thị rất lâu xa vậy. Tiếng Phạn Phật đà, dịch là Giác giả. Giác ngộ cho người chẳng giác. Ước khai ba nghĩa: một tự giác ngã không, khác với phàm phu. Hai là giác ngộ cho người các pháp là không, khác với nhị thừa. Ba là giác mãn đều không, khác với bồ tát. ‘Xuất thế’: không hợp cơ thời chẳng hiện. Căn cơ thuần thực liền hiện. ‘Như Lai’: từ chơn như khởi, đến thành chánh giác. ‘Mười hai’: kinh Đại Di Đà nói: Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xứng Quang Phật, Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật. Vô lượng là thật trí chiếu lý, chẳng có hạn lượng. Vô biên là quyền trí chiếu sự chẳng có ngăn mé. Vô ngại là từ quang ban vui, không chướng ngại vậy. Vô đối là bi quang dẹp khổ, không chi đối chọi nổi. Viêm vương là quang âm ứng hóa, được tự tại vậy. Thanh tịnh là lìa cấu thanh tịnh phát quang minh. Hoan hỷ là khiến người thọ dụng sanh hoan hỷ lớn. Trí huệ là dùng đại trí huệ phá các hoặc. Bất đoạn là ánh sáng thường còn chẳng đoạn dứt vậy. Nan tư là bốn quang chẳng nghĩ bàn nổi. Vô xứng: tỏa ra trăm ánh sáng báu chẳng thể nói nổi. Siêu nhật nguyệt quang là phóng hết thủy ánh sáng, vượt hơn mặt trời, mặt trăng. Đều tên là Quang, xét về nhơn là niệm bốn giác Phật, phát minh tâm quang, xét về quả thì thành Diệu Giác Phật, hiện khởi thân quang vậy. ‘Mười hai đức Như Lai nối tiếp trong một kiếp’: một là ước về năng niệm, biểu thị cái hạnh. Trong mười hai thời, với tự tánh Phật, tịnh niệm nối tiếp, tạo thành một phiến, chẳng để dầu trong khoảng khảy ngón tay, nghĩ tới thế gian ngũ dục, thời vô lượng tánh quang tự nhiên phát minh. Hai là nói về sở đắc, thời chuyển mười hai loại chúng sanh thành mười hai thánh vị, chuyển mười hai xứ vọng tưởng để thành mười hai xứ Phật đức. Nhưng mười hai đức Phật là cổ Như Lai, chẳng phải là Di Đà ngày nay. Mà danh hiệu của họ giống với [các hiệu khác của] A Di Đà vậy, do thầy trò một đạo, cổ kim chẳng khác, giống như Thích Ca, Quán Âm.

**Sao: Từ chữ ‘Con’ (Ngã) trở đi, gồm hai câu giải thích.** Ngã có bốn thứ: một là cái ngã chấp kiến tà, hai là cái ngã: ta-người kiêu mạn, ba

là cái ngã danh tự giả, bốn là cái ngã pháp thân chơn thật. Người đời đủ tà mạn, người học đạo đủ mạn, giả, thánh nhân là giả chơn. Nay ngài Thế Chí bèn là bậc pháp thân đại sĩ, chẳng đồng tam thừa, nên chỉ là chơn ngã. Hằng hà cũng gọi là sông Căng Già (Gange), dịch là từ trời đổ xuống, sông từ trên cao đổ xuống, từ ao Vô Nhiệt Nảo chảy ra, rộng bốn mươi dặm, cát mịn như hạt kê. Phật ở Kỳ viên thuyết pháp, giảng đường gần bên sông, nên phàm nói cái gì nhiều, thường lấy đó làm thí dụ. Kiếp, tiếng Phạn là kiếp ba (kalpa), dịch là phân biệt thời phần. Luận Câu Xá chép: ‘Phần rất nhỏ của thời gian gọi là sát na, thời gian thật dài gọi là kiếp’. Nay lấy cát để ví dụ cho kiếp, thì dễ thấy là rất dài lâu. Từ chữ ‘tiếng Phạn Phật Đà’ trở đi, gồm sáu câu: thí giác, bốn giác hợp nhất gọi là giác mãn. Ngã, pháp đều là không hết cả gọi là ‘đều không’. Từ chữ ‘Đại Di Đà’ trở đi là dẫn kinh. Từ chữ ‘Vô lượng’ trở đi là thích nghĩa. Danh hiệu chư Phật, thủ chứng chẳng đồng. Hoặc nhơn, hoặc quả, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc bi trí, hoặc nguyện hạnh. Mười hai vị Phật này đều dùng quang để xưng danh. Quang vốn có hai thứ: một là trí quang, hai là thân quang. Lại có hai nghĩa: một là thường quang, hai là phóng quang. Lại có hai nhơn: một là công đức trang nghiêm, hai là bốn nguyện thành tựu. Nay giải thích tên của Phật, cũng ước theo sáu nghĩa ấy: hai tên đầu là ước về hai trí, tên thứ ba, tên thứ tư là ước theo hai tâm, thuộc về hai nhơn [nói trên] vậy. Tên thứ năm, sáu, bảy, tám, ước về bốn thân: tên thứ năm là hóa Phật, tên thứ sáu là pháp thân, tên thứ bảy là tha thọ dụng thân, tên thứ tám là tự thọ dụng thân. Tức là như trong kinh Lăng Già: ứng hóa Phật, như như Phật, công đức Phật, và trí huệ Phật. Tên thứ chín và mười là thường quang. Tên thứ mười một, mười hai là phóng quang. ‘Tự tánh Phật’ là nói niệm tự tánh Phật vậy. ‘Chẳng được niệm ngũ dục’ như Quán kinh nói: ‘Phàm niệm Phật, chẳng được trong khoảng khảy ngón tay, niệm ngũ dục trong đời’, là nói niệm bền chặt, hay thường như thế không chút gián đoạn xen tạp, vô lượng tự tánh Phật quang trọn sẽ phát minh vượt cả mặt trời, mặt trăng. ‘Mười hai loài chúng sanh’ là nói: sanh bằng thai, bằng trứng, sanh từ chỗ ướt, hóa sanh, có hình sắc, không hình sắc, có tâm tưởng, không tâm tưởng, chẳng phải có sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải có tưởng, chẳng phải vô tưởng. ‘Mười hai thánh vị’: càn, tín, trụ, hạnh, hướng, noãn, đánh, nhẫn, thế, địa, đẳng giác, diệu giác. ‘Vô tiệm vị’ là như kinh nói: Từ đây tiệm tu (tu dần dần) tùy theo hạnh đã phát, an lập thánh vị vậy, như trong quyển 7 và 8 của kinh Lăng Nghiêm đã giảng rõ. ‘Mười hai vọng tưởng’: sáu căn, sáu trần vọng tưởng. Kinh dạy: ‘Sáu loạn vọng tưởng thành nghiệp tánh

vậy. Mười hai thứ phân chia do đây luân chuyển'. Thế nên, thanh, hương, vị xúc, pháp trong thế gian biến thành mười hai thứ, lại biến chuyển thành mười hai đức tánh của Phật, tức là sáu căn sáu trần công đức vậy. Kinh dạy: 'Tổng quát thì chung, trong sáu căn mỗi căn đều có công đức: có một ngàn hai trăm công đức' như quyển thứ 28 của kinh Lăng Nghiêm giảng rõ. Từ chữ 'Nhưng mười hai đức Phật' trở đi, là lời giải tỏa sự chất vấn. Như vậy rằng: Cứ như trong kinh Đại Bản (Vô Lượng Thọ) thì mười hai danh hiệu Phật bèn là biệt hiệu của Phật Vô Lượng Thọ, chỉ có một Phật thân, sao ở đây lại nói rằng có mười hai đức Phật nối tiếp nhau xuất thế? Nên ở đây phải đáp rằng: Chư Phật cùng tên rất nhiều, nên mười hai đức Phật đây là Phật trong quá khứ, chẳng phải là vị Phật do Pháp Tạng thành trong hiện tại. Nếu như thế, có gì tên nay lại lạm dùng cổ hiệu vậy? Nên [lời sớ] phải giải thích rằng: Di Đà, Thế Chí đồng thời phát tâm, cũng thờ cùng một đức Phật làm thầy chẳng khác, mà nay mười hai biệt hiệu của Phật Di Đà, đồng với cổ Phật, là biểu hiện thầy trò truyền thừa cái đạo tức tâm tức Phật như một vậy. Ví như nay đức Thích Ca lập hiệu là phỏng theo tên của đức cổ Phật Thích Ca. Tên ngài Quán Âm ngày nay, cũng là phỏng theo cổ Phật Quán Âm. Vì vậy, kinh Đại Bản Di Đà chép: 'Qua vô lượng cõi Phật, Phật đồng danh Thích Ca cũng chẳng thể biết nổi số'. Thời danh hiệu của Vô Lượng Thọ Phật có trăm ngàn vạn ức chẳng thể cùng tận, sao lại chỉ chấp vào một Phật.

#### 5.2.2 Riêng bày lời dạy dễ

Gồm hai tiểu đoạn:

- \* Nêu danh
- \* Thích nghĩa

##### a. Nêu danh:

**Chánh kinh: Các đức Phật ấy dạy con Niệm Phật tam muội.**

**Sớ: 'Các đức Phật ấy' là mười hai vị Phật. Dùng lời lẽ chỉ bày gọi là dạy. Nói niệm Phật là nếu xét theo sự niệm, nhất tâm nhớ tưởng thì gọi là niệm. Tam thân tiếp dẫn là Phật, tức là: kẻ niệm là mình, người được niệm là Phật. Nếu xét theo lý niệm, thì niệm tức là thị giác, Phật là bốn giác. Dùng thị hợp bốn, gọi là niệm Phật.**

Niệm Phật có bốn pháp:

Một là xưng danh, tức là nghe nói tên Phật, một lòng xưng niệm.

Hai là quán tượng, tức là thiết lập tôn tượng, chú mục chiêm ngưỡng.

Ba là quán tưởng tức là dùng tâm nhãn của mình quán tưởng đức Như Lai ấy.

Bốn là thật tướng, tức là niệm tự tánh, chơn thật tướng Phật.

Pháp thứ nhất, thứ hai là sự pháp giới quán, tâm tức là Phật vậy. Pháp thứ ba, lý pháp giới quán, Phật tức là tâm. Pháp thứ tư, lý sự vô ngại pháp giới quán: tâm này là Phật vậy. Lại ngài Thanh Lương nói: ‘Ước theo cái tâm người niệm thì chẳng ngoài năm thứ: một là môn duyên tướng cảnh giới niệm Phật, hai là môn nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật, ba là môn tâm cảnh vô ngại niệm Phật, bốn là môn tâm cảnh đều hết mà niệm Phật, năm là môn các thứ vô tận niệm Phật’. Nay hội theo ý này mà nói, thì hai pháp đầu thuộc về môn thứ nhất, tức là tiểu thừa giáo vậy. Môn thứ hai tức là pháp thứ tư được nói ở trên, tức là thi giáo. Môn thứ ba tức là pháp thứ ba ở trên nói, tức là chung giáo. Không có pháp nào đã nói ở trên thuộc về môn thứ tư, thứ năm, tức là đốn giáo, viên giáo. Nay trong kinh văn này, ước theo lời dạy của Phật thì môn thứ tư, thứ năm đều thông. Ước về căn cơ thọ bảm, thì chỉ hạn cục trong trì danh. Nhưng pháp trì danh này lại thông cả viên lẫn đốn, chẳng chỉ hạn cuộc trong tiểu, cũng mở ra năm môn: Một là môn trì niệm tên Phật, ngoài tâm có tên Phật tức là tiểu giáo, thuộc sự pháp giới quán. Hai là môn nhiếp danh quy tâm, tên Phật chỉ duy tâm hiện nên là thi giáo, thuộc về lý pháp giới quán. Ba là môn tâm và tên Phật đều dung thông, vì tức tâm tức Phật nên thuộc về chung giáo. Bốn là môn tâm, danh đều tuyệt, vì chẳng phải tâm, chẳng phải Phật nên thuộc đốn giáo, lý sự vô ngại pháp giới quán. Năm là môn viên thông vô tận, một niệm tâm là một Phật danh, hàm chứa cả pháp giới, chẳng có cùng tận, nên thuộc viên giáo, sự sự vô ngại pháp giới quán. Tiếng Phạn tam muội (samaya), dịch là chánh định, cũng dịch là chánh tư, chánh tâm hành xử, một lòng niệm Phật, gọi là tâm chánh định, nếu nghĩ đến điều khác thì gọi là tà tư duy. Tam muội là tên chung của thiền quán. Niệm Phật là tên riêng của một hạnh. Niệm Phật tam muội này cũng gọi là nhất hạnh tam muội, cũng gọi là chư Phật hiện tiền tam muội, bát nhã tam muội, phổ đẳng tam muội.

**Sao: Từ chữ ‘Nói niệm Phật’ trở đi, là giải thích hai chữ niệm Phật.** Từ chữ ‘Niệm Phật có bốn pháp’ trở đi, minh thị pháp môn niệm Phật. ‘Xưng danh’ như kinh Văn Thù Bát Nhã dạy: ‘Chúng sanh ngu độn, quán chẳng thể hiểu, chỉ khiến tiếng niệm nối tiếp, tự được vãng sanh’, kinh Di Đà dạy: ‘Nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu’. Pháp quán tượng thông cả hai: một là quán Phật hiện tại tướng tốt quang minh, như kinh Pháp Hoa nói: ‘Đứng dậy chấp tay, nhất tâm quán Phật’. Hai là quán tượng Phật vẽ vờ, khắc, đắp, tô đúc, như vua Ưu Điền dùng chiên đàn làm tượng Phật vậy. ‘Quán tượng’ là như mười sáu pháp nói

trong Quán kinh. Chư Phật như lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm tưởng Phật, tâm này tức là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ. ‘Thật tướng’ là như kinh Quán Phật tam muội nói: ‘Phật bảo A Nan: Trụ niệm Phật là tâm ấn chẳng hoại’. Thích rằng: Rõ biết chắc tự tâm, gọi là niệm Phật. Như như bất động gọi là chẳng hoại. Trưởng Giả Giải Thoát [trong kinh Hoa Nghiêm] nói: ‘Ta muốn thấy Phật A Di Đà nơi Cực Lạc thế giới, tùy ý liền thấy’ chính là ý này. Từ chữ ‘Pháp thứ nhất, pháp thứ hai’ trở đi, ước theo phép phân chia cách quán vậy. Nếu căn cứ theo sáu căn, thời xưng danh thuộc về tai, lưỡi, quán tượng thuộc mắt và thân, quán tưởng thuộc mũi, ý, thật tướng nhiếp cả sáu căn. Tức là một môn niệm Phật tam muội với sáu căn không chi chẳng nhiếp. Từ chữ ‘Lại ngài Thanh Lương’ trở đi, dẫn lời cổ nhân để làm rõ năm môn. ‘Duyên cảnh’ là xưng danh, quán tượng đều thuộc ngoại cảnh. Duy tâm là dựa vào chánh tướng hảo, chỉ có tâm này tác quán. Vô ngại là song chiếu sự lẫn lộn. ‘Đều hết’ là lìa tướng như không vậy. ‘Vô tận’ là trong hết thảy thời, ở trong cảnh niệm, khắp thấy mười thân các như lai. Từ chữ ‘Nay hội theo ý này’ trở đi, là hội thông cổ kim vậy. Lại Đại số chép: ‘Cổ nhân đã có năm môn, một là môn xưng danh vãng sanh niệm Phật, hai là môn quán tượng diệt tội niệm Phật, ba là môn nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật, bốn là môn tâm cảnh vô ngại niệm Phật, năm là môn duyên khởi viên thông niệm Phật. Năm môn này, gọi là cùng tốt sự lành, giải thích nghĩa chẳng trọn nên nay đổi đi. Nếu muốn lãnh hội, thời môn thứ nhất, thứ hai, là môn duyên cảnh của ngài Thanh Lương. Vô ngại, kiêm nhiếp đều hết, viên thông tức là vô tận môn. Nói tiểu giáo v.v.. là ước theo bốn pháp niệm Phật trước mà nói, là căn cứ theo quán. Năm môn này là ước về giáo, hổ tương nêu bày, suy ra thì biết. Từ chữ ‘nay trong kinh văn này’ trở đi, ước theo bốn cách, năm môn niệm Phật để phán định kinh này. Phật giáo là mười hai như lai. ‘Thông bốn, năm’ là như trong đoạn sau nói: nhớ Phật niệm Phật chẳng chỉ riêng một môn nào. ‘Căn cơ bảm thọ’ là chỉ vào Thế Chí. ‘Hạn cực nơi trì danh’: trong phần kinh văn Phật hỏi viên thông sẽ nêu ở sau, thời chỉ nói tịnh niệm tiếp nối, tức là chỉ ra pháp danh trì danh. Vì vậy, hỏi rằng: ‘Sao ngài Thế Chí chẳng chỉ chung?’ Đáp: Tuy niệm Phật tam muội được cổ đức xưng là đường tắt, mà một pháp trì danh, là đường tắt trong những đường tắt. Có sao? Quán tượng thời cát tượng đi lại trở thành không, bởi đó thành gián đoạn. Quán tưởng thì tâm thô, cảnh tế, pháp quán màu nhiệm khó thành. Với thật tướng niệm Phật thì chúng sanh chướng nặng, giải ngộ thì ít, đến nơi vô tận thì cảnh giới sâu rộng, làm sao gánh

vác. Chỉ có trì danh rất là giản tiện, nhanh chóng, chỉ có thể niệm liên tục liền khiến cho vãng sanh. Như ngựa ký (các môn niệm Phật khác) chạy nhanh hơn các loài ngựa khác (các môn tu hành khác), cũng chẳng bằng long mã (trì danh niệm Phật). Như hạc vượt xa các loài chim tầm thường, chẳng bèn gót chim bằng. Nên ngài Long Thọ viết trong Tỳ Bà Sa luận: ‘Phật pháp có vô lượng môn, như đường trong thế gian, có khó, có dễ. Ví như người thọt chân, đi đường bộ thời khổ, một ngày chẳng đi hơn vài dặm, theo đường thủy ngồi thuyền, thời vui, trong khoảng khắc đã vượt ngàn dặm. Dễ đi mau đến, nên niệm Phật. Xưng danh hiệu ngài, bốn nguyện như thế’.

Hỏi: Phật có vô lượng công đức, một tên khó thể gồm hết, huống trong thực tướng lia tướng danh tự, có sao lại xưng danh?

Đáp: Với y chánh (2) nơi Cực Lạc, nói đến Phật liền khắp gồm, với biển công đức của Phật chỉ cần nêu danh đã trọn. Kinh dạy: ‘Lời lẽ trị thế so với thật tướng chẳng có chống trái. Vạn đức hồng danh (3) há chẳng phải là thật tướng sao?’

Từ chữ ‘Nhưng pháp trì danh này’ trở đi, trùng hiển một môn trì danh, nhiếp trọn tiểu, đại thừa giáo. Chẳng kể lợi căn, độn căn, đều có thể y theo tu hành. ‘Chánh định’ là ngoại trừ niệm Phật, đều gọi là tà định. ‘Chánh tư’: với cảnh được niệm, chánh trực suy xét, tìm cầu, suy nghĩ để loại hôn trầm. ‘Chánh tâm hạnh xứ’ tức là cảnh được tâm chánh định duyên vào, khác với cảnh sở thọ của vô minh tà. Còn gọi là điều trực định. Do chúng sanh cong vạy tán loạn, Phật dùng các môn tam muội sửa cho ngay cái cong vạy, nghiêm chánh lại cái tán loạn đó. ‘Tên chung của thiền quán’: như trong Trí Độ luận viết: ‘Hết thầy thiền định nhiếp tâm đều gọi tam muội’ là như vậy. ‘Tên riêng của một hạnh’ có hai cách giải thích: Một là nói một hạnh trong vạn hạnh, như trong các kinh hoặc dùng chơn như hải ấn đức tạng làm tam muội, hoặc như huyền ngữ ngôn pháp giới làm tam muội. Hoặc hữu duyên hữu tướng, vô đắc, vô tranh v.v.. Hai là chỉ niệm Phật tam muội. Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: ‘Phật bảo Văn Thù: Muốn nhập nhất hạnh tam muội, nên ở chốn thanh vắng, bỏ các loạn ý, chẳng lấy tướng mạo, buộc tâm vào một Phật, chuyên xưng danh hiệu của ngài, tùy theo phương vị của ngài, ngồi ngay ngấn hướng thẳng về đó, có thể với một đức Phật, niệm niệm tiếp nối, thời ngay trong niệm ấy có thể thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Niệm công đức của một đức Phật, cùng với niệm công đức của vô lượng chư Phật chẳng là hai’. Nếu được nhất hạnh tam muội thời pháp môn trong các kinh thầy đều hiểu rõ,



Hỏi: Giáo pháp niệm Phật này niệm mười phương Phật ư? Là niệm A Di Đà Phật ư?

Đáp: Chỉ niệm A Di Đà Phật. Do mười hai vị như lai cùng tên A Di Đà Phật vậy. Trong kinh đoạn sau nói: Nhiếp người niệm Phật, quy về tịnh độ. Lại ngài Phổ Quảng hỏi Phật: Mười phương đều có cõi Phật, sao lại chỉ khen mình cõi Tây phương? Phật bảo: Người Diêm Phù Đề, tâm tán loạn nhiều, khiến họ chuyên tâm một cảnh, bèn được vắng sanh. Nếu niệm mười phương chư Phật, cảnh nhiều, tâm tán, chẳng thành tam muội. Huống nữa, chư Phật cùng một pháp thân, niệm một Phật tức là niệm hết thủy chư Phật vậy'.

Hỏi: Vì sao mười hai đức Phật đều dạy ngài Thế Chí niệm danh hiệu của mình?

Đáp: Một là mười hai đức Như lai bốn nguyện như thế. Như nay ngài Pháp Tạng nguyện rằng: Nghe danh hiệu của tôi, cho đến mười niệm, nếu chẳng được sanh, chẳng lấy ngôi chánh giác. Hai là dạy niệm danh hiệu mười hai vị Phật, tức là dạy niệm 12 biệt hiệu của cổ Phật Di Đà. Ví như nay Pháp Tạng dạy niệm Vô Lượng Thọ Phật tức là dạy niệm Vô Lượng Quang cho đến Siêu Nhật Nguyệt Quang.

Từ chữ 'cũng gọi là' trở đi, nêu các tên khác, ước theo nghĩa mà phối giáo. Niệm Phật là tiểu giáo. Bát Nhã là thi giáo. Phật hiện là chung giáo, nhất hạnh là đốn giáo, phổ đẳng là viên giáo. Như lý mà suy. []

**Lãng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao, quyển thượng hết**

(Phật lịch 2542, ngày 12 tháng 10, năm 2000, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch xong)

(2) Y chánh tức là chánh báo và y báo. Phật, bồ tát, thánh chúng nơi Cực Lạc là chánh báo, cây báu, ao báu, đất báu.. là y báo.

(3) Hồng danh: tên hiệu Phật có vô lượng nghĩa nên gọi là hồng danh (tên rộng lớn)

**Lãng Nghiêm Kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương, quyển hạ**  
Đời Thanh, Triết Giang Từ Vân Quán Đảnh sa môn Tục Pháp soạn

b. Thích nghĩa

Gồm hai phần

\* Tu nhân

\* Chứng quả

b.1.Tu nhân

Gồm hai phần:

- Nêu thí dụ

- Hợp lại để giảng pháp

b.1.1 Nêu thí dụ:

Gồm hai phần:

- Thí dụ về hai người

- Thí dụ về mẹ con

\* Thí dụ về hai người

**Chánh kinh: Ví như có người: một người chuyên nhớ, một người chuyên quên.** Hai người như thế, hoặc là gặp gỡ, hoặc chẳng gặp gỡ, hoặc thấy, chẳng thấy. Hai người cùng nhớ. Hai cái nhớ nghĩ sâu xa, như thế hẳn đến từ đời này qua đời khác, giống hình và bóng chẳng trái lìa nhau.

**Sớ: Trước thí dụ, chỉ một người nhớ thời có sự chia lìa. ‘Có người’:** là thí dụ cho chúng sanh và Phật là hai người vậy. ‘Một người chuyên nhớ’ ví cho Phật niệm chúng sanh. ‘Một người chuyên quên’ ví cho chúng sanh chẳng niệm Phật. ‘Hoặc là gặp gỡ, hoặc chẳng gặp gỡ’, hoặc thấy, chẳng thấy’: do Phật chuyên niệm chúng sanh, chẳng lúc nào không ở trước chúng sanh mà chợt gặp chợt thấy, nên nói: hoặc là gặp gỡ, hoặc chẳng gặp gỡ. Chúng sanh chuyên chẳng niệm Phật, Phật tuy ở trước chúng sanh mà cũng bỏ qua chẳng thấy nên nói ‘hoặc thấy, chẳng thấy’. Từ chữ ‘Hai người’ trở đi, là thí dụ sau: hai người cùng nhớ thì chẳng chia lìa. ‘Hai người cùng nhớ’: ví cho chúng sanh, Phật cùng niệm. ‘Hai cái nhớ nghĩ sâu xa’: ví cho cái nhớ lâu ngày chẳng quên. ‘Như thế’: là chữ kết chỉ. ‘Hẳn đến’ là lời tóm lược, tức là nói: Có thể niệm như thế, liền quyết định mọi lúc thường thấy nhau. ‘Từ đời này qua đời khác... chẳng sai khác nhau’: dụ cho đời đời chẳng lìa nhau vậy. ‘Cùng một hình ảnh’: Chúng sanh và Phật đời đời chẳng bỏ, ví như hình và bóng không trái, khác nhau.

**Sao: Phật chuyên nhớ gồm hai có hai ý: Một là Phật có đại bi nguyện,** hai là Phật lúc còn tu hơn, tự quả chưa trọn, mà đã với chúng sanh niệm niệm chẳng bỏ, huống là sau khi ngài đắc quả, lại còn nghĩ

sự khác sao? Thời là niệm chúng sanh ân cần khẩn thiết, chẳng phải nói thêm. Chúng sanh chuyên quên cũng có hai nghĩa: một là chúng sanh chẳng có tín, hạnh, nguyện. Hai là chúng sanh còn ở nơi mê, triền hoặc nghiệp khổ, với nhơn quả cõi trời, cõi người còn chẳng tu nổi, huống là Phật quả mà dễ được sao? Nên cái tâm niệm Phật vùi lấp ẩn mất, chẳng thể phát ra. ‘Chợt gặp gỡ’ là chư Phật bồ tát chẳng trái bốn nguyện, qua hóa độ cõi Sa Bà, nên khiến chúng sanh ngẫu nhiên gặp được, mà chúng cũng dễ lỡ mất. Như gặp Văn Thù chỉ thấy là một ông già, bà già nghèo v.v.. Hoặc thấy bốn tướng cũng chẳng được pháp lợi. Do hoặc nghiệp ấy chướng ngăn, làm thấy tướng hèn kém. Như kẻ phước mỏng gặp của báu, cho là rắn, là cóc, huống nữa là thánh hiền tác ý vờ ẩn tướng thật của mình ư? ‘Chúng sanh và Phật cùng niệm chúng sanh niệm Phật giống như Phật niệm chúng sanh. ‘Nhớ lâu chẳng quên’ là thời khắc luôn mang trong lòng, tuy qua nhiều năm chày tháng, cho đến khi chết đi, cũng chẳng quên vậy. ‘Kết lại lời chỉ’ là chỉ cái sự nhớ nghĩ nhau sâu xa ở trên. ‘Lời tóm lược’ tức là chẳng chỉ kiếp này, thường được thấy Phật, mà cho đến trong kiếp khác, tốt đời vị lai cũng thường được thấy Phật. ‘Trái’ tức là nghịch lại. Khác là lia. Hình, bóng: lược nêu một việc để ví dụ cho sự chẳng lia. Đến như âm thanh và tiếng vọng, sóng và nước, gương và hình, đều chẳng thể lia nhau. Lại hình và bóng này, gần thì để đối ứng với cái thí dụ trong đoạn kinh tiếp theo để phù hợp với ý văn, hiển rõ lợi ích được thấy Phật. Xa thì đối ứng với ý chứng quả trong đoạn kinh sau, cùng hiển thị hai sự lợi ích: thấy Phật và thành Phật (hiện sẽ thấy Phật là một lợi ích, tâm khai phát như nhiễm mùi hương là lợi ích thứ hai). Ứng theo ý kinh thì có thể giải thích rằng: nhất tâm niệm Phật như thế, thì tâm đồng Phật, tâm đồng, hình cũng đồng, bóng cũng đồng, chẳng chỉ trong đời này mà bền trong đời đời kiếp kiếp, hình bóng đều đồng. Kinh Lăng Nghiêm dạy: ‘Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng. Thân tâm hợp thành, gọi là pháp vương tử’. Ý này chẳng nghịch với ý chánh kinh, nên lời sơ chẳng chép.

\* Thí dụ về hai mẹ con:

**Chánh kinh: Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh mẹ nhớ con.** Nếu con bỏ trốn, tuy nhớ mà biết làm sao? Con nếu nhớ mẹ như lúc mẹ nhớ con, mẹ con trải qua nhiều đời chẳng trái xa nhau.

**Sớ: Thí dụ về hai người ở phần trên piem chỉ thân hữu, còn là hạn hẹp.** Nên ở đây lại đem mẹ con tối thân thiết làm thí dụ, khiến người khởi tín hạnh vậy. Trong đây cũng có hai điều: một là ví dụ chỉ có một người nhớ thời có xa lia. Câu đầu trong ba câu này tương ứng

hai người chuyên nhớ ở trên, câu thứ hai, ứng với người chuyên quên ở trên. Như lai là mẹ. Chúng sanh là con. Trong tình thương yêu mạnh mẽ nhất trong thế gian, không gì bằng tình mẹ. Con nếu hỗn nghịch, vong ân bội nghĩa, mẹ nghĩ lo âu, tâm sanh hối hận. Phật niệm chúng sanh còn hơn cả mẹ. Chúng sanh nghịch ác càng nặng, Phật càng nghĩ đến chúng sâu đậm hơn. Nhấn đến vào trong A Tỳ địa ngục, thay cho chúng ấy chịu khổ vô lượng. Lại mẹ nhớ con chỉ được một đời, tâm từ của Phật niệm chúng sanh vô tận, đời đời theo chúng, chẳng có lui chuyển. Nên nói: Phật niệm chúng sanh như mẹ nhớ con. ‘Nếu con trốn bỏ’ là dụ cho chúng sanh chẳng niệm Phật mà đọa cái khổ ác đạo vậy. ‘Tuy nhớ nhưng biết làm sao’ là dụ cho chỉ mình Như Lai nhớ thì vô ích. Từ chữ ‘Con nếu’ trở đi, là thí dụ sau cho hai người cùng nhớ chẳng xa lìa. Hai câu đầu tương ứng với ‘nhớ nghĩ sâu xa’ ở trên. Hai câu cuối, tương ứng với ‘đời đời chẳng khác’ ở phần trước. Tức là chúng sanh trong sáu đường kính mộ nghĩ nhớ như lai, tựa như Như Lai xót nghĩ chúng sanh thì mới có thể cảm ứng đạo giao, chúng sanh và Phật chẳng hai vậy. Nên Cao Tề Đại Hạnh hòa thượng bảo: ‘Tôn sùng niệm Phật, bốn chữ dạy răn, tức là: hai chữ tin, nhớ chẳng lìa trong tâm; hai chữ: xưng, kính, chẳng lìa cửa miệng. Tùy lòng sớm tối, trọn chẳng lại trụ vào pháp Sa Bà. Đấy gọi là yếu quyết bậc nhất để niệm Phật vậy’.

**Sao: ‘Phiếm chỉ’ là thầy trò, vua tôi, đều gồm trong ấy. Từ chữ ‘Như Lai’ trở đi:**

Hỏi: Trước nói niệm Phật là chỉ niệm Di Đà, chẳng niệm chư Phật, có sao ở đây lại nói mười phương chư Phật?

Đáp: Có hai ý: Một là chỉ Di Đà Phật, vì tam thế thập phương có vô lượng Phật Di Đà, nên Quán Kinh dạy: ‘Từ phương dưới cõi của Kim Quang Phật, nhấn đến phương trên cõi của Quang Minh Vương Phật, trong khoảng giữa ấy, vô lượng trần số phân thân Vô Lượng Thọ Phật’. Hai là chỉ chung mười phương chư Phật, tức là chẳng phải mình đức Phật Di Đà của chúng ta có bi nguyện như thế, mà mười phương chư Phật xót nghĩ chúng sanh cũng đều như vậy, nêu thẳng sự việc Phật phật đạo đồng.

Trong phẩm Vấn Minh của kinh Hoa Nghiêm có chép: ‘Mười phương các như lai cùng chung một pháp thân, một tâm, một trí huệ, sức vô úy cũng vậy’. Kinh Lăng Già, quyển thứ tư chép rằng: ‘Hết thầy chư Phật có bốn thứ bình đẳng, ấy là: tự bình đẳng, ngữ bình đẳng, thân bình đẳng, pháp bình đẳng’. Quán kinh dạy: ‘Thấy Vô Lượng Thọ Phật tức là thấy mười phương vô lượng chư Phật’. ‘Xót nghĩ’ là như

kinh Tam Muội nói: ‘Tâm chư Phật là đại từ bi. Do từ bi duyên với chúng sanh đang khổ. Nếu khi thấy chúng sanh chịu khổ não, như bị tên trúng tim, muốn dứt cái khổ cho họ’. Thế nên, người cầu vãng sanh chẳng được cho rằng mình lỗi ác, mà nghi Phật chẳng đến tiếp dẫn. Ai biết là tâm Phật chuyên hướng đến chúng sanh nghịch khổ để thực thi các thứ cứu độ. Sao lại tự sanh nghi nan, cam tâm chịu khổ vậy?

Hỏi: Hai chữ ‘trốn bỏ’ cùng với ý ‘chuyên quên, hoặc gặp chẳng gặp’ nói ở trên có sai biệt hay không?

Đáp: Cũng giống, cũng khác. Giống là chẳng niệm Phật thì chẳng thể thấy Phật. Tuy thấy Phật cũng chẳng thể hưởng pháp lợi. Do đây, cũng như trốn bỏ chẳng khác, có nhớ cũng chẳng làm gì được. Khác là: với ý của thí dụ ở phần trước, còn nêu chúng sanh hoặc có lúc có niệm, có điều niệm chẳng khẩn thiết, nhớ chẳng sâu thoi. Nên có gặp hoặc chẳng gặp. Sự nhớ của Phật còn có lợi ích. Trong thí dụ này, đã nói rõ chúng sanh chẳng chỉ quên niệm mà còn bán Phật. Do bất tín nên đọa trong tam đồ, chịu vô lượng khổ, nên như trốn bỏ, sự nghĩ nhớ của Phật là vô ích. Cảm ứng giữa chúng sanh và Phật thì: con là dụ cho chúng sanh cảm. Mẹ là dụ cho Phật ứng. Đạo giao chẳng hai hợp thành chẳng trái. Từ chữ ‘Nên Cao Tề’ trở đi, hòa thượng bàn rằng: Vãng sanh tịnh độ phải cần có tín. Tin một ngàn tức sanh một ngàn, tin vạn liền vạn sanh. Tin vào danh hiệu của Phật, chẳng lìa miệng, ý, chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ, tâm thường nhớ Phật, miệng thường xưng danh, thân thường tôn kính mới gọi là thâm tín (tín sâu).

b.1.2. Hợp lại để giảng pháp

**Chánh kinh: Nếu tâm chúng sanh: nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền,** tương lai, nhất định thấy Phật.

**Sớ: Nói ‘Tâm chúng sanh’ là trừ bỏ chuyện miệng niệm mà tâm** chẳng niệm. Nhớ (ức) là ghi giữ chẳng quên. Niệm là buộc duyên thường nghĩ đến vậy. Lại lúc đầu ngẫu nhiên miễn cưỡng ghi nhớ, thì gọi là ức. Lúc sau, lâu ngày thuần thực thuộc vào duyên niệm thì gọi là niệm. Lại ức là tạm niệm, là nói một lần nhớ. Niệm là nhiều lần nhớ, là nói về thường niệm. Như sự ức niệm thì là chuyên tâm chú ý, tư hào chẳng để tạp duyên. Nếu là lý ức niệm thì chỉ có diệu giác minh, chiếu trọn pháp giới.

Phật cũng có hai nghĩa: Một là sự tướng, tức là ba thân, mười thân. Hai là lý tánh, chỉ là một chơn như pháp giới.

Lại trong sự niệm Phật và lý niệm Phật, mỗi thứ lại có hai: một là hạnh lần lượt, hai là viên dung. Tức là: trước là niệm hóa thân, báo thân, sau mới niệm pháp thân v.v.. là sự được niệm lần lượt. Hoặc ba

thân, hoặc mười thân cùng tại nhất tâm là sự cùng một lúc vậy. Trước không, kể đến bất không, cuối cùng là không bất không là lý được niệm lần lượt. Ba như lai tạng tâm Phật được niệm trong cùng một lúc là lý viên dung vậy.

Hỏi: Nếu ngoài tâm có Phật thì làm sao dung được lý niệm? Ví như ngoài tâm không Phật, sao lại dùng sự làm?

Đáp: Ngoài tâm có Phật là Phật trong tâm của ta, thành ra Phật bên ngoài. Kinh dạy: 'Chư Phật chánh tri, từ tâm tưởng sanh' nên cần phải lý niệm. Ngoài tâm không Phật là mượn Phật ngoài tâm để hiển lộ Phật trong tâm mình. Kinh dạy: 'Lúc tâm tưởng Phật, tâm này làm Phật', nên phải dùng sự để niệm. Nếu lìa hai cách niệm sự và lý, sao gọi là tức tâm tức Phật.

Hỏi: Nếu Phật chính là tâm, phải nên niệm tâm, sao lại phải niệm Phật? Lại tâm chính là Phật, thời nên niệm Phật, cần gì niệm tâm?

Đáp: Chỉ chấp tâm chính là Phật, chẳng biết chính tâm tánh bốn giác của mình là Phật giác ngộ rốt ráo kia. Kinh dạy: 'Tâm này là Phật ba mươi hai tướng' nên chẳng ngại việc niệm Phật. Lại chấp tâm này là Phật chẳng biết chính đức Phật giác ngộ rốt ráo kia là tâm tánh bốn giác của mình. Kinh dạy: 'Chư Phật vào trong tâm của chúng sanh' nên chẳng ngại niệm tâm. Nếu chỉ niệm riêng về tâm hay Phật, thời nghĩa chẳng thành.

Hỏi: Nhất chơn pháp giới, thể không hai tướng, cơ sao có việc niệm Phật ở trong hay ngoài tâm?

Đáp: Pháp giới nhất chơn, vốn chẳng trong ngoài, chẳng thuộc nơi tâm hay Phật, Phật tự chứng đến cùng cực biết tâm chấp có của chúng sanh, muốn khiến chúng sanh khai ngộ, nên nghĩa phân ra làm tâm và Phật. Phật là ngoại cảnh, tâm là nội cảnh. Ưc niệm thành công, tự nhiên chứng biết, tâm: không có tâm ở ngoài Phật, Phật: không có Phật ở ngoài tâm. Duy nhất pháp giới, khắp dung chứa vô tận.

'Hiện tiền thấy Phật': chẳng lìa ngũ ấm hiện tại, ở trong định được thấy, hoặc trong mộng được thấy. 'Tương lai thấy Phật': tức là báo hết, thân ngũ ấm tan hoại, thấy Phật đến đón, hoặc thấy ở trong đài hoa, mà nói 'quyết định' thời có hai ý: Một là cảm ứng đạo giao, khó nghĩ bàn vậy. Tức là tin được tâm chính là Phật, chuyên dùng sự niệm, niệm Phật tướng tốt, nên thấy quả báo Phật đi vào trong tâm mình. Kinh dạy: 'Tâm này làm Phật. Chư Phật Như Lai vào trong tưởng của hết thảy chúng sanh'. Hai là thí giác và bốn giác kế hợp với nhau, pháp đương nhiên như vậy. Tức là: tin được chính Phật là tâm, chuyên nơi lý niệm, niệm bốn tánh Phật. Nên trong tự tâm,

thấy pháp thân Phật hiện. Kinh dạy: ‘Tâm này là Phật, lúc tâm tưởng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng’. Trong đoạn này chẳng nhắc lại Phật niệm chúng sanh vì để lập lại ý chúng sanh niệm Phật vậy.

**Sao: Từ chữ ‘Nhớ (ức)’ trở đi, như trong luận Duy Thức nói: ‘Sao gọi là niệm? Với cảnh từng quen, khiến tâm nhớ rõ chẳng quên làm tánh. Nương chắc vào đó làm nghiệp. Tức là nhiều lần nhớ giữ cảnh từng được thọ, chẳng thể quên mất, hay dẫn đến định. Với cảnh chưa từng thọ, hoàn toàn chẳng khởi niệm. Ví đã từng thọ, chẳng thể nhớ rõ, thì niệm cũng chẳng sanh’.**

Ngài Từ Vân Sám Chủ nói: ‘Phàm trải qua các duyên sự mà trong tâm chẳng quên Phật, thì gọi là ức niệm’. Ví như người đời gắn bó với sự việc, chuyên chú tâm, tuy có nói năng, đến, đi, ngồi, nằm, làm lụng các thứ, mà chẳng phương hại gì đến sự thâm nhớ, việc trên cũng tựa như vậy. Cái tâm niệm Phật cũng phải nên như thế. Nếu như quên mất niệm, nhiều lần gom tâm trở lại, lâu dần thành tánh, tùy ý thường nhớ. Lại nữa, giác tâm tâm vừa nhen ác niệm, liền nghĩ ngay đến Phật, do bởi Phật lực, ác niệm tự dứt. Nếu thấy người khác chịu khổ, do tâm niệm Phật, thương xót đến họ, nguyện họ lìa khổ. Buộc lòng niệm Phật liên tục như thế, thời có thể hoàn thành hết thủy công đức tịnh độ. Từ chữ ‘Như sự ức niệm’ trở đi, là nói ở trong ấy chuyên tâm ức niệm cùng là thâm nhiếp các căn tịnh niệm, tức là cái nhất tâm bất loạn trong kinh Di Đà vậy. Nhất hướng chuyên niệm là cái khẩn niệm trong Quán kinh vậy, đều thông sự, lý. Sự tức là có thể với những cái mình trải qua, tâm Phật vẫn phân minh. Chỉ một tâm này không có niệm khác, niệm niệm liên tục, thành tựu định lực. Luận Khởi Tín nói: ‘Dùng nhưn duyên chuyên ý niệm Phật’ chính là ý này vậy. Lý thời năng, sở nhất như, tâm và Phật chẳng hai. Chỉ một duyên này lại chẳng có chuyên khác, duyên, tâm tự tại, thành tựu huệ lực, như luận Khởi Tín nói: ‘Tuy niệm cũng chẳng có người niệm mới là niệm’.

Lại như lời sơ phẩm Phổ Môn chép rằng: ‘Nếu dụng tâm tồn niệm chẳng có gián đoạn, gọi là sự nhất tâm. Nếu rõ được niệm tâm ấy: bốn tánh chẳng sanh, thì gọi là lý nhất tâm’. Đối với bốn thứ hay năm cách niệm Phật nói ở phần trước, mỗi mỗi thứ đều đủ cả hai cách niệm sự và lý này.

Hỏi: bốn cách, năm môn niệm Phật ở phần trước cùng với sự và lý ở đây đều ước theo nghĩa năng niệm, há có sai khác chăng?

Đáp: Bốn hay năm cách nói ở trước, nêu nhiều pháp môn phương tiện. Lý, sự ở đây, thì ước theo hành nhân dụng tâm sai khác. Thế nên, trong bốn cách, năm môn, ắt đủ hai tâm. Trong hai tâm, ắt gồm bốn cách, năm môn chẳng hỗn độn vậy.

Hỏi: Lý, sự trong đây, cùng với bốn cách, năm môn niệm Phật trước: phán sự, quán lý sai khác thế nào?

Đáp: Trên là phán định riêng. Bốn cách, năm môn đều thuộc về sự lý. Còn ở đây là phán định chung, mỗi mỗi môn đều có sự lẫn lý. So ra, phần trên nói lược, ở đây nói chi tiết, nên chẳng giống nhau. Mà trong hai niệm này, tuy chẳng được khuyết mà cũng có bậc thượng trí chuyên nơi lý niệm, hoặc kẻ độn căn chuyên nơi sự niệm, hoặc người bậc trung kiêm cả sự lý, đều là thích nghi theo căn cơ, chẳng bị trở ngại. Do được thấy Phật, lợi ích vẫn như nhau.

Với câu ‘Phật cũng có hai nghĩa...’, có lời hỏi rằng: Pháp thân trong ba thân, trí không thân trong mười thân sao cũng bị gọi là sự?

Đáp: Do theo số lượng, do thuộc Phật thân vậy.

Hỏi: Luận Khởi Tín viết: ‘Nếu người chuyên niệm Di Đà Phật, do căn lành đã tu liền được thấy Phật’. Há chẳng phải là sự niệm sao? Lại viết rằng: ‘Nếu quán chơn như pháp thân của đức Phật ấy, thường siêng tu tập, chắc chắn được sanh’, há chẳng phải lý niệm sao? Nay sao lại cho là pháp thân chẳng thuộc lý?

Đáp: Đối với báo thân, hóa thân mà bàn thì pháp thân thuộc về lý niệm. Nay đem so với nhất chơn, thì lại thuộc về sự. Thế nên trong kinh Văn Thù Bát Nhã minh thị nhất hạnh niệm Phật tam muội, trước nêu pháp giới bất động, khẩn duyên pháp giới v.v.. Đại Sớ cũng chép: ‘Nhất pháp giới hạnh cũng chẳng không có một thứ gì vậy’.

Hỏi: Mười thân Phật xuất phát từ kinh Hoa Nghiêm, các kinh khác không có. Cớ sao nay lại dạy niệm vậy?

Đáp: Chư Phật nói ra giáo pháp tuy khác, mà ba mươi thân đều đồng. Quán Kinh dạy: ‘Chư Phật Như Lai là thân pháp giới’. Như ngài Đức Vân [trong kinh Hoa Nghiêm] chỉ niệm mười thân Phật. Thanh Lương Sớ Sao cũng chép: ‘Mà niệm Phật tam muội ấy, tổng tướng là một. Biệt tướng thì thành ba thân, mười thân, tu quán đều khác’. Ba thân là nói niệm pháp thân, báo thân, hóa thân Phật. Trong ba thân, đều có ý, chánh, lại thành sáu quán. Tức là: niệm pháp tánh, thân, cõi nước làm ý, chánh của pháp thân. Niệm báo thân, cõi Hoa Tạng v.v.. làm ý báo, mười thân tướng hải... làm chánh báo. Niệm sự khác là tịnh độ, nước, chim, cây cối, đều là chỗ nương của hóa thân. Ba mươi hai tướng là chánh báo của hóa thân. Mười thân là niệm, nguyện, trí,



pháp, lực, trì, ý sanh, hóa độ, oai thế và bồ đề, phước đức, tướng hảo trang nghiêm thân.. Các thứ như thế thành cảnh đế võng (1) liền nhập môn niệm Phật của Phổ Hiền, giảng rõ trong cuốn sáu mươi hai. Hạnh lần lượt là tu hành dần theo thứ tự vậy. Viên dung là nhất niệm. Lợi căn thì viên dung hạ căn, ngu độn thời phải lần lượt thực hành, hạng trung căn thì bất định. Lại nữa, hoặc lợi căn trước lý sau sự, độn căn thì trước sự sau lý, đều phương tiện tùy cơ, chẳng một tướng nhất định.

Nói ‘Trước không’ là ước theo quyển bốn của kinh Lăng Nghiêm, tam như lai tạng tâm minh. Nếu xét về pháp giới trong cái lý được niệm, thời nên nói: Trước là vô vi lý pháp giới, kế đến là hữu vi sự pháp giới, sau là lý sự vô chướng ngại pháp giới Phật, do pháp giới và như lai tạng cùng là một tâm vậy, nói trước hay sau thôi. Từ chữ ‘Hỏi: Nếu’ trở đi, là lời gạn chung. Trước hết giải trong hai niệm, tùy ý dùng một thứ, chẳng cần phải kiêm cả hai cho khó. Kế đó là giải thích giữa tức tâm và tức Phật, niệm thứ nào cũng được, chẳng bắt buộc phải tu hết cho khó. Ba là giải thích chính là tâm chính là Phật, thành tâm và Phật hai thứ cùng khó.

‘Trong định được thấy’ là như quyển bốn mươi sáu kinh Hoa Nghiêm dạy: ‘Nếu có chúng sanh chuyên tâm ức niệm, thời Phật hiện trước mặt họ’. Quyển sáu mươi hai chép: ‘Trụ tự tại tâm niệm Phật môn, tùy theo ý mình thích, mà [Phật] hiện hình tượng vậy. Trụ môn niệm Phật hết thấy cảnh, khắp trong các cảnh thấy Phật hiện’. Kinh Lăng Già dạy: ‘Chư Phật có hai thứ gia trì, tức là khiến nhập tam muội, hiện thân quán đảnh. Các hàng bồ tát được hai thứ gia trì này, thời có thể đích thân thấy hết thấy chư Phật’. Quán kinh dạy: ‘Vô Lượng Thọ Phật, tướng hảo, quang minh, khắp mười phương cõi với chúng sanh niệm Phật nhiếp thủ chẳng bỏ, nên trong thiên quán, đều được thấy’.

‘Trong mộng thấy’ là như kinh Pháp Hoa chép: ‘Hoặc ở trong mộng, thấy các như lai, ngời tòa sư tử, vây quanh thuyết pháp’.

Từ chữ ‘Di Đà’ trở đi, Bồ đề nói: ‘Người này lâm chung, mộng thấy Phật ấy, cũng được vãng sanh’. ‘Báo hết thấy Phật’ là như kinh Xưng Dương Công Đức chư Phật dạy: ‘Nếu như được nghe danh hiệu Di Đà, nhất tâm tin ưa, người này mạng chung, A Di Đà Phật ở trước người ấy’. Kinh Cổ Âm Vương chép: ‘Nếu có người thọ trì danh hiệu đức Phật ấy, lúc mạng lâm chung, A Di Đà Phật liền cùng đại chúng ở trước kẻ ấy, khiến cho được thấy’. ‘Trong hoa được thấy’ là như trong Quán Kinh, phần hạ phẩm trung sanh, chép: ‘Thối các hoa trời, trên hoa đều có hóa Phật, Bồ Tát, ngời tiếp người ấy, như trong một niệm, sanh

trong hoa sen. Trải qua sáu kiếp, hoa sen bèn nở, Quán Âm, Thế Chí giảng kinh điển cho’.

Hỏi: Nay có kẻ chuyên tâm niệm Phật, trong định, trong mộng cũng chẳng thấy Phật. Lại có người cả đời niệm Phật, đến lúc lâm chung cũng chẳng sanh Tây phương, vì sao vậy?

Đáp: Chuyên tâm niệm Phật trong định cùng mộng chẳng thấy, do nghiệp chướng trong quá khứ nặng nề, mà sức lành hiện tại yếu kém. Lại Phật có hai thứ gia bị: Một là không nghiệp chướng liền gia bị rõ ràng khiến đích thân được thấy. Hai là chướng nặng liền ngầm gia bị, thầm khiến được lợi ích. Nên Bồ tát Phổ Hiền bảo: ‘Có các chúng sanh trong tâm phát minh Phổ Hiền hạnh. Ta có lúc phân thân, đến chỗ người ấy. Ví người ấy chướng sâu chẳng được thấy ta, ta bèn với người ấy thầm xoa đánh ủng hộ cho thành tựu’. Một đời niệm Phật chẳng sanh tây phương là do niệm Phật chẳng tinh thành, sanh nghi chẳng dốc lòng tin, chẳng có nguyện vãng sanh, chẳng thể đoạn tham, ái.

Hỏi: Hiện tại thiện căn cạn mỏng thời có thể tu tập để tăng thêm. Nghiệp chướng quá khứ sâu nặng, làm sao biết nổi để mà đối trị?

Đáp: Có hai cách chọn lựa:

a. Trong tam muội nếu có căn lành phát tướng, biết các nhơn duyên đã gieo trong quá khứ. Làm sao để thiện phát? Lược khai bốn thứ:

Một là niệm hóa Phật, thiện căn sẽ phát hiện. Trong niệm Phật tam muội, hốt nhiên nhớ Phật tu lục độ vạn hạnh, thành bả hai tướng, thân có quang minh đẹp, tâm có trí huệ, thuyết pháp lợi sanh, hàng phục ma oán. Lúc nghĩ như thế, sanh lòng kính ái, khai phát tam muội, tăng tấn Phật hạnh. Hoặc là trong định, thấy thân tướng Phật, tâm tin hiểu trong sạch. Hoặc là trong mộng, nghe Phật thuyết pháp, giác ngộ tâm Phật.

Hai là niệm báo thân Phật, thiện căn phát tướng là trong lúc niệm Phật, hốt nhiên nhớ tới đến thân quả báo viên mãn của Phật đều là công đức vô lậu thành tựu, tướng hảo, quang minh, mỗi mỗi vô lượng, thần thông, trí huệ đầy tràn pháp giới, liên tục trạm nhiên tột hết vị lai. Lúc nghĩ như thế, huệ giải phân minh, quyết định an ổn, niệm lành tiếp nối, hoặc là trong định, nghe nói cảnh giới Phật pháp chẳng nghĩ bàn, liền được xuất sanh vô lượng trí huệ pháp môn. Hoặc là trong mộng, thấy tám vạn bốn ngàn các tướng tốt lành, liền xuất sanh vô lượng nguyện hạnh công đức.

Ba là niệm Phật pháp, thiện căn phát tướng là trong tam muội, chợt nhớ thân chơn thật tánh của Phật, thanh tịnh vô tướng tựa như hư không. Chỉ là đệ nhất nghĩa đế, chẳng có cảnh giới thế đế, lìa sanh

rời diệt, vô tác, vô vi, chẳng đến chẳng đi, chẳng giảm, chẳng tăng. Lúc nghĩ như thế, thiện tâm khai phát, nhập định an vui, thông đạt vô lượng pháp môn, hiện khởi vô biên cảnh Phật. Hoặc là trong định thấy Phật dùng pháp thân vi diệu đủ các tướng tốt liền được giác ngộ, xa lìa thường, vô thường, mà hiện thường và vô thường. Luận Thành Duy Thức nói: ‘Pháp thân, năm pháp làm tánh, chẳng phải riêng tịnh pháp giới gọi là pháp thân’. Lúc ngộ như thế, khai phát thật trí, ba thời hiện tiền. Hoặc là trong mộng, thấy Phật đem các pháp như nghĩa để dùng làm thân, liền được giác ngộ, dùng chơn như làm Phật, không cảnh gì chẳng là Phật. Đại Phẩm chép: ‘Tướng như thật của các pháp: chơn pháp như thật tức là Phật. Lìa ngoài điều ấy, chẳng có Phật khác’. Lúc ngộ như thế, thanh tịnh sáu căn, pháp tánh hiện tiền.

Bốn là niệm mười Phật, thiện căn phát tướng, ở trong thiền quán, chợt nhớ đến mây pháp giới thân của Phật, y báo, chánh báo viên dung, chơn ứng vô ngại, một và nhiều nhập vào nhau, lớn, nhỏ, ẩn, hiện, cũng là lý, cũng là sự, cũng là người, cũng là pháp, cũng là đây, cũng là kia, cũng là nhơn, cũng là quả, cũng là chín cỗi, cũng là Phật giới, cũng là tam thân, cũng là mười thân. Lúc nghĩ như thế, khai phát vô tận tâm lành, xuất sanh vô tận tam muội, diệt vô lượng phiền não, hiển các thứ pháp tánh. Hoặc là trong định, thấy vô chướng ngại Phật, trong mỗi cỗi, mỗi bụi hiện thân thuyết pháp, thời liền chứng biết pháp môn nhất niệm của ngài Đức Vân, xuất sanh hăm mốt môn. Sau khi biết như thế, phát nguyện Phổ Hiền, hành hạnh Phổ Hiền. Hoặc là trong mộng, thấy vô tận thân Phật, thuyết pháp lợi sanh, liền được nhập oai quang niệm Phật tam muội, nhiếp vô tận tam muội. Sau khi ngộ như thế, phát [Tì Lô] Giá Na trí thành cảnh Giá Na.

Các căn lành trên đây đều từ quá khứ nay sanh, là tướng niệm Phật được báo vậy.

b. Trong tam muội nếu có nghiệp chướng phát tướng, thời biết quá khứ chẳng trồng thiện căn. Gì là chướng phát? Cũng khai bốn thứ:

Một là hôn trầm, tối tăm che lấp, nghiệp chướng phát tướng. Tức là lúc niệm Phật, liền bị mê ngủ, trầm ám, trì trệ, không thể nhớ gì làm cho các thiền quán chẳng được khai phát.

Hai là vọng niệm tán loạn, nghiệp chướng khai phát. Lúc muốn tu quán, tuy chẳng hôn trầm, mà sanh tà tưởng, muốn làm các sự: tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác, hủy giới v.v.. xoay vần sanh chuyển, không lúc tạm ngừng, bởi thế tam muội chẳng được hiện tiền.

Ba là ác cảnh bức bách, nghiệp chướng phát tướng. Lúc muốn nhập định, tuy không vọng niệm, nhưng có cảnh ác, hoặc thấy lửa cháy,

nước trôi, hoặc nghe chấn động, hoặc không đầu, tay, hoặc núi sụp xuống biển. Các thứ bức bách như thế khiến cho hoảng sợ, đạo tâm đã phát bị chướng ngại chẳng khởi được.

Bốn là bệnh sự khổ não, nghiệp chướng phát tướng. Lúc đang niệm Phật, tuy không có những cảnh trên, mà thân chợt sanh các thứ tật bệnh, khổ não trăm mối, hoặc bị các thứ sự vụ thế gian lôi kéo chẳng dứt. Bởi thế chẳng sanh, chẳng thể chứng nhập.

Nghiệp chướng nói trên đều do nhơn chẳng lành trong quá khứ nên hiện tướng. Nhân vì hai pháp lành ác hiện tướng, liền có thể biết được căn tánh của mình, là thiện hay ác, cũng biết được mình trong đời trước trồng thiện hay gieo ác, làm ác hay làm điều chẳng ác. Thấy như thế xong, thiện thì tu cho tăng thêm khiến được viên mãn. Ác thì đối trị, khiến cho trừ diệt. Làm sao đối trị, cũng mở ra bốn môn:

Một là trị diệt hôn trầm chướng: Nên dạy niệm nơi bả hai tướng của hóa Phật, tùy ý chọn lấy một tướng, hoặc lấy tướng bạch hào nhắm mắt tự quán. Nếu tâm ám độn, quán tướng sông chẳng thành, thời nên đối trước một bức tượng Phật đoan nghiêm, nương vào đó nhập quán. Nếu chẳng rõ ràng, liền mở mắt quán, rồi lại nhắm mắt. Lúc tướng như thế, tâm hẳn mở toang phá được chướng ấy, không còn hôn trầm.

Hai là trị diệt vọng niệm chướng, nên dạy quán mười công đức, bốn vô sở úy, mười tám bất cộng, tam muội giải thoát, nhất thiết chủng trí, công đức chẳng thể nghĩ bàn vô lượng vốn có của báo thân Phật, phổ hiện sắc thân lợi ích hết thảy. Thần thông biến hóa, dẹp tan ma và ngoại đạo. Niệm pháp lành công đức của Phật như thế, hết thảy tà ác, tâm, tâm số pháp tự nhiên tiêu diệt.

Ba là trị diệt ác cảnh chướng, nên dạy niệm pháp thân của Phật, pháp thân của Phật tức là pháp tánh bình đẳng, không tịch, vô vi, chẳng có hình tướng. Đã không hình tướng thì sao có cảnh giới bức bách. Do cảnh giới là không, nên trị diệt được chướng ấy.

Bốn là trị diệt bệnh sự chướng, nên dạy niệm mười thân Phật. Do Phật bồ đề oai thế lực trì bốn nguyện công đức, chẳng bị sự việc thế gian bó buộc, nhờ vào phước đức tướng hảo trang nghiêm ý sanh pháp thân của Phật, chẳng bị hết thảy bệnh khổ làm não. Niệm pháp thân của Phật tựa như hư không, theo trí lực ứng hóa hết thảy, chẳng như chúng sanh: phiền não đầy thân, tám khổ cùng đốt, thế sự buộc ràng, như tầm kéo kén, chẳng có ngày thò đầu ra được. Lúc niệm như thế, chướng này liền diệt. Nên biết bền lòng niệm Phật công đức rộng lớn không chi chẳng thành. Nghiệp chướng sâu nặng không chi chẳng diệt.

Hỏi: Niệm Phật thì Phật hiện, mà cũng có ma chẳng? Căn lành do niệm Phật phát sanh cũng có chỗ do ma làm chẳng?

Đáp: Phật có sức thần thông, sức oai đức, sức bổn nguyện, ở trong đại quang minh ắt không có ma sự. Hoặc có túc chướng sâu dày, cùng chẳng khéo dụng tâm, mới bèn có ma khởi, phải nên biết rõ. Kinh luận nói có hai thứ: Tướng tốt hiện ra không hợp với kinh thì là ma sự. Hai là sự chẳng hợp với việc tu hành của mình thì là ma sự. Cho đến trong thiện căn phát hiện hoặc do ma làm, hoặc chẳng do ma làm, cũng dùng hai cách sau để nhận rõ: Một là ước theo tâm cảnh lâu, mau, tức là các sự: thấy Phật nghe pháp v.v.. nếu là do thiện căn phát khởi thì cảnh tướng do báo làm như thì tạm hiện liền mất. Còn do thiện tâm tu tập lâu ngày thì liên tục chẳng dứt. Nếu là cảnh do ma tạo thì nếu cảnh tướng do báo như thì lâu dài chẳng dứt. Hoặc biến đi lại hiện ra làm nhiều loạn. Nếu là tâm lành tu tập đã lâu, thì tạm hiện ra liền diệt. Hoặc trong giây lát biến thành ác niệm. Hai là ước về phiền não nặng nhẹ, tức là lúc thấy tướng lành phát ra, khiến tâm thức động loạn, phiền não thêm nặng, nhiều thứ trở ngại chẳng có lợi cho định tâm chắc chắn do ma làm. Nếu thấy tướng lành hiện xong, tuy chưa chứng thiền định mà thân tâm minh tịnh, thiện niệm khai phát, phiền não nhẹ mỏng, hoặc tam muội khai thông, thân tâm khoái lạc, trong ngoài an ổn, khí sắc tươi tắn, phiền não lặng lẽ, công đức vôi vọi, ấy là tướng lành phát khởi. Nếu tà chánh chẳng phân nên dùng hai pháp để đối trị:

Một là chỉ pháp, tức là thâm nhập tam muội, nhất tâm niệm Phật, với tướng hiện ra biết là hư dối, chỉ bình tâm trụ định, chẳng lấy chẳng bỏ. Lúc lặng tâm như thế, lặng lẽ chẳng khởi phân biệt, nếu là thánh cảnh thì định lực càng sâu, thiện tướng đúng pháp. Nếu là cảnh ma, hiện tướng chẳng lâu sẽ tự mất, ví có phát khởi cũng chẳng đúng pháp.

Hai là quán pháp, tức là quán chơn không pháp giới, niệm hư không pháp Phật, xét đoán tướng được hiện: chẳng thấy chỗ sanh. Vì tướng không tịch, tâm niệm cũng tịch, biết ma giới như chính là Phật giới như, là ngoài chơn như không một pháp tướng. Quán niệm như thế, Phật pháp tự sẽ hiện tiền, ma cảnh tự nhiên tiêu diệt.

Nhưng niệm Phật mà gặp ma cũng là trong vạn trường hợp mới có một, vốn bởi người tu tịnh nghiệp đủ ba thứ lực: một là niệm lực, hai là bổn hữu Phật tánh lực, ba là Phật nhiếp thủ lực, thì làm sao ma tà có cơ nhiều hại. Nên kinh Xưng Dương Công Đức Chư Phật dạy rằng: 'Nếu có kẻ được nghe danh hiệu A Di Đà, Phật A Di Đà trụ trước người đó, ma chẳng thể hoại tâm chánh giác của người ấy'. Vì thế chỉ nên nhất tâm niệm Phật, đừng ngờ lo.

Từ chữ ‘Mà nói bất định là có hai ý’ trở đi, là lời giải đáp cho sự vấn nạn. Gạn rằng: ‘Như lai là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, làm sao có Phật hiện tiền?’ nên ở đây nói chung rằng: Có hai ý, chắc chắn thấy Phật. Một là ước về Phật khác, tức là pháp thân chơn Phật, vốn không sanh diệt, từ chơn khởi ứng, chẳng phương ngại chuyện đến đi. Thế nên, tâm tịnh Phật hiện, tâm như Phật diệt. Ví như nước đứng trong, trăng hiện bóng, nước đục, ánh trăng mất. Hai là ước theo tự Phật (Phật của chính mình), tức là bốn giác tâm Phật, vốn chẳng đến đi, nương giác hay chẳng giác, chẳng phương ngại đến chuyện hiện ra hay mất đi. Vì thế tâm mê Phật ẩn, tâm ngộ Phật hiển. Ví như gương đóng bụi thì tối tăm, gương sạch thì bóng tỏ. Từ chữ ‘trong ấy’ trở đi, cũng là để giải thích điều nghi. Gạn rằng; ‘Trong hai thứ dụ, đều hàm ý như lai niệm chúng sanh, sao trong ấy lại không nhắc đến chuyện Phật niệm vậy?’ Nên đáp chung rằng: Chúng sanh chẳng có tín nguyện, nên ở đây đôi ba lần khuyên lớn, Phật niệm chúng sanh bèn là tự nguyện của Phật, cần gì phải nói!

### 3. Chứng quả

Gồm hai phần:

- Thuyết pháp
- Dùng thí dụ để làm rõ

#### 3.1 Thuyết pháp

**Chánh kinh: Cách Phật chẳng xa, chẳng cần phương tiện, tự nhiên tâm khai.**

**Sớ: Câu thứ nhất tóm ý tu nhân nói ở trước. Câu thứ hai, chánh minh quả tướng vậy.** ‘Chẳng xa’: Trong cái thấy hiện tiền, sự niệm thì thấy Phật bên ngoài, tức là trước thấy tướng sắc thân của Phật, sau là thấy pháp thân chơn Phật; lý niệm thì thấy Phật của mình, tức là trước là phần chứng giác Phật, sau là giác Phật rốt ráo. Trong cái thấy của tương lai, thì sự niệm là thấy Phật bên ngoài, thời trước thấy hóa thân Phật, sau thấy báo thân Phật; trong lý niệm thì thấy Phật của chính mình, thời trước thấy bốn giác Phật sau thấy diệu giác Phật. Nên nói: ‘cách Phật chẳng xa’. ‘Chẳng cần phương tiện’ là ước về sự, thì pháp môn niệm Phật là phương tiện hay lạ dễ dàng, chẳng cần phải nhờ đến phương tiện khác để giúp hiển lộ cái bổn tánh của mình. Ước về lý, thì niệm Phật tức là niệm tâm. Tâm, Phật không khác, ta, người chẳng hai. Há phải ngoài duy tâm tự Phật mà cần đến Phật khác ngoài tâm làm phương tiện hay sao? ‘Tự được tâm khai’ là do tâm niệm Phật, nhập tri kiến của Phật, viên mãn bờ đề, rốt ráo vô sở đắc. Tính theo sự, thì

Phật quả thành chứng. Tính về lý, thời giác thể viên, hiển. Ấy là chỉ được thấy đức Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ.

**Sao: Từ chữ ‘câu đầu’ trở đi, là lược đề. Từ chữ ‘chẳng xa’ trở đi, giải thích chữ ‘hiện tiền’ v.v..** Nạn rằng: Ở trên đã thấy Phật, nay sao lại nói cách Phật chẳng xa? Nên ở đây giải thích rằng: Thấy Phật nói ở trên chỉ là phần sắc tướng hóa hiện từ gốc. Nay ‘cách Phật’ nói ở đây, chính là pháp cứu cánh báo diệu, nên chẳng bị trái nghĩa. Cũng có thể nói: do thấy Phật, chúng sanh cùng Phật cùng một chỗ, ví như hình cùng bóng chẳng hề xa trái nhau.

### 3.2. Dùng thí dụ làm rõ

**Chánh kinh: Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm, đây tức gọi là hương quang trang nghiêm.**

**Sớ: Hai câu đầu, nêu thí dụ. Về pháp thì thân cận với Phật thân, tâm thì khai phát Phật tâm.** Hợp với dụ, người được thấm đượm hương, thân cũng có mùi thơm. Hai câu kế đó, là nêu tên. Tức là dùng pháp thân hương quang của như lai, trang nghiêm như lai của bốn giác tự tâm. Như kinh Hoa Nghiêm dùng chiên đàn, trầm thủy hương v.v.. dụ cho bồ đề tâm. Nay kinh này cũng dùng danh hương của trời người dụ cho như lai pháp thân công đức hương vậy.

Sao: Từ chữ ‘Về pháp’ trở đi, như ước thẳng theo pháp mà nói thì là niệm Phật danh hương, gần với thân hương của Phật, khai Phật tâm hương. Hương phát tâm niệm Phật mà Chức Hương trưởng giả nói chính là ý này. Từ chữ ‘Xét trong thí dụ’ trở đi, như luận Khởi Tín nói: ‘Như y phục của thế gian, thật không có mùi thơm. Nếu người dùng hương để xông ướp, liền có mùi thơm. Vô minh nhiễm pháp thật không tịnh nghiệp, chỉ dùng chơn như mà xông lâu, thời có tịnh dụng’. Vô minh nhiễm hương là bốn giác tâm Phật chứa trong cái vỏ vô minh. Luận ấy bàn về như lai tạng tâm còn bị triền phược, nay kinh này dụ cho như lai tạng tâm đã ra khỏi triền phược, nên nói tâm khai, tức là tâm khai thành Phật, nên gần Phật vậy. Như thân sạch sẽ thành thơm tho, do dùng hương bôi lên. Nếu y theo tướng tông để bàn định thì nên nói: Niệm Phật là pháp có, Phật tâm khai là tông, như đó, nói cách Phật chẳng xa vậy, cũng như thí dụ người nhiễm hương: Hương, người là pháp có, thân có hương quang trang nghiêm là tông, như đó nói: nhiễm hương, thí dụ đồng như niệm Phật (2). ‘Nêu tên’ là nêu tên của tam muội, cũng là tên của pháp môn. Từ chữ ‘Như kinh Hoa Nghiêm’ trở đi, là như trong quyển 78 của kinh ấy chép: ‘Như chiên đàn hương, nếu dùng bôi thân trừ được nhiệt não, khiến được thanh lương. Bồ đề tâm hương hay trừ nhiệt não: tham, giận, si v.v.. khiến

cho đầy đủ trí huệ thanh lương. Lại như hắc chiên đàn hương cõi trời, nếu đốt một viên, xông khắp ngàn cõi. Bồ đề tâm hương một niệm công đức xông khắp pháp giới. Lại báu trầm hương của Chuyển Luân vương tên là Tượng Tạng. Nếu đốt hương này, bốn thứ binh của vua đều bay lên không. Bồ đề tâm hương nếu một khi phát khiến hết thảy thiện căn mãi mãi lìa khỏi ba cõi. Lại như cây ba lợi chất đa la, mùi hương của vỏ cây ấy hết thảy hoa hương chẳng thể sánh bằng. Cây Bồ đề tâm thơm phát ra mùi đại nguyện công đức, hết thảy năm phần pháp hương của nhị thừa đều chẳng sánh bằng. Lại hoa ba lợi đem xông y một ngày, các thứ hoa: chiêm bặc v.v.. tuy đem xông ngàn năm, cũng chẳng bằng nổi. Bồ đề tâm hoa, các công đức hương một đời đã xông, công đức vô lậu của nhị thừa trăm ngàn kiếp xông cũng chẳng sánh nổi'. 'Hương hoa trời người' là như kinh Hoa Nghiêm nói: 'Cõi người có hương gọi là Tượng Tạng, do rồng đánh nhau mà sanh ra, nếu thiêu một hoàn, trời mưa hương bảy ngày. Nếu đeo hương liền thành sắc vàng. Chúng sanh người được bảy ngày vui sướng, chẳng có các bệnh. Núi Ma La Da sanh chiên đàn hương tên là Ngưu Đầu, nếu bôi lên thân, lửa chẳng đốt nổi. Trong biển có hương, tên Vô Năng Thắng, nếu bôi vào ốc, trống, lúc vang tiếng ra, địch quân đều tan. Bên bờ ao A Na Bà Đạt Đa sanh trầm thủy hương, tên Liên Hoa Tạng. Nếu thiêu một hoàn, khắp xông cõi Diêm Phù, người thấy lìa tội, giới phẩm thanh tịnh. Núi Tuyết có hương tên A Lô Na. Như có người người được, lìa các cấu nhiễm. Trong cõi La Sát, hương tên Hải Tạng, lúc Luân Vương đốt lên, vua cùng bốn đạo quân đều bay lên không. Trong Thiện Pháp đường có hương trên Tịnh Trang Nghiêm. Nếu đốt một hoàn để xông, khắp khiến chư thiên tâm niệm đức Phật. Trời Tu Dạ Ma, hương tên Tịnh Tạng, nếu đốt lên xông, Dạ Ma thiên chúng nhóm bên vua trời cùng nhau nghe pháp. Trong trời Đâu Suất có hương tên Tiên Đà Bà, nếu đốt một hoàn, khắp mưa hết thảy các thứ vật cúng, cúng dường chư Phật, bồ tát. Trời Phổ Biến Hóa hương tên Đoạt Ý, nếu thiêu một hoàn, khắp trong bảy ngày, khắp mưa hết thảy đồ trang nghiêm'. Thanh Lương số sao chép: 'Đầu tiên là dụ cho bồ đề tâm hương, kế đến là nhẫn hương, lửa sân bất tuyệt. Thứ ba là tinh tấn hương, ma quân lui tan. Thứ năm cũng như hương kế tiếp đó là năm phần pháp thân hương, tứ giới hương, khá biết. Ngũ định hương được ly cấu tam muội. Sáu là huệ hương, vua cùng bốn đạo binh đều bay lên không là huệ chứng không vậy. Bảy là giải thoát hương, tâm niệm nơi Phật, thoát được ngũ dục. Tám là tri kiến hương, nhóm như mây nghe pháp, là tri kiến vậy. Chín là xứng pháp giới hương. Tiên Đà Bà tên khác là Tứ



Thật. Thứ hương này nên dùng muối, hương giống như vậy (3). Mươi là hương mất hết cả năng lẫn sở (4) nên gọi là đoạt ý'. Nay hương pháp thân của Phật, đủ các công đức, cũng ví như thế đó.

#### 4. Lược thuật sự tu hành của chính mình

Gồm hai phần:

- Tự lợi
- Lợi tha.

##### 4.1 Tự lợi

Chánh kinh: Bốn nhơn địa của con, do tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn

Sớ: 'Nhơn địa' chính là nhơn. Vô sanh là quả. Câu kệ đó, bày quả để gồm nhơn. 'Tâm' là thuật mình niệm Phật, chẳng dùng ý thức phân biệt để niệm, sáu căn đều nhiếp, nhất tâm bất loạn mà niệm. 'Nhập' là chứng. 'Nhẫn' là trí. 'Vô sanh' ước theo lý tánh mà nói: do huệ tâm ở yên trong lý vô sanh, nên gọi là vô sanh nhẫn. Ngài Thanh Lương chú thích rằng: 'Nếu ước về nhẫn, thì vô sanh lý chính là vô sanh nhẫn. Nếu ước theo trí vô sanh, cùng phiền não chẳng sanh, thời vô sanh chính là nhẫn'. Vô sanh pháp tánh thì chung chẳng khác, chứng nhập pháp nhẫn địa vị chẳng bình đẳng. Kinh Lăng Nghiêm quyển thứ ba chép: 'Người này liền được vô sanh pháp nhẫn'. Tín Lực Nhập Ấn Độ kinh chép: 'Vô sanh nhẫn pháp thì có thể thanh tịnh sơ quán hỉ địa, được chỗ đại an ổn vô úy, tức là: bỏ tát sanh tâm như thế này: Ta đã được trụ vô sanh nhẫn nên sanh tâm an ổn, vì làm cho người khác trụ vô sanh nhẫn nên khởi tâm an ủi'. Kinh Nhơn Vương nói: 'Vô sanh nhẫn bỏ tát chính là viển, bất động, quán huệ'. Viển tức là địa thứ bảy: Viển Hành địa (trong thập địa bỏ tát). Bất động tức là địa thứ tám: Bất động địa. Quán huệ tức là địa thứ chín: thiện huệ địa. Thời biết được nhẫn này, trước sau lần lượt dần tiến, sau cùng là nói đẳng giác, do ngài Thế Chí ở địa vị bồ xứ vậy. Câu trên là có thể tu chứng. Câu này là cái được ngài ngộ chứng. Tức là dùng chơn chánh tịnh niệm, trừ diệt tướng như đục tà vọng, nội tướng chẳng khởi, ngoại cảnh tự tịch, nội ngoại pháp không, hết thấy vô sanh. Kinh Nhơn Vương nói: 'Hết thấy pháp không được vô sanh nhẫn. Lại nữa, vô sanh nhẫn cũng gọi là vô diệt nhẫn, vô trụ nhẫn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: 'Vô sanh nhẫn là chẳng thấy có chút pháp nào sanh, cũng chẳng thấy chút pháp nào diệt. Vì cơ sao? Nếu vô sanh thời vô diệt. Nếu không sanh diệt, thời không trụ xứ'. Nay niệm hóa thân Phật, chứng đắc không như lai tạng trí, gọi là nhập vô sanh pháp nhẫn. Niệm báo thân Phật, chứng đắc bất không như lai tạng trí, gọi là nhập vô diệt pháp nhẫn. Niệm pháp thân Phật, chứng đắc không

bất không như lai tạng trí, gọi là nhập vô trụ pháp nhãn. Đây cũng là nêu một để gồm thâm các pháp khác. Nếu chỉ nhãn vô sanh thời tiểu thánh cũng có, há đủ là thâm huyền nhãn của bậc đẳng giác hay sao?

Sao: ‘Sáu căn đều nhiếp’ là xoay ngược lại về một, sáu công dụng đều chẳng hành. ‘Nhất tâm bất loạn’ là nương vào một tạng tâm, các niệm khác chẳng sanh. Niệm là tâm là chủ thể niệm, Phật là đối tượng được niệm. Niệm gồm cả năng lẫn sở. Nhãn tức là trí, chẳng lập lại ý lời sớ. Từ chữ ‘Ngài Thanh Lương’ trở đi, bèn có lời sao rằng: Vô sanh nhãn có hai nghĩa: Một là lý trí cùng sáng, hai là chỉ nói về trí. Lại có hai nghĩa: Một là trí chẳng sanh tức là vô phân biệt trí, thể không niệm lự vậy, hai là phiền não chẳng sanh, vọng tưởng chẳng khởi vậy. Từ chữ ‘Vô sanh pháp’ trở đi, phán định địa vị. Từ chữ ‘câu trên’ trở đi, nêu duyên do đắc nhãn. Từ chữ ‘Lại nữa, vô sanh nhãn’ trở đi, ước theo nghĩa của biệt tướng để giải thích. Câu ‘Nếu vô sanh v.v.’ nói đủ như sau: nếu vô sanh thời vô diệt, nếu vô diệt thời vô tận, nếu vô tận thời lìa cấu, nếu lìa cấu thời không sai biệt, nếu không sai biệt thời không xứ sở, nếu không xứ sở thời tịch tĩnh. Nếu tịch tĩnh thời ly dục. Nếu ly dục thời vô tác. Nếu vô tác thời vô nguyện, nếu vô nguyện thời vô trụ. Nếu vô trụ thời không đến không đi. Vô sanh, chẳng đến, lìa dục, vô tác, vô nguyện là không. Vô diệt, vô tận, chẳng đi: là bất không. Lìa cấu, vô sai biệt, không xứ sở, tịch tĩnh vô trụ: là không bất không. Từ chữ ‘Nay niệm hóa thân Phật’ trở đi, phối hợp theo ý trên thời có thể biết được. Từ chữ ‘Đây cũng là’ trở đi, là lời đáp cho lẽ vấn nạn. Nạn rằng: Nếu có các pháp vô diệt nhãn v.v.. có sao chỉ nói một mình vô sanh nhãn? Đáp rằng: Ở đây có hai ý: một là nêu cái chung để gồm cái riêng, nên nêu vô sanh. Hai là dùng cái trước bao gồm cái sau, chỉ nêu vô sanh, thật ra về lý là đủ các nhãn. Từ chữ ‘Nếu chỉ’ trở đi, cũng là lời đáp cho điều vấn nạn. Nạn rằng: Chỉ ước về lý của pháp vô sanh, chẳng thông vô diệt nhãn v.v.. thời có lỗi gì? Đáp rằng: Nhãn của bậc đẳng giác ở pháp vô diệt nhãn v.v.. nên chẳng phải là cạn gần. Nếu chỉ vô sanh, tiểu thừa cũng chứng, sao đủ sâu xa, huyền diệu.

#### 4.2. Lợi tha

Chánh kinh: Nay trong cõi này, nhiếp người niệm Phật, quy về tịnh độ.

**Sớ: Cõi này tức là khổ thế giới Sa Bà. Tịnh độ là cõi An Dưỡng lạc quốc.** Nhiếp là nắm giữ, tiếp dẫn. Lúc còn sống thì dùng oai lực gia trì, khiến chẳng lui sụt niệm. Lúc lâm chung, dùng nguyện lực tiếp dẫn cho được vãng sanh. Quy tức là trở về. Cõi này là chỗ quán trọ, cõi kia là quê nhà. Ví như có người, vì có việc phải đi xa, chưa được quay về, nay gặp bạn thân, chỉ cho đường nẻo, mau về quê nhà vậy. Người nhiếp là

đức Thế Chí, người được nhiếp là hành như. Nhiếp thời bao gồm cả năng lẫn sở, nghĩa của chữ quy cũng thế. Người quay về là hành như, chỗ để quay về là tịnh độ. Quy kiêm năng, sở là pháp niệm Phật. Có năm pháp môn, tức là ức tướng ngoại cảnh niệm Phật thì sanh về cõi biến hóa, thấy biến hóa thân Phật. Nhiếp cảnh quy tâm niệm Phật, thì sanh cõi thọ dụng bậc kém, thấy thân thọ dụng bậc kém của Phật. Tâm cảnh dung thông niệm Phật, thời sanh về cõi thọ dụng bậc thắng, thấy thắng thọ dụng thân của Phật. Tâm cảnh cùng không mà niệm Phật, thời sanh pháp tánh độ, thấy pháp tánh thân Phật. Viên thông vô tận niệm Phật, thời sanh về cõi pháp giới vô chướng ngại, thấy pháp giới vô chướng ngại thân Phật.

‘Người’ là căn cơ, đủ văn, tư, tu ba diệu huệ, đủ tín, hạnh, nguyện ba tư lương mới được gọi là người niệm Phật.

Hỏi: Ví có làm ngũ nghịch, thập ác, cũng đủ ba món tư lương huệ, có được sanh về cõi ấy chăng?

Đáp: Tuy có các lỗi, với cõi Phật ấy, có tín hạnh nguyện cũng gọi là pháp khí, như trong tam bối chín phẩm, hạ bối hạ phẩm là loại này.

Hỏi: Niệm Phật mấy thời được thấy Phật sanh Tây phương?

Đáp: Tùy căn cơ chẳng nhất định. Hoặc trì suốt đời, hoặc trong chín mươi ngày, hoặc bốn chín ngày, bảy ngày, hoặc mười ngày, hoặc mười niệm, hoặc một niệm. Chỉ có thể xưng danh, ắt được thấy Phật. Huống nữa có bốn nguyện của Phật Di Đà, Thế Chí nhiếp thọ, há có kẻ niệm Phật mà chẳng sanh tây phương ư!

**Sao: Cõi này khổ, tịnh độ vui, tức là cõi này đủ tám khổ, sanh thì ở trong thai ngục, già như chuông đê, mắc bệnh trầm kha, chết đau xót phân tán, yêu thương muốn hội hợp thì lại bị chia lìa, oán muốn trốn tránh mà cứ gặp gỡ, cầu thời muốn được lại bị mất, cho đến năm ấm lầy lừng.** Còn cõi Cực Lạc: hóa sanh trong hoa sen, thời không có khổ khi sanh. Lạnh nóng chẳng đổi, nên không khổ vì già. Thân lìa phần đoạn, không bệnh khổ, thọ mạng vô lượng nên không khổ vì chết. Không cha, mẹ, vợ con nên không khổ vì yêu thương bị chia lìa. Thương thiện như tự hội nên không có cái khổ oán ghét phải gặp gỡ. Mong gì tự có, nên không khổ vì cầu chẳng được. Quán chiếu không tịch nên không ngũ ấm thanh khổ. Từ Vân sám chủ nói: ‘Chẳng gặp Phật chẳng nghe pháp, bạn ác buộc ràng, lũ ma não loạn, chịu luân hồi, đọa nẻo ác, trần duyên chướng đạo, thọ mạng ngắn ngủi, tu hành lui sụt, nhiều kiếp như bụi trần khó thành, đây tức là mười thứ khổ của cõi Ta Bà. Thường thấy Phật, luôn nghe pháp, thánh hiền tự hội, lìa ma sự, luân hồi dứt, không ác đạo, thắng duyên trợ đạo, thọ mạng vô lượng, nhập

chánh định tự, một đời hạnh mãn. Đây tức là mười thứ vui cõi An Dưỡng vậy’.

Từ chữ ‘Nghĩa của chữ quy’ trở đi, Thanh Lương Trinh Nguyên sớ: ‘Hỏi: Chẳng sanh Hoa Tạng mà sanh Cực Lạc, là sao? Đáp: Có bốn ý, một là do có duyên. Di Đà nguyện trọng, chuyên tiếp độ người Sa Bà. Hai là khiến chúng sanh quy hướng tình thức về một mối. Nếu nói mười phương đều tốt đẹp, kẻ sơ tâm bối rối, không chỗ dựa nương. Ba là do chẳng rời Hoa Tạng. Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi, tức là thuộc tầng mười ba của Hoa Tạng thế giới, chưa ra khỏi ngoài sát chủng. Bốn là chính là bốn sự. Kinh chép: ‘Hoặc có kẻ thấy Phật Vô Lượng Thọ, Quán Tự Tại v.v.. vây quanh, đã khen đức của bốn tôn Giá Na như thế, há chẳng phải là bốn sự dùng tên khác để hóa độ? Về sự thì từ cõi này về cõi kia, thấy Di Đà, ở Cực Lạc. Trong lý thời chỉ là bỏ cái bất giác, trở về bốn giác, thấy tự tánh, trụ duy tâm.’

Hỏi: Đã là vạn pháp duy tâm, sao lại thấy cõi này cõi kia vui hay khổ? Chúng sanh và Phật có đến đi vậy?

Đáp: Cõi có khổ, vui, tức là tâm tướng như hay sạch. Chúng sanh có đến đi là do tâm mê hay ngộ. Như, sạch, mê, ngộ như thế nói chung có lìa pháp giới sao? Nên nói: ngoài tâm không pháp. Kinh Lăng Già cũng dạy: ‘Nếu hết thấy đều là tâm, thế gian không chỗ trụ, cứ sao thấy đại địa, chúng sanh có đến đi? Như chim bay trên không theo phân biệt mà đi, không nương cũng không trụ, như đi trên đất. Chúng sanh cũng như vậy. Tùy theo vọng phân biệt, đi lại trong tự tâm, như chim ở trên không’.

‘Văn, tư, tu’: nghe nói danh hiệu của Phật là văn huệ. Ưc tưởng trong lòng gọi là tư huệ, trì niệm chẳng quên gọi là tu huệ. Phật Địa luận chép: ‘Bồ tát mang dép tam diệu huệ trở về tịnh độ’. Giải rằng: Do văn, tư, tu, được vào tịnh độ, nên người niệm Phật, cần đủ ba huệ. Tín, hạnh, nguyện là nghe nói môn niệm Phật tâm chẳng nghi ngờ, thì gọi là tín. Tín rồi sanh hiểu, tâm khởi ưa muốn, gọi là nguyện. Nguyện xong liền niệm, tâm siêng tinh tấn, gọi là hạnh. Kinh Di Đà dạy: ‘Nếu có kẻ tin, phải nên phát nguyện, chấp trì danh hiệu’. ‘Tuy có các lỗi’ là như Quán Kinh Sao chép rằng: ‘Cõi này tràn ngập phàm phu, thuộc tà định tự. Phát tâm tu hành, chưa được bất thối thì thuộc bất định tự. Đã được bất thối: thuộc chánh định tự. Nếu sanh An Dưỡng, chẳng luận cao, hạ. Vì cứ sao? Kẻ tội ngũ nghịch, lâm chung mười niệm, được vãng sanh cũng được bất thối, thành chánh định tự’ Căn cứ theo đây, tội nhân mười niệm liền được gọi là pháp khí. Lại trái hẳn với người đời, tuy hành các lành mà với cõi Phật kia, chẳng tín hạnh nguyện cũng

chẳng gọi là pháp khí vậy. ‘Ba bối chín phẩm’: nếu phát tâm bồ đề, tin sâu như quả, chẳng báng tam bảo, đại tu công đức, chuyên niệm Di Đà, nguyện sanh cõi kia, chơn Phật đến đón, ngồi sen bảy báu, trụ bất thối chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại, đây gọi là thượng bối, kiêm hạnh lợi tha.

Nếu phát tâm bồ đề, tin sâu như quả, chẳng báng chánh pháp, tu chút công đức, chuyên niệm Phật danh, hồi hướng nguyện sanh, hóa Phật đến đón, ngồi trong hoa sen, sanh về cõi kia, trụ bất thối chuyển, công đức trí huệ, đây gọi là trung bối vậy, chỉ hành tự lợi.

Nếu phát tâm bồ đề, cũng tin như quả, chẳng báng chánh pháp, chẳng tạo ngũ nghịch, tuy không công đức, chuyên niệm Phật danh mười tiếng hoặc một tiếng. Lúc lâm chung, mộng thấy Phật kia cũng được vãng sanh, công đức trí huệ. Đây gọi là hạ bối.

Chẳng khuyết hai lợi hạnh (tự lợi và lợi tha), nếu bảy ngày bảy đêm, lễ niệm danh Phật, tam tâm (chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng tâm) sáu niệm (niệm Phật, pháp, tăng, trời, thí, giới), đọc kinh hiểu nghĩa, tin sâu như quả, trì giới, lợi sanh, phát tâm phát nguyện, hồi hướng cầu sanh, chơn Phật cùng hóa Phật đến đón, ngồi đài kim cang, liền được hoa nở, thấy Phật nghe pháp, ngộ vô sanh nhẫn, chơn Phật thọ ký. Đây gọi là thượng phẩm thượng sanh.

Nếu năm ngày năm đêm, chuyên ý niệm Phật, chẳng báng tam bảo, khéo giải nghĩa thú, tin sâu như quả, trì giới, hoằng pháp, phát đại tâm nguyện, hồi hướng cầu sanh, chơn Phật cùng hóa Phật đến đón, ngồi đài vàng tía, qua một đêm hoa nở, thấy Phật nghe pháp, bảy ngày sau bồ đề bất thối, trong một tiểu kiếp, đắc nhẫn, thọ ký. Đây gọi là thượng phẩm trung sanh.

Nếu bảy ngày hoặc năm đêm, chí tâm niệm Phật, chẳng báng tam bảo, tin sâu như quả, trì giới lợi sanh, phát đại đạo tâm, hồi hướng cầu sanh, chơn Phật cùng hóa Phật đến đón, ngồi tòa sen vàng, một ngày một đêm hoa nở, trong bảy ngày thấy Phật, hăm một ngày sau được nghe pháp, qua ba tiểu kiếp mới trụ Hoan Hỉ địa. Đây gọi là thượng phẩm hạ sanh.

Ba phẩm như thế, thuộc về thượng bối đã nói đều kiêm hạnh lợi tha.

Nếu ba ngày ba đêm, lễ niệm Phật danh, trì các trai giới, phát tâm, phát nguyện, hồi hướng cầu sanh, chơn Phật đến đón, ngồi đài hoa sen, vãng sanh tịnh độ, hoa sen liền nở, nghe pháp tứ đế, được quả La Hán. Đây gọi là trung phẩm thượng sanh.

Nếu một ngày một đêm, xưng niệm Di Đà, tám giới, mười giới, phát tâm phát nguyện, hồi hướng cầu sanh, chơn Phật đến tiếp dẫn, ngòi sen bảy báu, qua bảy ngày hoa nở, được quả Tu Đà Hoàn. Đến sau nửa kiếp thành quả La Hán. Đây gọi là trung phẩm trung sanh vậy.

Nếu một ngày một đêm chuyên ý niệm Phật, hiếu dưỡng, nhơn từ, lâm chung gặp thiện tri thức chỉ bày pháp môn tịnh độ, mạng hết liền ngòi hoa sen sanh cõi kia, bảy ngày sau nghe pháp, được quả tu đà hoàn. Qua một tiểu kiếp, thành quả La Hán. Đây gọi là trung phẩm hạ sanh.

Ba phẩm như thế thuộc về trung bối nói ở trước, chỉ làm hạnh tự lợi.

Nếu chẳng báng chánh pháp, làm các điều ác, lúc lâm chung nghe tên kinh, xưng Di Đà, cho đến nửa ngày hoặc nửa đêm, hóa Phật đến tiếp dẫn, ngòi hoa sen báu, qua bốn chín ngày, hoa nở nghe pháp, phát tâm bồ đề, qua mười tiểu kiếp được nhập Sơ Địa. Đây gọi là hạ phẩm thượng sanh.

Nếu phá giới, trộm cắp, mà chẳng báng tam bảo, lúc lâm chung nghe pháp tịnh độ, xưng niệm Phật danh qua một thời một khắc, hóa Phật đến tiếp dẫn, ngòi trên hoa sen, qua sáu kiếp sau, hoa sen mới nở, nghe pháp phát tâm, đây gọi là hạ phẩm trung sanh vậy.

Nếu tạo ngũ nghịch, thập ác, cũng chẳng báng chánh pháp, lâm chung nghe đến Phật, chí tâm mười niệm nhẫn đến một niệm, lâm chung thấy hoa sen vàng, đủ mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở, nghe pháp thật tướng, phát tâm vô thượng. Đây gọi là hạ phẩm hạ sanh.

Ba phẩm như vậy thuộc về hạ bối trên đã nói, không có hai lợi hạnh.

Hỏi: Kinh Đại Bản nói: 'Chỉ trừ ngũ nghịch', Quán kinh nói: 'Ngũ nghịch được sanh'. Hai nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Kinh Đại Bản nói: 'Chỉ trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp' thời biết là ngũ nghịch mà kiem báng pháp bèn bị loại ra. Như chẳng kiem báng pháp, cũng chưa bị trừ. Bởi vì báng thì chẳng tin, chẳng tin thời chẳng sanh, tức là: nghi thời hoa chẳng nở. Quán Kinh chỉ nói ngũ nghịch, chẳng nói báng pháp, thì biết là tuy đủ ngũ nghịch, chẳng báng pháp ắt được vãng sanh. Nếu như kiem cả báng pháp, cũng chẳng được sanh. Do vì tin thì không báng, chẳng báng thời hoa nở. Tức là: tin thì quyết định được sanh, là ý này vậy. 'Hạ bối hạ phẩm' là nói hạ phẩm trong hạ bối, chẳng phải thượng, trung.

Hỏi: Ba bói trong kinh Đại Bối, thuần nêu thiện hạnh, chẳng gồm kẻ ác, chỉ bằng với sáu phẩm trước trong Quán kinh, có sao nay lại đem hạ bói ghép với hạ phẩm?

Đáp: Có ba ý: một là ước hạnh như, thiện, ác tuy khác, mà vị thứ trong bói và phẩm đều đồng. Nay xét về địa vị, chẳng xét hạnh. Hai là hạ bói cùng với hạ phẩm, hạnh mười niệm giống nhau. Ba là ngũ nghịch thập ác mà chẳng báng cũng tính về người lành trong hạ bói vậy. Kinh Đại Bối dạy: ‘Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng sanh trong cõi ta’. Đọa địa ngục chẳng phải là kẻ ngũ nghịch sao? Nếu hạ bói chẳng nhiếp, đặt trong bói nào?

‘Hết đời trì’ là như kinh Đại Bối dạy: ‘Nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật’, thời biết là một đời trì. ‘Chín mươi ngày’ như trong kinh Bát Châu Tam Muội nói: ‘Trong chín mươi ngày, thường đi, thường đứng, nhất tâm khẩn niệm, ở trong tam muội, được thấy Di Đà’. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: ‘Trong chín mươi ngày, ngồi ngay hướng về phương Tây, chuyên niệm nơi Phật, liền thành tam muội’. Bốn chín ngày là như trong kinh Đại Tập dạy: ‘Nếu chuyên niệm Phật, đến bốn mươi chín ngày, thân này thấy Phật’. Bảy ngày là như trong kinh Di Đà, Quán Kinh đều nói một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sanh. Mười ngày là như kinh Cổ Âm Vương nói: ‘Thọ trì Phật hiệu, mười ngày mười đêm, trừ bỏ tán loạn, ắt được thấy Phật’. Kinh Đại Bối nói: ‘Nhất tâm thường niệm, mười ngày đêm chẳng dứt, mạng chung ắt được sanh cõi ta’. ‘Một ngày’ là như kinh Đại Bối nói: ‘Nhất tâm khẩn niệm nơi ta, tuy chỉ một ngày đêm chẳng dứt, ắt sanh cõi ta’. ‘Mười niệm’ là như Quán kinh nói: ‘Người bị khổ bức, chẳng thể niệm Phật, mười tiếng xưng Phật, liền được vãng sanh’. ‘Một niệm’ là như kinh Đại Bối nói: ‘Tin ưa chẳng ngờ, cho đến một niệm, niệm nơi Phật ấy, cũng được vãng sanh’.

Hỏi: Làm sao một niệm đức Phật ấy, cũng được vãng sanh cõi nước ấy? Một tiếng Di Đà có thể diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử ư?

Đáp: Nhất tâm vừa niệm, cái vọng chất chứa liền mau chóng tan mất, ví như một ngọn đèn, diệt tối ngàn năm trong nhà. Một ngọn lửa có thể thiêu trăm cỗ xe củi. Huống là nương bốn nguyện công đức của Như Lai, há nghĩ bàn nổi sao? Nên kinh Pháp Hoa nói: ‘Một xưng nam mô Phật, đều được thành Phật đạo’. Kinh Phật Danh nói: ‘Một lần nghe danh hiệu Phật diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử’. Kinh Đại Bi nói: ‘Một lần xưng danh Phật, do thiện căn ấy, nhập cõi Niết Bàn, chẳng thể cùng tận’. Đại Trang Nghiêm kinh luận nói: ‘Một ông già trong thời đức Phật tại thế, đến cầu xuất gia, các vị: Xá Lợi Phất v.v.. đều chẳng

ưng thuận, do quán thấy ông này nhiều kiếp chẳng có căn lành, Phật tự độ cho, liền chứng đạo quả. Nhân đấy, bảo đại chúng: ‘Ông này trong vô lượng kiếp trước, làm người dẫn củi, mảnh hổ đuổi quá, sợ hãi trèo lên cây, xưng: nam mô Phật. Do bởi căn lành ấy, gặp ta đắc độ’.

Từ chữ ‘Huống có’ trở đi, trên là nói về tự lực, câu này nói về tha lực. Tự lực lại có hai thứ: một là xưng niệm Phật lực ấy, như thuyền mạnh. Hai là vốn có Phật tánh lực, như thuyền nhỏ. Tha lực tức là sức Phật nguyện nhiếp thủ, như thuận gió. Ba sự cùng đủ, quyết sanh tịnh độ vậy.

Hỏi: Phật tức tự đến tiếp dẫn, sao lại phải nhọc nhiều ít hóa Phật đưa tay tiếp dẫn nữa?

Đáp: Hiển thị công hạnh người ấy có sâu cạn vậy. Như ngài Thiện Đạo, ngàn niệm tỏa ngàn ánh sáng, ngài Thiếu Khang, mười tiếng niệm bay ra mười đức Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, Ly Cấu Tràng bồ tát nói kệ rằng: ‘Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm mà chẳng bỏ, người này được thấy Phật, số ấy như tâm vậy’.

5. Kết đáp viên thông:

**Chánh kinh: Phật hỏi viên thông, con không chọn lựa, đều nhiếp sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, được tam ma địa, ấy là đệ nhất.**

**Sớ: Câu đầu tiên, nhắc lại lời hỏi. Bao hàm các thứ màu nhiệm gọi là Viên.** Khấp nhập các cõi gọi là thông. Lại tổng nhiếp vạn hóa, chẳng trệ một chỗ, gọi là viên. Thống nhiếp hết thảy chúng sanh, chẳng có gián cách, gọi là thông. Năm câu kế, kết lời đáp. Từ chữ ‘Con không’ trở đi, nêu bốn nhơn. Trước là nhơn tu, ‘không chọn lựa’: một là chẳng chọn pháp tu nhãn căn của ngài A Na Luật: không sanh ý chọn, hai là ngoài chẳng chọn tướng sáu căn (tướng hai căn trong sạch, thù thắng), trong chẳng chọn tánh sáu căn (tánh thấy, nghe, hay biết). ‘Căn đều nhiếp’ là để đối ứng ý trên, cũng có hai nghĩa: Một là mắt chẳng lấy sắc, cho đến ý chẳng duyên pháp. Hai là chỉ y vào một tâm tinh minh, chẳng hành công dụng của sáu căn. Các niệm khác chẳng sanh gọi là tịnh, vì niệm mà vô niệm. Nhất tâm buộc ý nơi Phật gọi là niệm, vì vô niệm mà niệm vậy. ‘Tiếp nối’: là nói về sự thì ức niệm chẳng ngơi, về lý thì chiếu trọn vẹn không hở. ‘Được tam ma địa’ là hậu chứng quả. Tiếng Phạn ‘Tam ma địa’ ở đây dịch là Đẳng Chí. Đẳng tức là ngang nhau, không hôn trầm hay lao chao, Chí là đạt đến, đến chỗ thắng định vậy. Cũng dịch là Đẳng Trì, tức là bình đẳng trì tâm, hướng đến một cảnh. Tuy thông nhơn quả, điều này cũng gồm một nghĩa trong công dụng thuần thực, nên gọi là ‘được’. Về sự thì là thành niệm Phật tam



muội, về lý là hiển thị bốn tánh như lai. Câu ‘ấy là’ là lời khen sự thù thắng.

Hỏi: Kinh Đại Bản Di Đà nói: ‘Cực Lạc thanh tịnh, chỉ kém Nê Hoàn’. Nay trong kinh này chọn lựa viên thông, ngài Thế Chí chọn niệm Phật, sau đó ngài Quán Âm lại chọn pháp phản văn, thì làm sao gọi là đệ nhất được?

Đáp: Xét trong kinh Lăng Nghiêm, có ba ý: Một là vì Văn Thù nói niệm tánh sanh diệt, hơn quả cảm khác nên là đệ nhị. Thế Chí nói nhất tâm tịnh niệm hiện tiền tự Phật nên là đệ nhất. Hai là A Nan do chuyên nghe, nên phản văn là xứng với căn cơ người nghe. Niệm Phật chẳng phải là đương căn. Phật do thánh tánh đều thông, quy nguyên không hai, nên khen Quán Âm, Thế Chí đều không hơn kém. Ba là giáo thể phương này, trọng tại nghe tiếng, nên dùng nhĩ căn viên thông, thế nên nếu xét căn cơ phương này, Thế Chí ở bậc thứ. Mười phương pháp môn, niệm Phật là bậc nhất. Thế nên niệm Phật viên thông, là đối với căn cơ mười phương, bằng với Quán Âm. Ước trong niệm Phật pháp môn, nếu sự niệm Phật bên ngoài, để giúp hiển lộ Phật của bốn giác tánh, thời kém Nê Hoàn, khác với Quán Âm. Nếu do lý niệm tự Phật, hiển thẳng Niết Bàn tâm Phật, thời bằng với Nê Hoàn, như Quán Âm vậy. Như nói ‘chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai’ chính là ý này. Pháp môn niệm Phật như thế chẳng xưng là đệ nhất, thì gọi là gì? Người tu tâm sao lại lẫn quẩn?

**Sao: ‘Nhắc lời hỏi’: Kinh Lăng Nghiêm quyển năm chép: ‘Ta nay hỏi ông, tối sơ phát tâm, ngộ mười tám cõi, gì là viên thông? Từ phương tiện nào nhập tam ma địa?’**, nên ở đây nhắc lại. Từ chữ ‘Bao hàm’ trở đi, ước về bao khắp, giải thích chữ Viên Thông. Từ chữ ‘Lại’ trở đi, ước về nhiếp chúng sanh để giải thích chữ Viên Thông. Lại nhiều môn nhập một, một môn dung nhiều, gọi là Viên. Như châu treo trên không, chiếu ra năm màu. Một nhập nhiều môn, nhiều môn chứa một, gọi là Thông, như suối chảy lâu ngày, xoi thủng mười phương.

Từ chữ ‘các căn đều nhiếp’ trở đi, Phật là năng nhiếp, căn là sở nhiếp. Nhiếp thời thông hai nghĩa. Trong hai nghĩa, trước là thông sự niệm, sau là thông lý niệm. Hai nghĩa không chọn nói ở trên, cũng căn cứ theo đây mà biết. Từ chữ ‘Đẳng Chí’ trở đi, Viên Giác số phiên là Đẳng Chí. Đẳng tức là bình đẳng trụ trì, cùng lìa hai thứ hôn trầm và lao chao. Chí là có thể đạt đến thắng định cùng đến địa vị thù thắng. Từ chữ ‘Đẳng Trì’ trở đi, là theo Hội Huyền Ký giải thích rằng: Sự tức thành đẳng chí, lý thời thành đẳng trì, nên mở ra hai nghĩa vậy.

Từ chữ ‘Hỏi’ trở xuống, là đáp lời gạn. Sư Huệ Giác nói: ‘Nếu nói tịnh độ bên là phương tiện quyền biến của thánh nhơn, để tiếp kẻ độn căn nhằm hóa độ kẻ phàm khí vậy. Ví vượt lên vào thẳng Như Lai địa, cần chi nhờ sức ngoài?’ Đáp rằng: Các vị bồ tát: Mã Minh, Long Thọ, Thiên Thân v.v.. đều phát nguyện vãng sanh, hết thầy có phải là độn căn chăng? Phật Thích Ca trong kinh Đại Bảo Tích, khuyên phụ vương Tịnh Phạn, cùng sáu vạn người họ Thích đều cầu tịnh độ, há có phải hết thầy bọn họ đều là phàm khí chăng? Một phen khởi tâm niệm Phật, liền thấy tánh thành Phật, há chẳng phải một phen siêu việt trực nhập chăng? Thanh Thảo Đường thân sau làm Tăng Lỗ Công, Giới Thiên Sư thân sau làm Tô Đông Pha, Chơn Như Triết Công, hậu thân nhiều sâu khổ, Thái Bình cổ lão thân sau đấm phú quý, Hải Ấn Tín thiền sư sanh làm con gái nhà Châu Phòng Ngự, há còn có thể một gậy tự lực chăng? Nếu coi pháp môn này là quyền, thì cái gì mới là thật? Khinh niệm Phật chẳng thể không cẩn thận vậy thay!

Từ chữ ‘Như thế’ trở xuống, là kết hiển vậy. Nếu nói do một môn niệm Phật nhiếp sanh pháp thế gian, xuất thế gian thì: Vì do ngũ dục phát tâm niệm Phật thì là địa ngục giới. Vì danh lợi, phát tâm niệm Phật là ngạ quỷ giới. Vì quyến thuộc phát tâm niệm Phật là súc sanh giới. Vì hơn người khác phát tâm niệm Phật là tu la giới. Vì sợ ác đạo phát tâm niệm Phật là nhơn pháp giới. Vì cầu sự vui cõi trời, phát tâm niệm Phật là thiên pháp giới. Thích vui niết bàn phát tâm niệm Phật là thanh văn giới. Vì hâm mộ vô sanh phát tâm niệm Phật là duyên giác giới. Vì muốn độ người, phát tâm niệm Phật là bồ tát giới. Vì muốn cầu thành Phật phát tâm niệm Phật là phật pháp giới. Chắc lòng niệm Phật là địa đại. Hỉ tâm niệm Phật là thủy đại. Tâm thành thực niệm Phật là hỏa đại. Tâm siêng niệm Phật là phong đại, hư tâm niệm Phật là không đại. Linh tâm niệm Phật là căn đại. Tưởng tâm niệm Phật là thức đại. Niệm Phật xoay cái nhìn là căn mắt, niệm Phật xoay cái nghe vào trong là căn tai. Niệm Phật chuyển cái ngửi là căn mũi. Niệm Phật hoàn cái nếm, là căn lưỡi. Niệm Phật nhiếp giác là thân căn. Niệm Phật ngược cái biết là ý căn. Niệm Phật quán tượng là sắc trần. Niệm Phật nghe tiếng là thanh trần. Niệm Phật nhiễm hương là hương trần. Niệm Phật có vị là vị trần. Niệm Phật quang nghiêm là xúc trần. Niệm Phật quán tưởng là pháp trần. Nhãn căn chẳng khác với sắc là nhãn thức niệm Phật. Tai chẳng khác tiếng là Nhĩ thức niệm Phật. Mũi chẳng khác hương là Tị thức niệm Phật. Lưỡi chẳng khác vị là Thiệt thức niệm Phật. Thân chẳng khác xúc là Thân thức niệm Phật. Ý chẳng khác pháp là Ý thức niệm Phật. Sợ sanh tử khổ là khổ đế niệm Phật. Dứt các hoặc

nghiệp là tập đế niệm Phật. Tu giới định huệ là đạo đế niệm Phật. Chứng lý tịch diệt là diệt đế niệm Phật. Phiền não chẳng sanh là vô minh duyên niệm Phật. Chẳng làm các nghiệp: hạnh duyên niệm Phật. Chẳng gá thai mẹ: thức duyên niệm Phật. Sắc, tâm đoạn diệt: danh sắc duyên niệm Phật. Các căn đều hết như tro: lục nhập duyên niệm Phật. Lìa căn, trần, thức: xúc duyên niệm Phật. Chẳng lãnh cảnh trước: thọ duyên niệm Phật. Chẳng tham tài sắc: ái duyên niệm Phật. Chẳng cầu trần dục: thủ duyên niệm Phật. Nghiệp chẳng có thành: hữu duyên niệm Phật. Chẳng thọ hậu ấm: sanh duyên niệm Phật. Không có chín hoại: lão tử duyên niệm Phật. Nhất tâm niệm Phật, vạn duyên tự bỏ là thí độ. Nhất tâm niệm Phật, các ác tự dứt là giới độ. Nhất tâm niệm Phật, tâm tự nhu thuận là nhẫn độ. Nhất tâm niệm Phật vĩnh viễn chẳng thối chuyển là tấn độ. Nhất tâm niệm Phật, các tướng khác chẳng sanh là thiền độ. Nhất tâm niệm Phật, chánh trí phân minh, là trí độ. Nhất tâm niệm Phật, thành chánh biến tri là bồ đề. Nhất tâm niệm Phật thường lạc ngã tịnh là niết bàn. Tịch tĩnh niệm Phật là không như lai tạng. Tưởng đến hình tượng để niệm Phật là bất không như lai tạng. Viên thông niệm Phật là không bất không như lai tạng. Mặt trời mọc niệm Phật, trước là chiếu thời. Khi ăn niệm Phật là chuyển chiếu ban đầu. Giữa trưa niệm Phật là chuyển chiếu vào chính giữa. Buổi chiều niệm Phật là chuyển chiếu vào sau. Mặt trời lặn niệm Phật là hoàn chiếu thời. Niệm Phật ngoài tâm là tiểu giáo. Niệm Phật trong tâm là thi giáo, niệm ngay tâm Phật là chung giáo. Niệm phi tâm Phật là đốn giáo. Niệm phổ dung Phật là viên giáo. Có Phật có tâm, tịnh niệm tương tục là sự pháp giới. Không Phật không tâm, chẳng nhọc phương tiện, là lý pháp giới. Niệm Phật niệm tâm, nhập vô sanh nhẫn, là sự lý vô ngại pháp giới. Dù Phật hay tâm khắp hàm chứa vô tận, là sự sự vô ngại pháp giới. Một môn niệm Phật gồm vô tận nghĩa là tổng tướng. Bốn hay năm nghĩa môn, chẳng phải một cách niệm Phật, là biệt tướng vậy. Mười sáu pháp quán cùng thành niệm Phật là đồng tướng. Y báo thanh tịnh, chẳng phải chánh trang nghiêm là dị tướng. Một môn niệm Phật bao gọn các nghĩa thành là thành tướng. Bốn thứ hay năm thứ đều trụ địa vị của mình là hoại tướng. Y, chánh công đức, niệm Phật liền trọn, đồng thời đầy đủ là tương ưng môn. Khắp trọn các pháp, chẳng rời niệm Phật, rộng hẹp tự tại là vô ngại môn. Một căn niệm Phật, sáu căn đều nhiếp là môn một, nhiều dung chứa nhau chẳng đồng. Niệm Phật tam muội tức là hết thủy pháp, các pháp tương tức là tự tại môn. Lúc chánh niệm Phật, các môn khác chẳng hiện là môn bí mật ẩn hiển đều thành. Môn niệm Phật này đều nhiếp hết thủy

là vi tế tương dung an lập môn. Năm thứ niệm Phật nhiếp lẫn nhau trùng trùng, là môn cảnh giới lưới của Nhân Đà La (Indra: Đế Thích). Thấy môn niệm Phật tức thấy vô tận, là môn mượn sự hiển pháp sanh hiểu. Trước sau niệm Phật, chẳng khác với đương niệm, là môn thập thể cách pháp dị thành môn. Một pháp niệm Phật mang vô tận pháp là môn chủ bạn viên minh đủ công đức. Niệm Phật của tự tâm là bốn giác. Niệm Phật tín tâm là danh tự trong thí giác. Niệm Phật giải tâm là tương tự trong thí giác, niệm Phật chứng tâm là phần chứng trong thí giác, niệm Phật thành Phật là cứu cánh giác. Lúc đang niệm Phật tịch mịch vô vi là pháp thân Phật, lúc đương niệm Phật không đức gì chẳng đủ là báo thân Phật. Lúc đương niệm Phật, phàm thánh cùng vui, là hóa thân Phật. Nên biết một pháp niệm Phật, nhiếp tận hết thủy pháp vậy.

### C. Quy mạng hồi hướng

Kính lễ Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí các thánh hiền, ngưỡng nguyện tam bảo gia bị sức, khiến kinh sợ này khắp các cõi như số bụi trần, kẻ thấy, nghe tùy hỉ cùng là trì nói, rớt ráo được sanh cõi An Lạc. Đem công đức này hướng về pháp giới đồng thành vô thượng bồ đề quả.

### **Lãng Nghiêm kinh Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Số Sao quyển hạ xong**

(Phật lịch 2544, ngày 15 tháng mười năm 2000, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch xong)

(1) Đế võng: lưới của Thiên Đế Thích, mỗi mắt lưới là một hạt châu, các hạt châu soi chiếu lẫn nhau trùng trùng điệp điệp.

(2) Đây là cách lập luận theo Nhân minh luận. Một mệnh đề gồm ba phần: pháp, tông và dụ

(3) Năng sở: là chủ thể và khách thể. Như người nhìn thấy vật thì người là năng kiến (chủ thể hành động thấy), còn vật là cái bị thấy thì gọi là sở kiến.

### **Lược luận An Lạc Tịnh Độ nghĩa**

Pháp sư Thích Đàm Loan soạn

Hỏi: Trong ba cõi, nước An Lạc thuộc về cõi nào?

Đáp: Như Thích Ma Ha Diễn luận nói thì tịnh độ ấy chẳng thuộc trong tam giới. Vì có sao? Do không dục nên không thuộc Dục giới, do ở trên đất nên không thuộc Sắc giới, do có hình sắc nên không thuộc Vô Sắc giới. Kinh chép: 'A Di Đà Phật lúc vốn hành đạo bồ tát, làm từ kheo tên là Pháp Tạng. Nơi Thế Tự Tại Vương Phật, thỉnh hỏi hạnh tịnh

độ của chư Phật, khi ấy, đức Phật vì ông nói hai trăm năm mươi ức các cõi nước Phật, trời người thiện ác, quốc độ tịnh, thô, đều hiện cho thấy. Ngay khi đó, Pháp Tạng bồ tát liền ở trước Phật, phát hồng thệ đại nguyện, lấy các Phật độ trong vô lượng a tăng kỳ kiếp, với điều phát nguyện, hành các ba la mật, vạn thiện viên mãn, thành vô thượng đạo'. Do nghiệp riêng tạo thành chẳng thuộc tam giới vậy.

Hỏi: Nước An Lạc có mấy thứ trang nghiêm mà gọi là tịnh độ?

Đáp: Nếu căn cứ theo kinh nghĩa, bốn mươi tám nguyện của Pháp Tạng bồ tát chính là sự ấy. Theo sự khen ngợi thời biết, chẳng lập lại. Nếu căn cứ theo Vô Lượng Thọ luận, thời có hai thứ thanh tịnh, nhiếp hai mươi chín thứ trang nghiêm thành tựu. Hai thứ thanh tịnh là:

Một, khí thể gian thanh tịnh.

Hai, chúng sanh thế gian thanh tịnh.

a. Khí thể gian thanh tịnh: có mười bảy thứ trang nghiêm thành tựu. Một là tướng cõi nước, vượt hơn hẳn ba cõi. Hai là cõi nước rộng lớn, lượng như hư không, chẳng có ngăn mé. Ba là phát sanh từ căn lành của bồ tát chánh đạo đại từ bi xuất thế. Bốn là quang minh thanh tịnh, viên mãn trang nghiêm. Năm là đầy đủ tánh trân bảo bậc nhất, sanh ra bảo vật kỳ diệu. Sáu là quang minh khiết tịnh thường chiếu thế gian. Bảy là bảo vật trong cõi nước mềm mịn, chạm vào vui thích, sanh niềm vui thù thắng. Tám là ngàn vạn hoa báu, trang nghiêm ao chuôm, điện báu, lầu gác báu, các thứ cây báu, quang minh nhiều màu, chiếu khắp thế giới. Vô lượng lưới báu phủ hư không, bốn mặt treo linh, thường vang pháp âm. Chín là ở trong hư không, tự nhiên thường mưa hoa trời, áo trời, hương trời, trang nghiêm khắp xông. Mười là Phật huệ quang minh chiếu trừ si tối. Mười một là tiếng Phạm âm khai ngộ, xa nghe thấu đến mười phương. Mười hai là A Di Đà Phật vô thượng pháp vương, sức thiện trụ trì. Mười ba là từ hoa thanh tịnh của Như Lai hóa sanh. Mười bốn là yêu thích pháp vị của Phật, thiên tam muội làm cơm. Mười lăm là trọn lìa các khổ nơi thân tâm, hưởng vui không gián đoạn. Mười sáu là thậm chí chẳng nghe tên nhị thừa, nữ nhân, khuyết căn. Mười bảy là chúng sanh có điều ưa thích, được tùy tâm xứng ý, không chi chẳng trọn đủ. Mười bảy thứ như thế gọi là khí thể gian thanh tịnh.

b. Chúng sanh thế gian thanh tịnh có 12 thứ trang nghiêm thành tựu. Một là vô lượng đại trân bảo vương, đài hoa vi diệu dùng làm Phật tòa. Hai là vô lượng tướng hảo, vô lượng quang minh trang nghiêm thân Phật. Ba là Phật vô lượng biện tài, ứng theo căn cơ thuyết pháp, đủ đầy trong sạch, khiến người ưa nghe, nghe ắt ngộ giải, nói chẳng

luống không. Bốn là chơn như trí huệ của Phật ví như hư không, chiếu liễu tổng tướng, biệt tướng của các pháp, tâm chẳng phân biệt. Năm là trời người chẳng động, chúng đông trang nghiêm. Sáu là thành tựu quả vô thượng còn thể chẳng thể tính nổi hướng là lại có các lỗi khác. Ví như núi Tu Di, soi bóng bốn đại hải, tướng của pháp vương đầy đủ. Bảy là làm thiên nhân trượng phu điều ngự sư, đại chúng cung kính vây quanh, như sư tử vương, các sư tử vây quanh. Tám là bốn nguyện lực của Phật trang nghiêm trụ trì các công đức, người gặp được chẳng luống uổng, khiến mau được trọn vẹn hết thủy biển công đức. Bồ tát chưa chứng tịnh tâm, rốt ráo được chứng bình đẳng pháp thân cùng tịnh tâm bồ tát và thượng địa bồ tát rốt ráo cùng được tịch diệt bình đẳng. Chín là các bồ tát chúng trong nước An Lạc, thân chẳng động lay mà đi khắp mười phương, các thứ ứng hóa, như thật tu hành, thường làm Phật sự. Mười là thân ứng hóa của các bồ tát như vậy trong hết thủy thời chẳng trước chẳng sau, một tâm một niệm, phóng quang minh lớn, thủy có thể khắp đến mười phương thế giới, giáo hóa chúng sanh, các thứ phương tiện tu hành được thành, diệt trừ khổ não của hết thủy chúng sanh. Mười một là các bồ tát ấy trong hết thủy thế giới, chiếu các Phật đại hội không sót, cúng dường rộng lớn, cung kính, khen ngợi công đức của chư Phật Như Lai không sót. Mười hai là các bồ tát trong hết thủy thế giới mười phương chỗ không có tam bảo, trụ trì trang nghiêm biển lớn công đức của Phật, Pháp Tăng bảo, khắp chỉ bày khiến giải như thật tu hành. Tám thứ trang nghiêm công đức thành tựu của pháp vương như thế ấy, bốn thứ trang nghiêm công đức thành tựu của các bồ tát như vậy gọi là chúng sanh thế gian thanh tịnh. Cõi nước An Lạc đủ hăm chín thứ trang nghiêm công đức thành tựu như thế đó nên gọi là Tịnh Độ.

Hỏi: Sanh cõi nước An Lạc, phàm có mấy phẩm, bối, có bao nhiêu nhơn duyên?

Đáp: Trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ có ba bối: thượng, trung, hạ. Trong Vô Lượng Thọ Quán Kinh, một phẩm lại chia thành thượng trung hạ, ba lần ba thành chín, hợp thành chín phẩm. Nay căn cứ theo kinh Vô Lượng Thọ để khen ngợi. Cứ theo ba bậc nói trong kinh ấy mà luận.

Kẻ sanh bậc thượng có năm nhơn duyên. Một là bỏ nhà lìa dục mà làm sa môn, hai là phát tâm vô thượng bồ đề, ba là nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, bốn là tu các công đức. Năm là nguyện sanh cõi An Lạc. Đủ các nhơn duyên ấy, lúc lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật cùng các đại chúng hiện trước người ấy, thời liền theo Phật sanh về An

Lạc. Ở trong hoa bửu báu tự nhiên hóa sanh, trụ bất thối chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.

Trung bối vãng sanh có bảy nhơn duyên. Một là phát tâm vô thượng bồ đề. Hai là nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật. Ba là ít nhiều tu thiện, phụng trì trai giới, bốn là dựng lập tháp tượng, năm là cúng cơm sa môn, sáu là treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, bảy là đem công đức ấy hồi hướng nguyện sanh An Lạc. Lúc lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật hóa hiện thân ngài, quang minh tướng tốt như là chơn Phật, cùng các đại chúng hiện trước người ấy, thời theo chân Phật vãng sanh An Lạc, trụ bất thối chuyển, công đức trí huệ kém hơn bậc thượng.

Kẻ sanh trong hạ bối có ba nhơn duyên. Một là giả sử chẳng thể làm các công đức, nên phát tâm vô thượng bồ đề. Hai là nhất hướng chuyên niệm nhân đến mười niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật. Ba là dùng tâm chí thành nguyện sanh An Lạc, lúc lâm chung mộng thấy Vô Lượng Thọ Phật, cũng được vãng sanh. Công đức, trí huệ kém hơn bậc trung.

Lại có một thứ vãng sanh An Lạc, chẳng thuộc vào tam bối, là do tâm nghi hoặc, tu các công đức nguyện sanh An Lạc, chẳng rõ Phật trí, trí chẳng nghĩ bàn, trí chẳng thể nói, trí rộng đại thừa, trí khôn tày khôn sánh, tối thượng thắng. Với các trí này nghi hoặc chẳng tin, nhưng còn tin tội phước, tu tập gốc lành, sanh An Lạc. Sanh nước An Lạc trong cung điện bửu báu, hoặc trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần, đều ở trong ấy hưởng các khoái lạc như trời Đao Lợi, cũng đều tự nhiên. Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy bồ tát, thanh văn, thánh chúng. Ở cõi nước An Lạc gọi là biên địa, cũng gọi là thai sanh. Biên địa là vì trong năm trăm năm, chẳng thấy nghe tam bảo, nghĩa cũng như mắc nạn sanh trong biên địa (chốn hẻo lánh), hoặc cũng như sanh ở tuốt biên cương cõi An Lạc. Thai sanh là ví như người sanh bằng thai, lúc sơ sanh, nhơn, pháp chưa thành. Biên địa gọi là nạn, thai sanh gọi là tầm tối. Hai cái tên này chỉ là mượn tình huống ấy để nói thôi, chẳng phải là nạn sanh biên địa trong tám nạn, cũng chẳng phải là sanh trong bào thai như thai sanh [cõi này]. Cớ sao biết vậy? Cõi An Lạc thuần là hóa sanh, nên biết chẳng

phải thật là thai sanh. Năm trăm năm sau lại được thấy nghe tam bảo, nên biết chẳng phải là nạn biên địa trong tám nạn.

Hỏi: Kẻ thai sanh ấy ở trong cung điện bảy báu hưởng các khoái lạc ư? Làm sao ức niệm?

Đáp: Kinh thí dụ như thế này: Ví như con vua chuyển luân mắc tội với vua, nhốt trong hậu cung, dùng xích vàng chẳng lại, hết thầy vật cung cấp chẳng thiếu tựa như vua. Vương tử lúc ấy tuy có các thứ đồ vui thích tốt đẹp nhất, tâm chẳng hưởng vui, chỉ mong bày các phương tiện, cầu thoát mong ra khỏi. Kẻ thai sanh cũng giống như thế. Tuy ở trong cung điện bảy báu có sắc hương vị xúc tốt đẹp, chẳng lấy làm vui, chỉ chẳng thấy tam bảo, chẳng được cúng dường tu các cội lành, lấy đó làm khổ. Biết tội của mình, tự trách hối sâu xa, cầu lìa chốn ấy, liền được như ý, lại đồng với ba bối vãng sanh, sẽ ở trong năm trăm kiếp sau, mới biết tội hối vậy.

Hỏi: Dùng tâm nghi hoặc vãng sanh An Lạc gọi là thai sanh, có sao khởi nghi?

Đáp: Trong kinh chỉ nói nghi hoặc chẳng tin, chẳng nêu vì sao có ý nghi. Suy ra do năm loại bất liễu, dám đem lời đối trị vậy. Bất liễu Phật trí, tức là chẳng thể tin rõ nhất thiết chủng trí của Phật, nên khởi nghi. Một câu này bàn chung cái nghi. Bốn câu sau mỗi mỗi đối trị cái nghi. Nghi có bốn ý:

Một là nghi chỉ nghĩ nhớ A Di Đà Phật, chẳng thể được vãng sanh An Lạc. Vì có sao? Kinh nói: 'Nghệp đạo như cái cân, cái nào nặng hơn kéo trước. Có sao trong một đời hoặc trong trăm năm, hoặc mười năm, hoặc một tháng, không ác gì chẳng làm, chỉ dùng mười niệm liên tục, liền được vãng sanh, liền vào chánh định tụ, rốt ráo chẳng lui sụt, cùng với các khổ tam đồ mãi mãi cách biệt được? Nếu thế, cái nghĩa tội nặng lời trước làm sao tin nổi? Lại bao kiếp đến nay, đều tạo các hạnh, pháp hữu lậu, buộc chặt vào ba cõi, làm sao chẳng đoạn kết hoặc của tam giới, chỉ dùng niệm Phật A Di Đà trong chút thời gian, lại vượt khỏi tam giới nổi? Cái nghĩa nghiệp buộc ràng lại như thế nào? Đối trị cái nghi này, nên nói trí chẳng thể nghĩ bàn. Trí chẳng thể nghĩ bàn là Phật trí lực, có thể dùng chút ít làm nhiều, dùng nhiều làm ít, dùng gần làm xa, dùng xa làm gần, dùng nhẹ làm nặng, dùng nặng làm nhẹ, dùng dài làm ngắn, dùng ngắn làm dài. Phật trí như thế ấy vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ví như trăm thợ trong trăm năm nhật củi chất cao thành đống ngàn nhận (1), đem lửa nhỏ bằng hạt đậu đốt, trong nửa ngày hết sạch, há chẳng nói được là củi tích trong trăm năm, nửa ngày chẳng hết sao? Lại như kẻ teo chân ngồi nhờ thuyền người khác, nhờ



gió căng buồm một ngày đi ngàn dặm, há chẳng được nói là kẻ teo chân một ngày đi ngàn dặm chẳng? Lại như người nghèo hạ tiện, được một vật báu, đem dâng lên chủ, chủ mừng được của, ban các thứ trọng thưởng, trong khoảng phút giây, phú quý tràn trề, mà có làm quan vài mươi năm, siêng khổ đủ cả, thượng hạ còn chẳng bằng nổi người ấy, há nói là không có sự phú quý như của người ấy hay sao? Lại như kẻ yếu đuối, dùng sức của chính mình, cưỡi lừa chẳng nổi. Ví theo vua Chuyển Luân đi, liền ngự trên không, bay qua bay lại tự nhiên, há có thể với kẻ yếu cưỡi lừa nói là chẳng thể bay lên không chẳng? Lại như dây chằng quanh mười khu vườn, ngàn người chẳng bứt được, đưa trẻ vung kiếm, nháy mắt đứt làm hai, há chẳng được nói sức của một đứa bé con chẳng cắt được dây sao? Lại như chim Trâm (2) vào nước, cá sò chết phình, sừng tê khuấy bùn, những con chết lại sống dậy, há chẳng được nói là tánh mạng một phen đã đứt lại sống lại chẳng? Lại như hoàng học kêu Tử An, Tử An bèn sống, há chẳng được nói là chôn dưới đất ngàn năm chẳng thể hồi sinh nổi sao? Hết thủy vạn pháp đều có tự lực, tha lực, tự nhiếp, nhiếp tha, ngàn mở vạn đóng, vô lượng vô biên, há đem cái thức còn có chướng ngại để ngờ pháp vô ngại ấy chẳng? Lại trong năm thứ chẳng thể nghĩ bàn, Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất, mà coi cái ác trong trăm năm làm nặng, nghi mười tiếng niệm Phật là nhẹ, chẳng được vãng sanh An Lạc, vào chánh định tự, sự ấy chẳng đáng vậy.

Hai là nghi Phật trí chẳng là huyền diệu tuyệt cùng trong loài người. Vì có sao? Phàm hết thủy danh tự, từ tướng mà sanh, giác trí từ bất giác sanh, sức mê như thế từ sự nhớ mới sanh. Nếu khiến cho mê đứt chẳng còn mê, mê hết chẳng hiểu. Mê nếu có thể hiểu thì mê là hiểu. Cũng có thể nói hiểu là mê, mê hiểu, hiểu mê, ví như giở úp bàn tay, thời có thể với cái sai khác giữa sáng và tối, cũng bỏ qua được. Do khởi điều nghi này, với trí huệ của Phật sanh nghi chẳng tin. Đối trị cái nghi này, nên nói trí bất khả xưng. Bất khả xưng trí là nói Phật trí vượt khỏi sự bàn nói, không có hình tướng đối đãi, làm sao để nói. Pháp nếu là có, ắt phải phải có trí biết có. Pháp nếu là không, cũng ắt phải có trí biết là không. Các pháp rời có, không, nên Phật ẩn các pháp là trí dứt sự tương đãi. Ông dẫn giải cái mê làm thí dụ, còn là một điều mê vậy, chẳng thành hết mê. Cũng như trong mộng, cùng người giải mộng, tuy nói giải mộng mà chẳng phải là không mộng. Dùng cái biết để thấy Phật thời chẳng gọi là biết Phật. Dùng cái không biết để hiểu Phật chẳng phải là biết Phật. Dùng phi tri phi bất tri để hiểu Phật, cũng chẳng phải biết Phật. Dùng phi phi tri, phi phi bất tri hiểu Phật cũng chẳng phải

biết Phật. Phật trí là bốn câu đó. Duyên theo thời tâm hạnh diệt. Dứt đi thời ngôn ngữ bật. Do bởi nghĩa này, luận Thích Ma Ha Diễn nói: 'Nếu người thấy bát nhã, tức là bị ràng buộc. Nếu chẳng thấy bát nhã, thì cũng bị ràng buộc. Nếu người thấy bát nhã, thì tức là giải thoát. nếu chẳng thấy bát nhã thì cũng là giải thoát'. Trong bốn câu kệ trên, nói chẳng là bốn câu (tứ cú) (2) là ràng buộc, là bốn câu thời là giải thoát. Ông nghi Phật trí chẳng là tuyệt cùng huyền diệu trong người, sự ấy chẳng giống vậy sao!

Ba là nghi Phật thật chẳng thể độ hết thủy chúng sanh. Vì có sao? Đời quá khứ có vô lượng a tăng kỳ hằng sa chư Phật, hiện tại mười phương thế giới cũng có vô lượng vô biên a tăng kỳ hằng sa chư Phật. Nếu như Phật thật có thể độ hết thủy chúng sanh, thời từ lâu đã không có tam giới. Vị Phật thứ hai lại chẳng nên vì chúng sanh phát bồ đề tâm, tu đủ tịnh hạnh nhiếp thọ chúng sanh, mà thật có Phật thứ hai nhiếp thọ chúng sanh, cho đến thật có tam thế thập phương chư Phật nhiếp thọ chúng sanh, nên biết thật ra Phật chẳng thể nhiếp độ hết thủy chúng sanh. Do khởi nghi ấy, với A Di Đà Phật có ý suy lường. Đối trị cái nghi này nên nói đại thừa quảng trí. Đại thừa quảng trí là nói Phật không pháp nào chẳng biết, không phiền não nào chẳng đoạn, không sự lành nào chẳng đủ, không chúng sanh nào chẳng độ. Sở dĩ có tam thế thập phương là vì có năm nghĩa: Một là nếu không có vị Phật thứ hai, cho đến không có a tăng kỳ hằng sa chư Phật, thời Phật lại chẳng thể độ hết thủy chúng sanh. Do thật có thể độ hết thủy chúng sanh nên có mười phương vô lượng chư Phật. Vô lượng chư Phật tức là chúng sanh do Phật trước đã độ. Hai là nếu một Phật độ hết thủy chúng sanh hết sạch rồi, cũng chẳng nên có Phật sau. Vì có sao? Không có nghĩa giác tha vậy. Lại nương theo nghĩa nào để nói có tam thế Phật đây? Theo nghĩa giác tha, nên nói Phật đều độ hết thủy chúng sanh. Ba là Phật sau có thể độ, vẫn là công năng của vị Phật trước. Vì sao? Do Phật trước mới có Phật sau. Ví như có đế vương ban đầu thì mới truyền thừa ngôi vị, vua sau chính là công năng của vua trước. Bốn là Phật lực tuy có thể độ hết thủy chúng sanh, mà cần phải có như duyên. Nếu chúng sanh với Phật trước không như duyên, lại cần phải có Phật sau. Chúng sanh vô duyên như thế, dầu trải qua trăm ngàn vạn Phật chẳng thấy chẳng nghe, chẳng phải là Phật lực kém cõi vậy. Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu bốn thiên hạ, phá các tối tăm, mà kẻ mù chẳng thấy, chẳng phải là mặt trời chẳng sáng. Sấm sét ù tai mà kẻ điếc chẳng nghe, chẳng phải là tiếng không rền vậy. Hiểu các duyên lý, thì hiệu là Phật. Nếu cố tình cưỡng lại duyên lý, chẳng phải là chánh giác.

Thế nên, chúng sanh vô lượng, Phật cũng vô lượng. Với Phật chẳng hỏi là hữu duyên, hay vô duyên mà hỏi sao chẳng độ hết thảy chúng sanh chẳng phải là lời hợp lý vậy. Năm là chúng sanh nếu hết, thế gian liền rơi vào hữu biên, do bởi nghĩa này, có vô lượng Phật độ hết thảy chúng sanh.

Hỏi: Nếu chúng sanh chẳng thể hết, thế gian lại bị đọa hữu biên. Thì do vô biên nên Phật thật ra chẳng thể độ hết thảy chúng sanh?

Đáp: Thế gian chẳng phải là hữu biên, chẳng phải vô biên, cũng tuyệt tứ cú, Phật làm cho chúng sanh rời khỏi tứ cú ấy, nên gọi là độ. Thật ra chẳng độ chẳng phải chẳng độ, chẳng tận chẳng phải chẳng tận. Ví như mộng vượt qua biển lớn, gặp các nạn sóng gió, người ấy hoảng hốt, gào lên tiếng cho người ngoài biết. Người ngoài lay tỉnh, thản nhiên vô ưu, chỉ là cơn mộng, chẳng phải vượt sông.

Hỏi: Nói độ cùng chẳng độ đều rơi vào biên kiến, có sao chỉ nói độ hết thảy chúng sanh là đại thừa quảng trí, chẳng nói chẳng độ chúng sanh là đại thừa quảng trí?

Đáp: Chúng sanh chẳng chán khổ cầu vui, sợ trói buộc cầu giải thoát, nghe độ liền quy hướng, nghe chẳng độ chẳng biết nguyên có chẳng độ, liền nói Phật chẳng phải là bậc đại từ bi thời chẳng quy hướng. Do chẳng quy hướng, ngủ mãi trong mộng dài, không đâu ngừng được. Vì những người như thế nhiều phen nói là độ, chẳng nói là chẳng độ. Lại nữa các pháp vô hành. Kinh cũng dạy: 'Phật chẳng đắc Phật đạo, cũng chẳng độ chúng sanh, phàm phu cường phân biệt nên Phật độ chúng sanh'. Nói độ chúng sanh là đối trị tất đàn, nói chẳng độ chúng sanh là đệ nhất nghĩa tất đàn. Hai cách nói đều có nguyên do chẳng chống trái nhau.

Hỏi: Như mộng được dứt, há chẳng phải là độ ư? Nếu mộng của hết thảy chúng sanh đều dứt, thế gian há chẳng tận sao?

Đáp: Nói mộng là thế gian, nếu mộng dứt thời là không mộng. Nếu không mộng thời cũng chẳng nói là độ. Như thế biết thế gian tức là xuất thế gian, tuy độ vô lượng chúng sanh thời chẳng đọa đảo kiến.

Bốn là nghi Phật chẳng được nhất thiết chủng trí. Nếu có thể khắp biết các pháp, các pháp đọa hữu biên, nếu chẳng thể khắp biết, thời chẳng phải là nhất thiết chủng trí. Đối trị cái nghi này, nên nói vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí là trí của phàm phu hư vọng, Phật trí là chơn thật, hư thật khác xa nhau với với, lý chẳng bình đẳng, nên nói vô đẳng. Thanh văn, Bích Chi Phật như có điều muốn biết thì phải nhập định mới biết, xuất định không biết. Lại biết cũng có hạn, Phật được như thật tam muội, thường trong định

sâu mà biết khắp. Chiếu vạn pháp: nhị cùng bất nhị, pháp sâu khôn sánh nên nói vô luân. Bồ tát từ bát địa trở lên tuy được báo sanh tam muội dùng chẳng xuất nhập, mà tập khí còn nhỏ nhiệm, tam muội chẳng cực minh tịnh, sánh với Phật trí, trí Phật vẫn trên. Phật trí đoạn đủ, như pháp mà chiếu. Do pháp vô lượng, chiếu cũng vô lượng. Ví như hộp lớn thì nắp cũng lớn. Nên nói là tối thượng. Ba câu này cũng có thể xoay vần mà thành. Do Phật trí vô đẳng cho nên vô luân, do vô luân nên tối thượng thắng. Cũng có thể nói là vì tối thượng thắng nên vô đẳng, do vô đẳng nên vô luân. Nói vô đẳng là đủ, cứ chi cần phải nói hai câu sau. Như trí của Tu Đà Hoàn chẳng thể bằng với trí của A La Hán, mà là cùng loại. Sơ địa đến thập địa cũng giống vậy. Trí tuy chẳng ngang nhau chẳng sánh nổi (với Phật trí) vì có sao? Chẳng phải là trí tối thượng. Ông đem trí hữu biên để cật vấn, nghi Phật chẳng phải là nhất thiết chủng trí, chẳng đúng lẽ vậy.

Hỏi: Nói về kẻ sanh trong hạ bối, mười niệm liên tục liền được vãng sanh. Thế nào gọi là mười niệm liên tục?

Đáp: Ví như có người, đi về nhà qua chỗ trống trải, gặp phải oán tặc, vung đao hùng hổ, toan xông đến giết. Người ấy chạy lẹ, thấy phải vượt sông, nếu vượt được, đầu cổ mới toàn. Khi ấy, chỉ nghĩ cách vượt được sông, ta qua được bờ kia, hoặc mặc áo lội, hay cởi áo lội. Nếu mặc áo bơi, sợ qua không nổi. Nếu cởi áo ra, sợ không kịp nữa. Chỉ có niệm ấy không duyên gì khác, chỉ một lòng nghĩ chuyện vượt sông là một niệm. Chẳng tạp tâm như thế gọi là mười niệm liên tục. Hành giả cũng vậy, niệm A Di Đà Phật, như kẻ kia mong vượt sông, thẳng qua mười niệm. Như niệm danh hiệu của Phật, hoặc niệm tướng hảo của Phật, hoặc niệm quang minh của Phật, hoặc niệm thần lực của Phật, hoặc niệm công đức của Phật, hoặc niệm trí huệ của Phật, hoặc niệm bốn nguyện của Phật, không tâm khác gián tạp, tâm tâm tiếp nối, cho đến mười niệm, gọi là mười niệm liên tục. Mới nói mười niệm liên tục thì dường như chẳng khó, nhưng tâm phàm phu tựa như ngựa hoang, thức chẳng khác khi vượn, rong ruổi sáu trần, chẳng tạm ngừng nghỉ, nên phải tín tâm, tự niệm chắc chắn từ trước, khiến cho tích tập thành tánh, thiện căn kiên cố. Như Phật bảo Tần Bà Sa La vương: Người tích thiện hạnh, chết không ác niệm. Như cây nghiêng về tây, khi đổ ắt rơi về tây. Ví sửu đao phong một phen xảy tới, trăm khổ quấy thân, nếu chẳng do tu tập từ trước trong tâm, làm sao niệm nổi. Lại nên có người cùng chí hướng năm ba kẻ, kết lời thệ, để khi lâm chung, thay phiên khai ngộ, vì mình xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, nguyện sanh An Lạc, tiếng tâm tiếp nối, khiến thành mười niệm. Ví như ấn sáp đóng

vào đất sét, ấn nát nhưng dấu thành. Lúc mạng này dứt thì là lúc sanh An Lạc, một phen được vào chánh định tự, còn lo sầu gì.

### **Lược luận An Lạc Tịnh Độ nghĩa hết**

#### ***Năm môn phương tiện niệm Phật***

##### **Thiên Thai Trí Giả Đại sư soạn**

Một là lắng tâm thiền, hai là chế tâm thiền, ba là thể chơn thiền, bốn là phương tiện tùy duyên thiền, năm là dứt phân biệt hai bên thiền. Phàm trụ một tâm cảnh, gọi là lắng tâm. Như lúc hành giả niệm Phật, quán kỹ ngọc hào kim tướng của như lai, ngưng lặng tịch tĩnh, tỏ tường thông thấu, thì gọi là lắng tâm thiền. Kế đến là khi lắng tâm như trên, tập quán tán loạn, thì chế ngự tâm khiến trở về, duyên chắc chắn nơi kim tướng gọi là chế tâm thiền. Kế nữa, trước tuy đã chế tâm, được trụ định cảnh, nhưng chưa phải là lý quán, còn thuộc về tu nơi sự. Nay thể đã không lấy ai chế ngự, không Phật, không niệm, gọi là thể chơn thiền. Lại nữa, pháp trên tuy nói là thể chơn, còn vướng vào không tịch, vô lượng danh tướng mờ mịt chẳng biết. Nay dùng vô sở đắc để làm phương tiện. Từ không nhập giả, vạn tướng thấu tỏ, chẳng bị bụi không làm hoặc loạn, gọi là phương tiện thiền. Lại nữa, thể chơn cùng với phương tiện đều căn cứ trên không tướng, chẳng lìa nhị biên, nay quán kỹ tịnh, loạn vốn chẳng tướng mạo, danh ngôn đều dứt, ý tưởng cũng tuyệt, gọi là dứt nhị biên thiền. Từ cạn đến sâu, phân biệt như thể. Nguyên là pháp quán viên mãn, chẳng có cạn sâu, mà thành cạn sâu rành rành. Nên mở ra năm môn niệm Phật:

Môn thứ nhất gọi là vãng sanh niệm Phật tam muội môn. Thứ hai, quán tướng diệt tội niệm Phật tam muội môn. Thứ ba, quán cảnh duy tâm niệm Phật tam muội môn. Thứ tư, tâm cảnh đều rời niệm Phật tam muội môn. Thứ năm, tánh khởi viên thông niệm Phật tam muội môn. Chư Phật đại từ bi, thường dạy răn thuyết pháp, các hàng bồ tát dùng các thứ phương tiện khiến chúng sanh dễ hiểu. Lại tự dùng các thứ phương tiện, khai thị bát nhã ba la mật. Do vì có gì nói bát nhã ba la mật? Phật dạy: ‘Muốn khiến các hàng bồ tát tăng trưởng niệm Phật tam muội vậy’.

Do nhân duyên gì khiến niệm chư Phật? Phật dạy: ‘Như niệm Phật thì nên biết người ấy tức là giống như Văn Thù v.v.. không khác. Vì có sao? Tam muội này là pháp du hí của chư Phật Thế Tôn, là chỗ sanh khởi của các đại tam muội như Thủ Lăng Nghiêm v.v..’. Nên biết muốn

nhập các Phật pháp, phương tiện thật nhiều. Nếu dùng một lời để gồm đủ các môn, không chi hơn niệm Phật. Vì có sao thế? Hết thấy hiền thánh đều từ niệm Phật mà sanh. Hết thấy trí huệ đều từ niệm Phật mà có. Ngay như thập tín bồ tát cùng tam hiền bồ tát đều còn chẳng rời niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, hẳn đến chẳng rời niệm nhất thiết chủng trí, sơ địa bồ tát cho đến bát, cửu, thập địa bồ tát cũng chẳng rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cho đến chẳng rời nhất thiết chủng trí, chỉ do niệm biết sai biệt, tùy nghĩa lập danh. Chúng sanh mê danh, vọng niệm hiểu khác, chìm trôi ma giới, bèn khinh cái tên niệm Phật, bèn nói pháp của mình tu mới là nghiệp thù thắng. Vì thương bọn họ, nay lược nói ra. Nếu luận về người tu nhơn, thời chẳng lìa tam hiền, thập thánh. Nếu luận về bậc chứng quả thời chính là chư Phật Như Lai. Người tu nhơn buộc tâm thường nghĩ niệm mười phương hết thấy Phật. Bậc chứng quả lại đặc biệt chỉ ra pháp này là pháp thiền thanh tịnh vi diệu bậc nhất. Pháp dễ nhập để chứng quả không chi hơn niệm Phật. Than ôi! Hàng mạt học khinh pháp dễ nhập, mất chứng đắc sâu, bị kiến hoặc buộc ràng, đáng thương xót thay!

Lại chư Phật do chúng sanh thích xưng danh chư Phật, được sanh cõi các ngài nên bèn dạy ra môn vắng sanh. Chúng sanh có kẻ ưa thấy thân tướng chư Phật, e chướng chẳng thấy nên dạy ra môn quán tướng diệt tội. Chúng sanh có kẻ mê tâm chấp cảnh thì liền chỉ bày môn các cảnh duy tâm. Chúng sanh có chấp thật có, nên chỉ môn tâm cảnh cùng lìa. Chúng sanh ưa thiền định sâu hướng đến vô sanh diệt, nên chỉ cho môn tánh khởi viên thông. Ví đại thay đức Thế Tôn, khéo dắt dìu chúng con, khai thị một đạo thẳng đến pháp môn bồ đề thậm thâm chính là niệm Phật. Chỉ có bậc đại trí độ sanh rồi mới biết. Bậc tu thiền định sâu, bậc khéo hiểu kinh luận xin xét xem pháp môn này với các kinh đại thừa liễu nghĩa có gồm nghĩa bất tận hay không, xin nói thử xem. Thời biết xưng một danh hiệu Phật, trí sâu thì thành sâu, một câu mà đủ các môn, sẵn có bằng cứ vậy.

Đã nói ý của năm môn xong, nay lại xét đến thứ tự của phương tiện. Như lúc hành nhân miệng xưng Nam Mô A Di Đà Phật, tâm phải nguyện sanh cõi nước ngài, thì là xưng danh vắng sanh môn. Hành giả tưởng tượng Phật thân, chuyên chú chẳng rời, liền thấy quang minh của Phật, rục rở chiếu khắp, hành giả khi ấy tất cả tội chướng đều được tiêu diệt, thì chính là quán tướng diệt tội môn. Lại quán đức Phật này, từ tâm mình khởi, không cảnh giới khác, tức là chư cảnh duy tâm môn. Lại quán tâm này không có tự tướng để được, chính là môn tâm cảnh cùng không. Hành giả khi ấy đạt thiền định sâu, buông bỏ hết thấy tâm

ý, ý thức, sẽ nhập niết bàn, được mười phương Phật gia bị hộ niệm, hưng khởi trí môn. Hành giả khi đó trong khoảng một niệm, tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh. Như trăm ngàn vạn phần công đức của bốn môn trước chẳng bằng một phần của môn này. Vì có sao? Địa vị vô công dụng có thể dùng một thân làm vô lượng thân, tùy ý tu tập vậy, do Phật quán hộ, với nguồn pháp của chư Phật đạt đến tận đáy. Vì đều viên mãn nguyện như của Phổ Hiền, do bốn nguyện lực, do pháp như thế, tức là tánh khởi viên thông môn. Năm môn ở trên đây xong.

Hỏi: Thế nào là nhất hạnh tam muội?

Đáp: Kinh Đại Bảo Tích quyển 116 nói: Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nên tu hành thế nào để có thể mau chứng a nậu bồ đề? Phật dạy: Nhất hạnh tam muội. Thiện nam tử, thiện nữ như tu tam muội này thì mau được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ngài Văn Thù Sư Lợi thưa: Thế nào gọi là nhất hạnh tam muội? Phật dạy: Pháp giới nhất tướng, khấn duyên pháp giới, gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu thiện nam tử, thiện nữ như muốn nhập nhất hạnh tam muội, trước nên nghe bát nhã ba la mật, như lời dạy tu hành, rồi mới có thể nhập nhất hạnh tam muội. Như pháp giới duyên chẳng lui chẳng hoại, chẳng nghĩ bàn, vô ngại, vô tướng. Thiện nam tử, thiện nữ như muốn nhập nhất hạnh tam muội nên ở chỗ vắng vẻ, bỏ các loạn ý, chẳng lấy tướng mạo, buộc tâm nơi một Phật, chuyên xưng danh hiệu của Phật, tùy theo Phật ở phương nào thì ngời ngay ngấn hướng về đó, hay với một Phật niệm niệm tương tự, thời ở trong niệm ấy, có thể thấy tam thế chư Phật, vì có sao? Niệm một Phật công đức vô lượng vô biên, cùng với công đức niệm vô lượng chư Phật không có sai biệt. Nhập nhất hạnh tam muội như thế, biết hết tướng chẳng sai biệt của pháp giới của mười phương chư Phật như cát sông Hằng. Đoạn kinh văn này làm chứng.

Hỏi: Người ta phần nhiều vẽ tượng để quán, lẽ là có thánh giáo nào chăng?

Đáp: Trong kinh Đại Bảo Tích, quyển 89 nói: Khi ấy, Đại Tinh Tấn bồ tát cầm bức vải chôn vẽ tượng Phật, vào trong núi sâu tịch tĩnh không người, trong chỗ cầm, thú, mở bày bức tượng, kết cỏ làm tòa, ở trước tượng vẽ, ngồi kết già phu, chánh thân chánh niệm, quán đức Như Lai, quán sát kỹ rồi, nghĩ như thế này: Như Lai là hy hữu, vi diệu, trong bức vẽ còn ngồi đoan nghiêm vi diệu như thế, huống là thân của Như Lai chánh biến tri. Lại nghĩ thế này: làm sao quán Phật? Khi ấy, thần rùng biết tâm niệm của bồ tát, bạch bồ tát rằng: Đây thiện nam tử! Ông nghĩ

làm sao quán Phật. Đáp rằng: Nếu muốn quán Phật, nên quán tượng vẽ, quán bức tượng vẽ này chẳng khác như lai, đó gọi là quán Phật. Quán Phật như thế, quán như thế đó chính là khéo quán. Khi ấy, Đại Tinh Tấn bồ tát nghĩ như thế này: Ta nay làm sao quán được tượng vẽ giống như đức Như Lai. Lại nghĩ như sau: Tượng vẽ như thế chẳng giác chẳng tri, hết thấy chư pháp lại cũng giống vậy, chỉ có danh tự. Danh tự như thế tự tánh không tịch, vốn chẳng có sở hữu. Thân của như lai tướng như thế ấy, tượng vẽ chẳng phải là chứng chẳng phải quả. Chẳng chứng thì chẳng đắc, chẳng đắc thì chẳng trụ. Chẳng trụ thì chẳng đến đi, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tịnh chẳng sắc, chẳng phải tham, sân, si. Tượng vẽ chẳng phải ấm, giới, nhập, chẳng phải trước, giữa, sau. Hết thấy các pháp cũng lại như thế. Thân tướng như lai cũng lại như thế. Tượng vẽ này phi giác, phi tri, phi tác, hết thấy chư Phật cũng lại như thế. Quán thân tướng của như lai cũng lại như thế. Cho đến sáu căn cũng lại như thế.

Bồ tát quán thân như lai như vậy, ngồi kết già phu trong hăm mốt ngày, thành tựu ngũ thông, cúng dường chư Phật, chư thiên rải hoa để cúng dường, được Phật khen ngợi. Trong hội hai vạn người trụ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô lượng a tăng kỳ người trụ công đức nhĩ thừa. Đại Tinh Tấn chính là Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đoạn văn này minh thị nghĩa đã nói vậy. Ước theo bốn giáo, thời tâm chẳng sanh một mình phải nương vào duyên khởi. Lúc hành giả niệm Phật, ý tưởng làm như, như lai hào quang làm duyên cũng gọi là pháp trần để đối với ý căn. Cái niệm khởi lên chính là pháp được sanh. Quán chủ thể và khách thể của căn trần này, ba tướng di động, cái mới sanh cái cũ diệt, niệm niệm chẳng trụ, phân tích ra thì là không: không Phật, không niệm, đó là tạng giáo tiểu thừa. Liền quán niệm Phật tâm khởi, năng sanh, sở sanh không cái nào chẳng là không, vọng nói là tâm khởi, tâm thật chẳng khởi, khởi không tự tánh, thể chính là không. Phật tướng được quán như hình trong gương, như hoa trên không, vô Phật, vô niệm. Đó chính là thông giáo đại thừa vậy. Liền quán tâm niệm Phật khởi lên chính là pháp giả danh, sâu cạn chiếu tỏ, vô lượng danh tướng, như xem trong bàn tay, liễu tri tâm này có như lai tạng, trái các kiếp đoạn hoặc, mới chứng chơn thường, rời các bên hiển trung đạo, vô Phật, vô niệm, đó chính là biệt giáo đại thừa. Liền quán tâm niệm Phật khởi lên, thời không, giả tức là trung, hoặc căn hay trần đều là pháp giới, khởi một niệm cũng vậy. Với chư Phật trong các cõi nhiều như bụi một niệm chiếu tỏ, với chúng sanh trong lục đạo, trong sát na khắp ứng. Sơ tức là hậu, nay mới giác tri như người đại



phước chấp đá là báu, chẳng có niệm buông bỏ, riêng cầu lý niệm, thời nhị biên là trung đạo, vô Phật, vô niệm đó chính là viên giáo đại thừa. Kinh Anh Lạc nêu đốn ngộ như lai chính là nói điều này vậy.

***Môn năm phương tiện niệm Phật hết***

(1) Một nhận là bảy thước tàu. Một thước tàu chừng bốn mươi phân tây.

(2) Một thứ chim theo truyền thuyết rất độc, lông nó rụng xuống đâu cá chết tới đó.

(3) Tứ cú là bốn câu như trong đoạn trên: tri, bất tri, phi tri phi bất tri, phi phi tri phi phi bất tri.